BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4202 /QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 04 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 3201/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của Phân hiệu Ninh Thuận, các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 22 tháng 09 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 2015 sinh viên, trong đó bao gồm 1984 sinh viên hệ Đại học chính quy, 25 sinh viên hệ Cao đẳng chính quy, 06 sinh viên hệ Vừa làm vừa học các ngành.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- P.TC-KHĐT (phối hợp thực hiện)
- Website Trường;
- Lưu: VPT, PQLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số 4202 /QĐ-ĐHNL ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ									
DH15CK									
1	15118110	Vũ Công	Toàn	17/02/1997	Nam	2.52	135	Khá	KS.NLU.2026.1491
DH15NL									
1	15137046	Nguyễn Thành	Tâm	14/05/1997	Nam	2.39	135	Trung bình	KS.NLU.2026.1492
DH15TD									
1	15138014	Trương Công	Định	02/03/1997	Nam	2.98	135	Khá	KS.NLU.2026.1493
DH16CD									
1	16153076	Nguyễn Quốc	Tâm	11/10/1997	Nam	2.33	141	Trung bình	KS.NLU.2026.1494
DH17CK									
1	17118091	Hoàng Kim	Sơn	13/11/1999	Nam	2.49	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1495
DH18CD									
1	18153062	Nguyễn Ngọc	Quynh	01/01/2000	Nam	2.32	141	Trung bình	KS.NLU.2026.1496
DH18NL									
1	18137024	Trần Đăng	Khoa	03/02/2000	Nam	2.24	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1497
DH19CC									
1	19118033	Lê Tiến	Đạt	16/08/2001	Nam	2.25	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1498
2	19118039	Bùi Ngọc	Điệp	19/01/2001	Nam	2.31	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1499
3	19118177	Nguyễn Trường	Phong	19/07/2001	Nam	2.38	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1500
DH19CD									
1	19153041	Đặng Sơn	Minh	25/02/2001	Nam	2.56	142	Khá	KS.NLU.2026.1501
2	19153062	Trần Nguyên Anh	Phương	25/10/2001	Nam	2.31	142	Trung bình	KS.NLU.2026.1502

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH19CKC									
1	19118298	Nguyễn Tấn	Nhã	27/10/2001	Nam	2.07	139	Trung bình	KS.NLU.2026.1503
DH19NL									
1	19137021	Phạm Công	Hoàng	28/09/2001	Nam	2.10	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1504
DH19OT									
1	19154124	Phan Văn	Phương	17/05/2001	Nam	2.55	136	Khá	KS.NLU.2026.1505
DH19TD									
1	19138020	Đinh Văn	Hiển	26/01/2001	Nam	2.43	137	Trung bình	KS.NLU.2026.1506
DH20CC									
1	20118158	Bùi Vinh	Hiển	18/01/2002	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.1507
2	20118162	Nguyễn Võ Xuân	Hiếu	10/10/2001	Nam	2.19	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1508
3	20118230	Ung A	Phú	12/02/2002	Nam	2.25	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1509
4	20118260	Nguyễn Văn	Thịnh	01/01/2002	Nam	2.04	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1510
5	20118265	Đặng Văn	Thuận	23/01/2002	Nam	2.30	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1511
DH20CD									
1	20153109	Trần Vĩnh	Phú	13/07/2002	Nam	2.50	158	Khá	KS.NLU.2026.1512
DH20CK									
1	20118011	Đặng Hữu Minh	Duy	26/09/2002	Nam	2.24	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1513
DH20CKC									
1	20118151	Phùng Khánh	Duy	23/11/2002	Nam	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.1514
2	20118199	Chu Phương	Nam	07/04/2002	Nam	2.29	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1515
DH20NL									
1	20137105	Nguyễn Trọng	Phú	01/03/2002	Nam	2.17	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1516
DH20OT									
1	20154086	Nguyễn Trần Nhật	Bảo	23/01/2002	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.1517
2	20154144	Trần Gia	Huy	12/09/2002	Nam	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.1518
3	20154176	Phạm Trọng Công	Nghĩa	31/03/2002	Nam	2.57	158	Khá	KS.NLU.2026.1519

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
★ 4	20154241	Trương Quang	Tuấn	31/03/2002	Nam	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.1520
DH20TD									
1	20138112	Nguyễn Ngô Gia	Phước	19/11/2002	Nam	2.03	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1521
2	20138110	Đỗ Thiện	Phước	30/05/2002	Nam	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.1522
DH21CC									
1	21118229	Trần Văn	Hậu	18/07/2003	Nam	2.13	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1523
2	21118233	Đỗ Sơn	Hiếu	07/06/2003	Nam	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1524
3	21118254	Dương Gia	Huy	13/11/2003	Nam	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.1525
4	21118316	Trần Phương	Nam	05/10/2003	Nam	2.47	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1526
5	21118322	Trần Thái	Nguyên	20/03/2003	Nam	2.37	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1527
6	21118365	Nguyễn Thành	Sơn	11/05/2003	Nam	2.41	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1528
7	21118390	Ngô Hoàng Bảo	Tiến	11/02/2003	Nam	2.31	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1529
8	21118434	Trần Đình	Xuân	08/01/2003	Nam	2.40	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1530
DH21CD									
1	21153130	Trần Hữu	Hòa	29/10/2003	Nam	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.1531
2	21153148	Đoàn Khắc	Luân	19/10/2003	Nam	2.44	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1532
3	21153167	Huỳnh Minh	Nhật	31/07/2003	Nam	2.77	158	Khá	KS.NLU.2026.1533
4	21153169	Cao Hạo	Nhiên	30/05/2003	Nam	2.36	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1534
5	21153171	Nguyễn Thanh	Phát	17/12/2003	Nam	2.41	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1535
6	21153205	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/07/2003	Nữ	2.62	158	Khá	KS.NLU.2026.1536
DH21CK									
1	21118043	Trần Khánh	Duy	09/06/2003	Nam	2.27	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1537
2	21118237	Hứa Minh	Hòa	07/11/2003	Nam	2.17	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1538
3	21118259	Nguyễn Trần Gia	Huy	04/12/2003	Nam	2.40	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1539
4	21118265	Hồ Thị Như	Huỳnh	28/01/2003	Nữ	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.1540
5	21118268	Nguyễn Ngọc	Khang	15/06/2003	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1541
6	21118291	Nguyễn Hoàng	Lâm	20/05/2003	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1542
7	21118331	Phạm Kim	Niên	05/09/2003	Nam	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1543

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	21118435	Nguyễn Vũ Hải	Yến	03/11/2003	Nữ	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.1544
DH21CKC									
1	21118191	Phạm Hùng	Cường	31/01/2003	Nam	2.24	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1545
2	21118261	Phạm Ngọc	Huy	01/12/2003	Nam	2.19	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1546
3	21118323	Dương Thành	Nhân	20/12/2003	Nam	2.44	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1547
4	21118370	Trần Lê Thế	Tân	28/07/2003	Nam	2.05	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1548
5	21118418	Trần Huỳnh Thanh	Tuyến	24/03/2003	Nam	2.00	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1549
DH21NL									
1	21118213	Đỗ Quang	Duy	19/09/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1550
2	21137058	Hà Văn	Đạt	09/03/2003	Nam	2.39	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1551
3	21118231	Lê Quốc	Hiền	21/11/2003	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1552
4	21137074	Huỳnh Ngọc	Hiển	18/06/2003	Nam	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1553
5	21137085	Phạm Nhật	Huy	04/11/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1554
6	21137087	Dương	Khang	15/11/2003	Nam	2.43	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1555
7	21137103	Nguyễn Đức	Mạnh	19/03/2003	Nam	2.03	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1556
8	21137114	Nguyễn Hoài	Nhuẩn	25/12/2003	Nam	2.22	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1557
9	21137115	Nguyễn Ngọc	Phong	28/05/2003	Nam	2.71	159	Khá	KS.NLU.2026.1558
10	21137119	Nguyễn Văn	Phúc	04/01/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1559
11	21137130	Hồ Chí	Tâm	16/06/2003	Nam	2.14	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1560
12	21137155	Nguyễn Song	Toàn	28/08/2003	Nam	2.26	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1561
13	21137162	Nguyễn Thanh	Tuấn	26/01/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1562
14	21137137	Phạm Tuấn	Thành	20/03/2003	Nam	2.31	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1563
DH21OT									
1	21154123	Trần Hoàng	Anh	13/12/2003	Nam	2.57	158	Khá	KS.NLU.2026.1564
2	21154124	Ngô Trương Công	Bằng	23/06/2003	Nam	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1565
3	21154157	Nguyễn Minh	Duy	23/10/2003	Nam	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.1566
4	21154143	Lê Hoàng Khánh	Đăng	20/01/2003	Nam	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.1567
5	21154150	Nguyễn Hoàng	Đông	08/07/2003	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.1568

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	21154151	Cao Duy	Đức	31/01/2003	Nam	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.1569
7	21154166	Võ Tấn Anh	Hào	01/07/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1570
8	21154184	Nguyễn Văn	Hoàng	25/11/2003	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.1571
9	21154191	Nguyễn Quang	Huy	06/03/2003	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1572
10	21154048	Phan Quốc	Kiệt	20/04/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1573
11	21154207	Lương Thành	Kim	21/03/2003	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1574
12	21154193	Phan Đình Minh	Kha	03/08/2003	Nam	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.1575
13	21154199	Đinh Đăng	Khoa	23/10/2003	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1576
14	21154045	Trần Lê Thiên	Khoa	01/08/2003	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.1577
15	21154213	Hoàng Xuân	Lộc	16/11/2003	Nam	2.40	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1578
16	21154227	Võ Thành	Luân	26/12/2003	Nam	2.36	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1579
17	21154224	Nguyễn Kim	Luân	28/12/2003	Nam	2.37	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1580
18	21154230	Phạm Văn	Mạnh	10/02/2003	Nam	2.37	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1581
19	21154241	Lê Minh	Nghĩa	06/06/2003	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1582
20	21154249	Huỳnh Thành	Nhân	21/10/2003	Nam	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1583
21	21154255	Nguyễn Minh	Nhựt	01/08/2003	Nam	2.72	158	Khá	KS.NLU.2026.1584
22	21154259	Nguyễn Tiến	Phát	10/03/2003	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.1585
23	21154258	Lê Thành	Phát	23/12/2003	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1586
24	21154262	Bùi Phan Duy	Phú	26/10/2003	Nam	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.1587
25	21154268	Lê Hồng	Phúc	28/12/2003	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1588
26	21154269	Nguyễn Hoàng	Phúc	08/08/2003	Nam	2.79	158	Khá	KS.NLU.2026.1589
27	21154297	Giáp Thành	Tâm	07/11/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1590
28	21154304	Nguyễn Anh	Tấn	24/08/2003	Nam	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.1591
29	21154330	Nguyễn Minh	Tiến	18/05/2003	Nam	2.29	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1592
30	21154336	Nguyễn Trần Quốc	Toản	01/01/2003	Nam	2.66	158	Khá	KS.NLU.2026.1593
31	21154347	Ngô Như	Tú	15/07/2003	Nam	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.1594
32	21154349	Hồ Võ Duy	Tuấn	12/01/2003	Nam	2.79	158	Khá	KS.NLU.2026.1595
33	21154351	Nguyễn Hoàng	Tuấn	14/02/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1596

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
34	21154354	Trần Xuân	Tuấn	19/07/2003	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.1597
35	21154356	Trần Lê Thanh	Tùng	07/05/2003	Nam	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.1598
36	21154317	Phạm Dương Quốc	Thành	12/01/2003	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1599
37	21154318	Trịnh Chấn	Thành	15/12/2003	Nam	2.62	158	Khá	KS.NLU.2026.1600
38	21154323	Nguyễn Hoàng Trường	Thịnh	14/12/2003	Nam	2.57	158	Khá	KS.NLU.2026.1601
39	21154324	Huỳnh Phúc	Thoại	11/12/2003	Nam	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.1602
40	21154326	Trần Hoàng	Thông	05/08/2003	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1603
41	21154342	Tạ Khánh	Trinh	20/10/2003	Nữ	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1604
42	21154358	Lê Thế	Vinh	09/01/2003	Nam	2.25	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1605
DH21RE									
1	21152036	Huỳnh Công	Bằng	13/07/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1606
2	21152051	Hồ Phúc	Hưng	07/05/2003	Nam	2.65	159	Khá	KS.NLU.2026.1607
3	21152056	Trần Khánh Thiên	Kim	13/04/2003	Nữ	2.98	159	Khá	KS.NLU.2026.1608
4	21152063	Nguyễn Minh	Nhật	05/09/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1609
5	21152070	Phan Duy	Phúc	01/04/2003	Nam	2.31	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1610
DH21TD									
1	21138086	Trương Hoài	An	05/03/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1611
2	21138089	Phạm Quốc	Bảo	16/10/2003	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.1612
3	21138008	Võ Vinh	Cơ	26/10/2003	Nam	2.57	158	Khá	KS.NLU.2026.1613
4	21138107	Bùi Thị Bích	Dung	21/03/2003	Nữ	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1614
5	21138100	Võ Văn	Đại	31/07/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1615
6	21138102	Nguyễn Thành	Đạt	15/07/2003	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1616
7	21138119	Nguyễn Hữu	Hoài	27/04/2003	Nam	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.1617
8	21138124	Võ Thanh	Hoàng	25/09/2003	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1618
9	21138122	Phan Trần	Hoàng	23/08/2003	Nam	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.1619
10	21138032	Trần Duy	Khang	27/08/2003	Nam	2.50	158	Khá	KS.NLU.2026.1620
11	21138141	Trương Thành	Lợi	06/04/2003	Nam	2.50	158	Khá	KS.NLU.2026.1621
12	21138161	Tống Hoàng	Phúc	15/03/2003	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1622

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
13	21138171	Nguyễn Trường	Sơn	22/08/2003	Nam	2.38	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1623
14	21138060	Bạch Tiến	Sỹ	07/11/2003	Nam	2.35	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1624
15	21138069	Lê Minh	Tiến	21/10/2003	Nam	2.17	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1625
16	21138186	Huỳnh Xuân	Tín	27/02/2003	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.1626
17	21138190	Nguyễn Trung	Tính	13/08/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1627
18	21138193	Trần Minh	Toàn	18/11/2003	Nam	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1628
19	21138079	Bùi Sơn	Tùng	02/10/2003	Nam	2.10	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1629
20	21138195	Trần	Trí	11/03/2003	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1630
21	21138204	Nguyễn Thị Phúc	Uyên	20/09/2003	Nữ	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.1631
DH22CC									
1	22118020	Lê Bá	Chung	27/05/2004	Nam	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1632
2	22118031	Phan Thành	Đạt	11/08/2004	Nam	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.1633
3	22118027	Lê Cao Minh	Đăng	11/10/2004	Nam	3.19	158	Khá	KS.NLU.2026.1634
4	22118060	Đặng Võ Huy	Hoàng	27/01/2004	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1635
5	22118063	Nguyễn Phi	Hùng	15/08/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1636
6	22118072	Nguyễn Đỗ Phúc	Khang	26/06/2004	Nam	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.1637
7	22118078	Đoàn Anh	Khoa	11/10/2004	Nam	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.1638
8	22118094	Dương Thành	Luân	10/06/2004	Nam	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.1639
9	22118096	Trần Sĩ	Luyện	07/12/2004	Nam	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.1640
10	22118111	Lê Văn	Nghĩa	12/12/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1641
11	22118120	Nguyễn Trọng	Nhân	01/07/2004	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.1642
12	22118164	Trần Việt	Tiệp	17/10/2004	Nam	2.62	158	Khá	KS.NLU.2026.1643
13	22118165	Trần Nguyễn Trung	Tín	10/01/2004	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1644
14	22118167	Nguyễn Hoàng	Tỉnh	02/12/2004	Nam	3.03	158	Khá	KS.NLU.2026.1645
15	22118166	Nguyễn Văn	Tính	16/01/2004	Nam	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.1646
16	22118186	Nguyễn Anh	Tuấn	25/04/2004	Nam	3.25	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1647
17	22118155	Kinh Thanh Di	Thiên	30/10/2003	Nam	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.1648
18	22118172	Trần Văn	Trà	26/09/2004	Nam	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.1649

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
19	22118174	Lê Văn	Trọng	29/02/2004	Nam	3.22	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1650
20	22118175	Nguyễn Bảo	Trực	25/04/2004	Nam	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.1651
21	22118179	Bùi Quang	Trường	06/07/2004	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.1652
DH22CD									
1	22153009	Lê Tuấn	Cảnh	19/03/2004	Nam	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1653
2	22153011	Nguyễn Du	Công	06/12/2004	Nam	3.39	158	Khá	KS.NLU.2026.1654
3	22153026	Lê Khánh	Duy	27/08/2004	Nam	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.1655
4	22153031	Nguyễn Văn	Hậu	23/08/2004	Nam	3.41	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1656
5	22153036	Nguyễn Trọng	Hiếu	25/01/2004	Nam	3.65	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1657
6	22153043	Nguyễn Tiến	Hoàng	08/10/2004	Nam	2.72	158	Khá	KS.NLU.2026.1658
7	22153062	Hồ Hoàng	Long	18/10/2004	Nam	3.41	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1659
8	22153073	Bùi Trọng	Nhân	16/11/2004	Nam	3.43	159	Giỏi	KS.NLU.2026.1660
9	22153087	Hồ Quốc	Phong	10/06/2004	Nam	3.33	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1661
10	22153111	Nguyễn Thị Huệ	Thu	01/04/2004	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.1662
11	22153123	Hoàng Văn	Trường	27/01/2004	Nam	2.99	159	Khá	KS.NLU.2026.1663
DH22CK									
1	22118014	Lưu Gia	Bảo	23/05/2004	Nam	2.94	159	Khá	KS.NLU.2026.1664
2	22118085	Lê Tuấn	Kiệt	23/07/2004	Nam	3.01	159	Khá	KS.NLU.2026.1665
3	22118123	Lê Trung	Nhựt	13/07/2004	Nam	2.95	159	Khá	KS.NLU.2026.1666
4	22118129	Nguyễn Bá	Phúc	05/07/2004	Nam	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.1667
5	22118144	Trần Hoàng	Tâm	19/07/2004	Nam	2.76	159	Khá	KS.NLU.2026.1668
6	22118162	Phạm Văn	Tiến	01/02/2004	Nam	2.87	159	Khá	KS.NLU.2026.1669
7	22118149	Nguyễn Vũ Quốc	Thái	13/10/2004	Nam	2.76	159	Khá	KS.NLU.2026.1670
8	22118150	Đặng Hoàng	Thắng	17/07/2004	Nam	3.15	159	Khá	KS.NLU.2026.1671
9	22118193	Nguyễn	Vũ	26/08/2004	Nam	2.84	159	Khá	KS.NLU.2026.1672
DH22NL									
1	22137018	Võ Sĩ	Đức	18/11/2004	Nam	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.1673
2	22137038	Trần Tuấn	Khang	30/06/2004	Nam	2.54	159	Khá	KS.NLU.2026.1674

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	22137057	Trương Thị Quỳnh	Như	30/10/2004	Nữ	3.75	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1675
4	22137056	Nguyễn Ngọc	Như	23/11/2004	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.1676
5	22137083	Võ Anh	Tuấn	13/03/2004	Nam	3.23	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1677
DH22OT									
1	22154003	Dương Gia	Bảo	08/08/2004	Nam	3.05	158	Khá	KS.NLU.2026.1678
2	22154005	Đinh Tấn	Bình	20/02/2004	Nam	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.1679
3	22154025	Nguyễn Thanh	Duy	12/08/2004	Nam	3.29	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1680
4	22154019	Vũ Trung	Đức	09/04/2004	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1681
5	22154031	Nguyễn Ngọc	Hải	28/03/2004	Nam	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.1682
6	22154035	Nguyễn Lê Anh	Hào	23/10/2004	Nam	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.1683
7	22154037	Nguyễn Công	Hảo	31/08/2004	Nam	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.1684
8	22154041	Nguyễn	Hoàn	29/11/2004	Nam	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1685
9	22154043	Nguyễn Huy	Hoàng	25/10/2004	Nam	3.10	158	Khá	KS.NLU.2026.1686
10	22154060	Huỳnh Tấn	Kiệt	20/07/2003	Nam	3.46	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1687
11	22154061	Lê Quốc	Kiệt	23/01/2004	Nam	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.1688
12	22154059	Dương Châu	Kiệt	12/07/2004	Nam	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.1689
13	22154051	Phạm Hoàng Nam	Khải	14/03/2004	Nam	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.1690
14	22154056	Lưu Nguyễn Tấn	Khoa	26/07/2004	Nam	3.36	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1691
15	22154057	Ngô Trần Đăng	Khoa	09/03/2004	Nam	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.1692
16	22154058	Nguyễn Đăng	Khoa	01/09/2004	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.1693
17	22154067	Võ Khắc Thiên	Lộc	23/11/2004	Nam	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.1694
18	22154076	Nguyễn Phạm Văn	Mùi	02/12/2003	Nam	3.29	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1695
19	22154084	Ngô Huỳnh Công	Nhật	02/01/2004	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.1696
20	22154086	Nguyễn Thành	Phát	19/07/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1697
21	22154095	Phạm Hồ Minh	Quân	09/10/2004	Nam	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.1698
22	22154096	Vũ Hồng	Quân	05/08/2004	Nam	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.1699
23	22154099	Nguyễn Phú	Quý	21/07/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1700
24	22154105	Lê Nguyễn Trường	Sơn	07/03/2004	Nam	3.22	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1701

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
25	22154106	Nguyễn Chí	Tài	22/10/2004	Nam	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1702
26	22154107	Nguyễn Duy	Tân	04/03/2004	Nam	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.1703
27	22154108	Trần Nhật	Tân	14/08/2004	Nam	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.1704
28	22154127	Phan Trọng	Tính	27/11/2004	Nam	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.1705
29	22154135	Lê Võ Minh	Tự	10/02/2004	Nam	3.44	158	Giỏi	KS.NLU.2026.1706
30	22154112	Đào Lê Xuân	Thành	01/01/2004	Nam	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.1707
31	22154109	Lương Nguyễn Toàn	Thắng	25/10/2004	Nam	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.1708
32	22154110	Phạm Đức	Thắng	12/09/2004	Nam	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.1709
33	22154116	Lê Nhựt	Thiên	15/08/2004	Nam	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.1710
34	22154118	Huỳnh Ngọc	Thịnh	21/01/2004	Nam	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.1711
35	22154121	Mai Nhật Minh	Thông	15/04/2004	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1712
36	22154130	Nguyễn Huỳnh Minh	Trí	13/08/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1713
37	22154139	Phạm Minh	Vĩ	27/11/2004	Nam	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.1714
DH22RE									
1	22152010	Trương Nữ Tường	Dy	03/03/2002	Nữ	2.73	160	Khá	KS.NLU.2026.1715
2	22152014	Phạm Nguyên	Hào	23/03/2004	Nam	2.85	160	Khá	KS.NLU.2026.1716
3	22152019	Phạm Trần	Hoàng	08/09/2004	Nam	3.16	160	Khá	KS.NLU.2026.1717
4	22152038	Trần Ngọc An	Thư	11/04/2004	Nữ	2.81	160	Khá	KS.NLU.2026.1718
DH22TD									
1	22138003	Nguyễn Ngọc	Anh	27/03/2004	Nữ	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1719
2	22138007	Nguyễn Quốc	Bảo	12/05/2004	Nam	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.1720
3	22138028	Nguyễn Trọng	Duy	11/01/2004	Nam	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.1721
4	22138029	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	30/01/2004	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.1722
5	22138022	Nguyễn Hữu	Đức	19/05/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1723
6	22138031	Lý Tuấn	Hào	01/08/2004	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.1724
7	22138036	Đinh Võ Hoàng	Hiếu	27/03/2004	Nam	2.33	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1725
8	22138035	Đinh Đức	Hiếu	10/04/2004	Nam	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.1726
9	22138038	Nguyễn Đức	Huy	23/02/2004	Nam	2.38	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1727

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	22138043	Nguyễn Phúc Bảo	Khang	10/02/2004	Nam	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.1728
11	22138046	Lê Quang	Khánh	24/04/2004	Nam	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1729
12	22138047	Phan Minh Quốc	Khánh	02/08/2004	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.1730
13	22138049	Nguyễn Lương	Khoa	04/03/2004	Nam	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.1731
14	22138057	Đào Công	Luận	10/05/2004	Nam	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.1732
15	22138069	Nguyễn Đức Xuân	Nhật	22/07/2004	Nam	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.1733
16	22138072	Bùi Tuấn	Phong	03/03/2004	Nam	2.31	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1734
17	22138078	Nguyễn Mạnh	Quang	21/02/2004	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.1735
18	22138080	Trần Nhật	Sang	17/01/2004	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1736
19	22138082	Trần Đức	Tài	07/07/2004	Nam	3.26	158	Khá	KS.NLU.2026.1737
20	22138081	Phạm Phùng Anh	Tài	23/05/2004	Nam	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.1738
21	22138083	Nguyễn Trọng	Tâm	03/10/2004	Nam	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1739
22	22138099	Nguyễn Minh	Tiến	13/07/2004	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1740
23	22138102	Trương Quốc	Toàn	12/08/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1741
24	22138089	Đinh Trần Thanh	Thành	24/09/2004	Nam	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.1742
25	22138086	Cao Văn	Thân	11/05/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.1743
26	22138090	Nguyễn Hoàng	Thi	29/06/2004	Nam	2.74	158	Khá	KS.NLU.2026.1744
27	22138092	Nguyễn Huy	Thống	06/08/2004	Nam	2.37	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1745
28	22138103	Đặng Đức	Trí	15/09/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.1746
29	22138110	Trần Quốc	Trung	23/02/2004	Nam	3.15	158	Khá	KS.NLU.2026.1747
30	22138109	Nguyễn Văn	Trực	20/08/2004	Nam	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.1748
31	22138117	Phạm Thị Phương	Uyên	15/01/2004	Nữ	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1749
32	22138121	Trần Chí	Vỹ	15/08/2004	Nam	3.70	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.1750
Chăn nuôi Thú Y									
DH15TTB									
1	15111155	Võ Nhựt	Tính	22/02/1997	Nam	2.94	168	Khá	BSTY.NLU.2026.1751
2	15112361	Lê Thị Minh	Thùy	16/08/1997	Nữ	2.63	168	Khá	BSTY.NLU.2026.1752

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH15TYGL									
1	15112205	Trần Thị	Hà	10/06/1995	Nữ	2.60	165	Khá	BSTY.NLU.2026.1753
DH15TYNT									
1	15112398	Nguyễn Thành	Công	06/04/1997	Nam	2.61	165	Khá	BSTY.NLU.2026.1754
2	14112634	Phạm Thanh	Tùng	26/06/1996	Nam	2.54	165	Khá	BSTY.NLU.2026.1755
DH17CN									
1	17111168	Nguyễn Tử	Văn	18/03/1999	Nam	2.78	136	Khá	KS.NLU.2026.1756
DH18TT									
1	18112274	Đinh Nhật	Hoàng	25/09/2000	Nam	2.27	169	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1757
2	17112275	Ngô Ngọc Thụy	Vy	17/09/1999	Nữ	2.88	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1758
DH18TY									
1	18112010	Ngô Ngọc Minh	Anh	04/06/2000	Nữ	2.88	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1759
2	18112363	Tăng Nhật	Tài	19/05/1999	Nam	2.38	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1760
3	18112251	Lê Thị Ngọc	Vin	02/01/2000	Nữ	2.53	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1761
DH18TYGL									
1	18125495	Bùi Thị Mỹ	Hạ	20/08/2000	Nữ	2.26	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1762
DH19CN									
1	19111021	Nguyễn Thành	Được	16/05/2001	Nam	2.18	133	Trung bình	KS.NLU.2026.1763
DH19DY									
1	19112173	Nguyễn Nhựt	Thiện	24/11/2001	Nam	2.65	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1764
DH19TA									
1	19111076	Nguyễn Văn Chi	Mỹ	26/07/2001	Nam	2.05	136	Trung bình	KS.NLU.2026.1765
DH19TT									
1	19112251	Bùi Thanh	Hiếu	10/02/2000	Nam	2.63	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1766
2	19112262	Chung Huệ	Mẫn	11/06/2001	Nữ	2.66	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1767
3	19112150	Văn Minh	Quân	27/12/2001	Nam	2.90	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1768
4	19112286	Huỳnh Hà Minh	Uyên	17/05/2001	Nữ	3.01	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1769

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH19TY									
1	19112003	Nguyễn Huyền Trang Hồng	Ân	20/11/2001	Nữ	2.38	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1770
2	19112027	Nguyễn Thị	Diễm	21/09/2001	Nữ	2.46	168	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1771
3	19112929	Phạm Dương Bảo	Hoàn	02/11/2000	Nam	2.92	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1772
4	19112144	Nguyễn Thành	Phú	31/07/2001	Nam	2.01	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1773
5	19112151	Lại Anh	Quế	16/02/2001	Nữ	2.64	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1774
6	19112400	Thành Thị Mỹ	Thanh	09/02/2000	Nữ	2.19	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1775
7	19112174	Nguyễn Anh	Thơ	24/05/2001	Nữ	3.04	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1776
8	19112236	Nguyễn Thị Kim	Xuân	13/02/2001	Nữ	2.73	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1777
DH19TYGL									
1	19112300	Long Thị Kim	Oanh	13/06/2001	Nữ	2.49	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1778
DH20CN									
1	20111150	Lâm Chí	Khanh	02/08/2002	Nam	2.29	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1779
2	20111245	Huỳnh Hiếu	Nghĩa	23/10/2002	Nam	2.25	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1780
3	20111089	Nguyễn Nhật	Tài	09/02/2002	Nam	2.04	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1781
4	20111145	Hà Trường	Thành	22/10/2002	Nam	2.02	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1782
5	20111304	Trần Thị Minh	Thùy	24/10/2002	Nữ	2.70	159	Khá	KS.NLU.2026.1783
6	20111306	Lê Thị Hồng	Thy	13/11/2002	Nữ	2.50	158	Khá	KS.NLU.2026.1784
DH20TA									
1	20111075	Nguyễn Cẩm	Phát	05/12/2002	Nam	2.34	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1785
DH20TT									
1	20112184	Trần Lâm Phương	Anh	10/09/2002	Nữ	3.02	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1786
2	20112134	Võ Thị Mỹ	Châu	10/07/2002	Nữ	2.65	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1787
3	20112023	Nguyễn Ngô Thuỳ	Dương	14/08/2002	Nữ	3.20	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1788
4	20112199	Nguyễn Hải	Đăng	14/05/2002	Nam	2.83	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1789
5	20112229	Võ Thị Mỹ	Hiền	20/12/2001	Nữ	2.55	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1790
6	20112140	Nguyễn Hoàng Ngọc	Linh	03/04/2002	Nữ	3.19	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1791

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	20112297	Ngô Minh	Ngọc	09/11/2002	Nữ	2.70	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1792
8	20112316	Phạm Thị Quỳnh	Như	23/01/2002	Nữ	3.34	169	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1793
9	20112164	Phan Nguyễn Quỳnh	Như	18/01/2002	Nữ	3.02	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1794
10	20112335	Đặng Hữu	Quang	22/05/2002	Nam	2.89	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1795
11	20112388	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	19/06/2002	Nữ	3.16	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1796
12	20112423	Trần Thị Hải	Yến	14/09/2002	Nữ	2.80	169	Khá	BSTY.NLU.2026.1797
DH20TY									
1	20112179	Lương Hoàng	Ân	29/11/2002	Nam	3.21	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1798
2	20112196	Trần Ngọc Lan	Chi	07/10/2002	Nữ	2.19	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1799
3	20112214	Dương Triệu	Duy	24/12/2002	Nam	2.51	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1800
4	20112202	Trần Văn Nhật	Đạt	17/08/2002	Nam	2.33	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1801
5	20112203	Vũ Tiến	Đạt	18/11/2002	Nam	2.68	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1802
6	20112232	Trần Trí	Hiếu	03/07/2002	Nam	2.71	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1803
7	20112238	Trần Thị	Hồng	12/07/2002	Nữ	2.95	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1804
8	20112055	Lê Thị Thanh	Ngân	24/09/2002	Nữ	2.76	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1805
9	20112066	Lê Thị Thanh	Nhàn	03/12/2002	Nữ	2.30	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1806
10	20112379	Nguyễn Thiện	Toàn	11/03/2002	Nam	2.42	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1807
11	20112353	Trương Đức	Thắng	05/09/2002	Nam	2.49	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1808
12	20112383	Bùi Phương	Trân	22/12/2002	Nữ	2.66	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1809
DH20TYGL									
1	20112454	La Bắc	Sơn	13/12/2001	Nam	2.61	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1810
DH20TYNT									
1	20112438	Phạm Võ Bích	Hóa	25/04/2002	Nữ	2.90	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1811
2	20113399	Trần Thị Bích	Phượng	10/08/2002	Nữ	2.85	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1812
3	20112436	Nguyễn Quang	Tuyên	24/04/2002	Nam	2.46	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1813
DH21CN									
1	21111406	Nguyễn Hữu	Vinh	20/03/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.1837
2	21111195	Nguyễn Sĩ Phi	Bảo	30/11/2003	Nam	2.68	159	Khá	KS.NLU.2026.1814

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21111210	Hoàng Lê	Đức	11/04/2003	Nam	2.30	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1815
4	21111029	Phạm Duy An	Ghi	10/07/2003	Nam	2.38	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1816
5	21111040	Trần Thị Kiều	Hân	30/08/2003	Nữ	2.35	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1817
6	21111245	Nguyễn Trọng	Hiếu	18/01/2003	Nam	2.33	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1818
7	21111246	Phan Công	Hiếu	17/01/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.1819
8	21111274	Trần Thị Thúy	Liễu	11/05/2003	Nữ	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.1820
9	21111071	Nguyễn Phúc	Lộc	16/03/2003	Nam	2.23	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1821
10	21111080	Nguyễn Thị Gia	Mẫn	20/11/2003	Nữ	2.86	160	Khá	KS.NLU.2026.1822
11	21111322	Nguyễn Mỹ	Phương	22/09/2003	Nữ	2.43	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1823
12	21111336	Trần Nguyễn Phước	Sang	14/10/2003	Nữ	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.1824
13	21111367	Đỗ Thị Thùy	Tiên	29/05/2003	Nữ	2.39	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1825
14	21111369	Trần Phạm Thủy	Tiên	26/12/2003	Nữ	2.94	158	Khá	KS.NLU.2026.1826
15	21111400	Huỳnh Sơn	Tuyền	24/12/2003	Nữ	2.36	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1827
16	21111159	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	10/03/2003	Nữ	2.88	159	Khá	KS.NLU.2026.1828
17	21111137	Trương Lê Như	Thảo	08/11/2003	Nữ	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1829
18	21111352	Lê Hoàng	Thiện	13/09/2003	Nam	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.1830
19	21111360	Hồ Lê Quang	Thuận	12/09/2003	Nam	2.37	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1831
20	21111150	Ngô Thuỳ	Trang	17/12/2002	Nữ	2.37	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1832
21	21111375	Hồ Bích	Trâm	07/12/2003	Nữ	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.1833
22	21111376	Trần Nguyễn Mai	Trân	30/10/2003	Nữ	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.1834
23	21111383	Nguyễn Thanh Diễm	Trinh	17/02/2003	Nữ	2.44	158	Trung bình	KS.NLU.2026.1835
24	21111393	Phạm Anh	Trường	15/06/2003	Nam	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.1836
DH21DY									
1	21112388	Vũ Thị Nhật	Ánh	02/08/2003	Nữ	3.08	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1838
2	21112082	Lưu Gia	Huệ	08/08/2003	Nữ	3.59	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1839
3	21112494	Hồ Thị Thùy	Linh	29/01/2003	Nữ	2.83	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1840
4	21112124	Nguyễn Hữu	Long	25/11/2003	Nam	2.52	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1841
5	21112142	Nguyễn Tuyết	Ngân	06/02/2003	Nữ	2.60	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1842

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	21112539	Tạ Trần Gia	Nghi	29/11/2003	Nữ	3.46	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1843
7	21112283	Kiều Anh	Tuấn	24/10/2003	Nam	2.81	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1844
8	21112215	Đào Thị Thu	Thảo	07/01/2003	Nữ	3.14	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1845
9	21112278	Nguyễn Minh	Trường	05/03/2003	Nam	2.73	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1846
DH21TA									
1	21111014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	20/04/2003	Nữ	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.1847
2	21111017	Nguyễn Đức	Cường	18/09/2003	Nam	2.61	159	Khá	KS.NLU.2026.1848
3	21111242	Đỗ Mai Trung	Hiếu	11/09/2003	Nam	2.63	158	Khá	KS.NLU.2026.1849
4	21111291	Phạm Út	Mạnh	16/11/2003	Nam	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.1850
5	21111351	Phan Phước	Thiên	31/05/2003	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.1851
6	21111413	Nguyễn Thị Phương	Vy	19/12/2003	Nữ	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.1852
DH21TYA									
1	21112393	Lê Thanh	Bình	03/04/2003	Nam	2.78	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1853
2	21112027	Bùi Thị Hồng	Châu	06/09/2003	Nữ	2.75	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1854
3	21112045	Phạm Thái Thùy	Dương	31/01/2003	Nữ	2.96	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1855
4	21112033	Võ Hoàng Nha	Đam	06/08/2003	Nữ	2.89	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1856
5	21112038	Trần Thị Kim	Đĩnh	23/08/2003	Nữ	3.46	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1857
6	21112440	Lê Nguyên	Hạnh	14/07/2003	Nữ	2.64	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1858
7	21112065	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	09/04/2003	Nữ	2.78	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1859
8	21112453	Lò Thị	Hòa	16/03/2003	Nữ	2.74	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1860
9	21112451	Đào Thanh	Hóa	04/12/2003	Nam	2.81	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1861
10	21112455	Lưu Đức	Hoàng	09/12/2003	Nam	3.33	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1862
11	21112466	Võ Đình Quang	Huy	29/04/2003	Nam	2.48	166	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1863
12	21112461	Nguyễn Quốc	Hưng	04/09/2003	Nam	2.96	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1864
13	21112477	Lê Nguyễn	Khiết	19/06/2003	Nam	2.55	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1865
14	21112490	Nguyễn Thị Trúc	Lan	15/11/2003	Nữ	2.87	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1866
15	21112498	Nguyễn Vũ Thuỳ	Linh	30/10/2003	Nữ	2.95	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1867
16	21112500	Võ Thị Bích	Loan	20/09/2003	Nữ	2.54	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1868

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
17	21112506	Phạm Thị	Luyến	07/09/2003	Nữ	3.42	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1869
18	21112511	Nguyễn Thị Sao	Mai	28/12/2003	Nữ	3.37	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1870
19	21112128	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	01/04/2003	Nữ	2.62	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1871
20	21112514	Trần Thị Trà	Mi	01/12/2003	Nữ	2.90	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1872
21	21112359	Kim Thị Phú	Minh	09/05/2002	Nữ	2.79	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1873
22	21112526	Huỳnh Phạm Khánh	Ngân	04/09/2003	Nữ	3.71	167	Xuất sắc	BSTY.NLU.2026.1874
23	21112553	Trần Trọng	Nhân	04/11/2003	Nam	2.84	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1875
24	21112564	Phạm Thụy Yến	Nhi	16/08/2003	Nữ	2.77	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1876
25	21112574	Lương Thị Yến	Như	27/07/2003	Nữ	2.66	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1877
26	21112595	Lê Hoàng	Phúc	10/03/2003	Nam	2.93	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1878
27	21112639	Trần Thị Phương	Thảo	09/03/2000	Nữ	2.65	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1879
28	21112221	Lê Huỳnh Ngọc	Thi	19/08/2003	Nữ	3.13	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1880
29	21112225	Trần Nhữ Thanh	Thiện	31/07/2003	Nam	3.01	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1881
30	21112649	Nguyễn Trường	Thịnh	16/04/2003	Nam	2.65	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1882
31	21112661	Nguyễn Thị Yến	Thư	25/07/2003	Nữ	3.37	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1883
32	21112679	Nguyễn Thanh	Trà	17/07/2003	Nam	3.33	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1884
33	21112258	Huỳnh Ngọc Thanh	Trà	06/09/2003	Nữ	2.85	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1885
34	21112682	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	15/04/2003	Nữ	2.63	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1886
35	21112710	Nguyễn Thị Hải	Vân	29/04/2003	Nữ	2.65	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1887
36	21112297	Nguyễn Lê Tường	Vi	18/11/2003	Nữ	3.09	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1888
DH21TYB									
1	21112384	Thái Văn Đức	Anh	15/09/2003	Nam	2.80	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1889
2	21112379	Lê Đức	Anh	19/05/2003	Nam	2.75	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1890
3	21112019	Nguyễn Hữu	Bằng	05/08/2003	Nam	3.31	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1891
4	21112394	Lê Thị Quý	Bình	01/06/2003	Nữ	2.87	168	Khá	BSTY.NLU.2026.1892
5	21112031	Nguyễn Thị Kim	Cương	26/05/2003	Nữ	2.94	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1893
6	21112410	Phan Thị Huyền	Diệu	26/05/2003	Nữ	3.35	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1894
7	21112050	Vỏ Thị Thảo	Duy	10/03/2003	Nữ	2.59	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1895

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	21112048	Trương Thị Thùy	Dương	30/05/2003	Nữ	3.26	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1896
9	21112432	Đỗ Phượng	Hà	20/08/2003	Nữ	2.84	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1897
10	21112454	Nguyễn Công	Hoan	19/05/2003	Nam	2.30	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1898
11	21112465	Phạm Quốc	Huy	10/11/2003	Nam	3.00	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1899
12	21112092	Phạm Diễm Mỹ	Huyền	07/09/2003	Nữ	3.31	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1900
13	21112470	Phan Thanh	Khải	18/10/2003	Nam	2.91	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1901
14	21112478	Bùi Nguyễn Đăng	Khoa	02/12/2003	Nam	2.91	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1902
15	21112489	Nguyễn Sơn	Lâm	28/10/2003	Nam	2.80	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1903
16	21112502	Trần Thị Xuân	Lộc	06/01/2003	Nữ	2.76	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1904
17	21112527	Lê Bảo	Ngân	28/05/2003	Nữ	3.35	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1905
18	21112139	Lê Thị Kim	Ngân	08/05/2003	Nữ	3.04	168	Khá	BSTY.NLU.2026.1906
19	21112535	Trần Võ Kim	Ngân	22/02/2003	Nữ	2.77	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1907
20	21112150	Đỗ Quang Thanh	Ngọc	08/08/2002	Nữ	3.24	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1908
21	21112158	Huỳnh Hiếu	Nhân	09/11/2003	Nam	2.74	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1909
22	21112565	Tạ Ngọc	Nhi	06/06/2003	Nữ	3.56	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1910
23	21112575	Nguyễn Đào Tâm	Như	28/08/2003	Nữ	3.53	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1911
24	21112577	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	08/02/2003	Nữ	2.83	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1912
25	21112590	Diệp Lê	Phúc	20/10/2003	Nam	2.73	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1913
26	21112676	Ngô Phương	Toàn	06/11/2003	Nam	3.10	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1914
27	21112634	Dương Trí	Thành	09/04/2003	Nam	2.58	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1915
28	21112217	Dương Thạch	Thảo	31/12/2003	Nữ	3.36	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1916
29	21112211	Phùng Thị Hồng	Thắm	27/05/2003	Nữ	2.63	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1917
30	21112648	Hồ Trung	Thịnh	13/10/2003	Nam	2.88	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1918
31	21112667	Nguyễn Thị	Thương	29/11/2003	Nữ	3.08	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1919
32	21112681	Lê Ngọc Bảo	Trân	21/09/2003	Nữ	2.78	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1920
33	21112713	Nguyễn Thúy	Vi	26/07/2003	Nữ	2.92	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1921
34	21112306	Nguyễn Thị Bích	Vy	22/09/2003	Nữ	2.66	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1922
35	21112732	Lê Thanh Kim	Xuân	25/02/2003	Nữ	3.29	166	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1923

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21TYGL									
1	21112346	Nguyễn Thị	Chi	04/09/2002	Nữ	3.18	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1924
2	21112756	Lê Trần Tấn	Đạt	04/03/2003	Nam	2.41	167	Trung bình	BSTY.NLU.2026.1925
3	21112364	Huỳnh Thành	Đạt	18/02/2003	Nam	2.79	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1926
4	21112773	Phạm Thị Thúy	Kiều	01/02/2003	Nữ	3.35	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1927
5	21112348	Đỗ Thị Quang	Linh	02/03/2003	Nữ	3.29	167	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1928
6	21112354	Nguyễn Thùy	Trang	05/12/2003	Nữ	3.12	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1929
7	21112792	Lê Thị Tố	Trinh	22/01/2003	Nữ	2.89	167	Khá	BSTY.NLU.2026.1930
DH21TYNT									
1	21112343	Nguyễn Thành	Đạt	16/11/2003	Nam	2.57	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1931
2	21112333	Nguyễn Thị	Quỳnh	05/07/2002	Nữ	2.85	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1932
3	21112363	Nguyễn Hải	Trâm	27/11/2003	Nữ	2.92	166	Khá	BSTY.NLU.2026.1933
DH22CN									
1	22111033	Trần Bảo	Duy	13/09/2004	Nam	3.27	159	Giỏi	KS.NLU.2026.1934
2	22111035	Trần Thanh	Hải	04/02/2004	Nam	3.28	159	Giỏi	KS.NLU.2026.1935
3	22111039	Lê Công	Hậu	03/10/2004	Nam	2.47	159	Trung bình	KS.NLU.2026.1936
4	22111051	Nguyễn Nhật	Khanh	30/06/2004	Nam	2.57	159	Khá	KS.NLU.2026.1937
5	22111083	Trần Thanh	Nhàng	22/05/2004	Nam	2.47	160	Trung bình	KS.NLU.2026.1938
6	22111089	Huỳnh Tấn	Phú	28/04/2004	Nam	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.1939
7	22111115	Trần Anh	Thư	04/05/2004	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.1940
8	22111118	Nguyễn Mạnh Hoài	Thương	26/02/2004	Nữ	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.1941
9	22111123	Nguyễn Huyền	Trang	17/08/2004	Nữ	2.69	159	Khá	KS.NLU.2026.1942
DH22TA									
1	22111111	Đinh Thị Thiên	Thư	29/04/2004	Nữ	3.18	159	Khá	KS.NLU.2026.1943
2	22111139	Trịnh Hoàng	Yến	05/05/2004	Nữ	2.77	159	Khá	KS.NLU.2026.1944
TC17TY									
1	17112338	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	30/10/1999	Nữ	3.30	150	Giỏi	BSTY.NLU.2026.1945

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
Kinh tế									
DH15KE									
1	15123020	Nguyễn Thị	Giang	02/06/1996	Nữ	2.34	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1946
DH15KM									
1	15120058	Đào Thị Bích	Hồng	17/02/1997	Nữ	2.53	135	Khá	CN.NLU.2026.1947
DH15QT									
1	15122094	Lê Thị Anh	Kim	20/10/1997	Nữ	2.85	135	Khá	CN.NLU.2026.1948
2	15122254	Võ Văn	Trung	01/01/1997	Nam	2.56	136	Khá	CN.NLU.2026.1949
DH15TM									
1	15122226	Lê Thị Vương	Trâm	07/11/1996	Nữ	3.09	136	Khá	CN.NLU.2026.1950
DH16QT									
1	16122406	Nguyễn Đức	Phú	28/03/1998	Nam	2.84	135	Khá	CN.NLU.2026.1951
DH17QT									
1	17122042	Lê Thị Ngọc	Hiếu	17/03/1999	Nữ	2.73	136	Khá	CN.NLU.2026.1952
DH18KE									
1	18123166	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	21/12/2000	Nữ	2.91	137	Khá	CN.NLU.2026.1953
DH18KEGL									
1	18123191	Trương Thị	Hồng	13/04/2000	Nữ	2.83	137	Khá	CN.NLU.2026.1954
DH18KN									
1	18155046	Lê Thị Tuyết	Linh	26/04/2000	Nữ	2.65	136	Khá	CN.NLU.2026.1955
DH19QT									
1	19122155	Đỗ Thị	Ngọc	31/01/2001	Nữ	3.19	137	Khá	CN.NLU.2026.1956
DH19TM									
1	19122043	Lê Thị	Hải	06/09/2001	Nữ	3.30	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1957
DH20KENT									
1	20123259	Đoàn Thị Tuyết	Hương	26/12/2002	Nữ	2.68	136	Khá	CN.NLU.2026.1958

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	20123278	Lưu Ngụy Gia	Tuệ	01/12/2002	Nữ	2.44	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1959
DH20KN									
1	20155136	Kiều Thị Bảo	Quyên	26/06/2002	Nữ	2.67	136	Khá	CN.NLU.2026.1960
DH20KT									
1	20120154	Bùi Thị Ngọc	Anh	07/05/2002	Nữ	2.72	136	Khá	CN.NLU.2026.1961
2	20120189	Nguyễn Văn	Hậu	10/05/2001	Nam	2.84	136	Khá	CN.NLU.2026.1962
3	20120227	Thái Nguyễn Bảo	Ngân	30/08/2002	Nữ	2.70	136	Khá	CN.NLU.2026.1963
DH20PT									
1	20121023	Nguyễn Minh	Thuận	12/06/2002	Nam	2.50	136	Khá	CN.NLU.2026.1964
DH20QT									
1	20118288	Lương Nhật Trần	Vinh	07/01/2002	Nam	2.92	137	Khá	CN.NLU.2026.1965
DH20QTC									
1	20122373	Nguyễn Quốc	Lương	06/10/2002	Nam	2.66	137	Khá	CN.NLU.2026.1966
2	20122538	Phan Thành	Tín	11/10/2002	Nam	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.1967
DH21KE									
1	21123014	Tiêu Thị Ngọc	Dàng	08/05/2003	Nữ	3.35	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1968
2	21123082	Lê Thị Hồng	Ngọc	06/09/2003	Nữ	3.00	136	Khá	CN.NLU.2026.1969
3	21123257	Lê Mỹ	Nhàn	26/11/2003	Nữ	2.94	137	Khá	CN.NLU.2026.1970
4	21123258	Mạc Trọng	Nhân	13/03/2003	Nữ	3.10	136	Khá	CN.NLU.2026.1971
5	21123122	Nguyễn Thị Anh	Thư	14/12/2003	Nữ	2.63	137	Khá	CN.NLU.2026.1972
6	21123134	Cao Thị Ngọc	Trâm	19/04/2003	Nữ	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.1973
7	21123139	Hồ Thị Mỹ	Trân	02/01/2003	Nữ	3.31	137	Giỏi	CN.NLU.2026.1974
DH21KENT									
1	21123183	Thuận Thị Kim	Hiện	08/06/2002	Nữ	2.44	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1975
2	21123363	Nguyễn Thị Ái	Nghi	29/10/2003	Nữ	2.58	136	Khá	CN.NLU.2026.1976
3	21123187	Trần Thị Thu	Thắm	23/05/2002	Nữ	2.29	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1977
4	21123189	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	12/02/2003	Nữ	2.19	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1978

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	21123202	Trượng Thị Kim	Uyên	15/11/2002	Nữ	3.25	136	Giỏi	CN.NLU.2026.1979
DH21KM									
1	21120211	Lê Thị Thúy	Phượng	11/07/2003	Nữ	2.61	137	Khá	CN.NLU.2026.1980
2	21120490	Lê Thị Mỹ	Quyên	20/05/2003	Nữ	2.63	136	Khá	CN.NLU.2026.1981
3	21120223	Huỳnh Nguyễn Như	Quỳnh	23/12/2003	Nữ	2.59	136	Khá	CN.NLU.2026.1982
DH21KN									
1	21155085	Lưu Thị Kim	Hà	13/02/2003	Nữ	2.72	136	Khá	CN.NLU.2026.1983
2	21155091	Phạm Trung	Hậu	01/02/2002	Nam	2.77	137	Khá	CN.NLU.2026.1984
3	21155101	Trương Vinh	Khải	22/12/2003	Nam	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.1985
4	21155106	Trần Đăng	Khoa	05/01/2003	Nam	2.79	136	Khá	CN.NLU.2026.1986
5	21155026	Phạm Trịnh Thảo	Nhi	08/10/2003	Nữ	2.34	137	Trung bình	CN.NLU.2026.1987
6	21155149	Võ Trung	Thành	22/05/2003	Nam	2.70	136	Khá	CN.NLU.2026.1988
7	21155052	Trần Đinh Thảo	Vy	19/10/2003	Nữ	2.50	137	Khá	CN.NLU.2026.1989
DH21KT									
1	21120318	Phạm Ngọc	Ánh	21/02/2003	Nữ	2.92	137	Khá	CN.NLU.2026.1990
2	21120335	Nguyễn Minh	Bảo	30/10/2003	Nam	2.77	137	Khá	CN.NLU.2026.1991
3	21120362	Quản Thị Thùy	Dương	18/01/2003	Nữ	2.84	137	Khá	CN.NLU.2026.1992
4	21120452	Nguyễn Lê Xuân	Nhàn	23/12/2003	Nữ	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.1993
5	21120460	Phan Thị Yến	Nhi	12/07/2003	Nữ	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.1994
6	21120219	Nguyễn Thị Phước	Quyên	27/02/2003	Nữ	2.55	136	Khá	CN.NLU.2026.1995
7	21120532	Ngô Thị Anh	Thư	16/12/2001	Nữ	2.80	136	Khá	CN.NLU.2026.1996
8	21120555	Ka	Trang	12/09/2003	Nữ	2.43	137	Trung bình	CN.NLU.2026.1997
9	21120551	Nguyễn Lê Bảo	Trân	11/09/2003	Nữ	2.98	138	Khá	CN.NLU.2026.1998
10	21120277	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	31/01/2003	Nữ	2.37	136	Trung bình	CN.NLU.2026.1999
11	21120563	Hoàng Ngọc Kiều	Trinh	11/04/2002	Nữ	2.67	137	Khá	CN.NLU.2026.2000
12	21120596	Kiều Thị Tý	Von	08/07/2003	Nữ	2.68	137	Khá	CN.NLU.2026.2001
DH21QT									
1	21130269	Trần Văn	An	28/01/2002	Nam	3.12	136	Khá	CN.NLU.2026.2002

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	21130030	Nguyễn Lê	Dương	27/03/2003	Nam	3.12	137	Khá	CN.NLU.2026.2003
3	21122565	Đinh Thị Thu	Hương	09/02/2003	Nữ	3.17	136	Khá	CN.NLU.2026.2004
4	21122654	Hồ Thị Thanh	Nhi	16/04/2003	Nữ	3.36	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2005
5	21122751	Huỳnh Minh	Tiến	09/03/2003	Nam	2.77	138	Khá	CN.NLU.2026.2006
DH21QTCA									
1	21122552	Đỗ Đức	Hiếu	04/09/2003	Nam	2.67	137	Khá	CN.NLU.2026.2007
2	21122590	Bùi Phùng Thuỳ	Linh	26/07/2003	Nữ	3.55	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2008
3	21122670	Lê Công Thiên	Phát	11/07/2003	Nam	2.39	137	Trung bình	CN.NLU.2026.2009
DH21QTCB									
1	21122550	Vũ Thị Diệu	Hiền	10/02/2003	Nữ	2.83	137	Khá	CN.NLU.2026.2010
2	21122656	Nguyễn Ngọc	Nhi	13/03/2003	Nữ	2.85	137	Khá	CN.NLU.2026.2011
3	21122820	Trương Nhật	Vy	13/12/2003	Nữ	3.00	137	Khá	CN.NLU.2026.2012
DH21QTNT									
1	21122864	Nguyễn Mai	Huyền	12/09/2003	Nữ	3.14	137	Khá	CN.NLU.2026.2013
2	21130632	Lê Trung	Trực	09/10/2003	Nam	3.27	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2014
3	21122865	Nguyễn Mai Tường	Vy	08/10/2003	Nữ	3.16	137	Khá	CN.NLU.2026.2015
DH21TC									
1	21122533	Trần Thị Hương	Giang	07/10/2003	Nữ	3.15	136	Khá	CN.NLU.2026.2016
2	21122546	Bùi Văn	Hào	24/10/2003	Nam	3.10	137	Khá	CN.NLU.2026.2017
3	21122133	Phạm Thị Hồng	Kiều	12/02/2003	Nữ	3.21	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2018
4	21122574	Lê Duy	Kha	17/05/2003	Nam	2.80	138	Khá	CN.NLU.2026.2019
5	21120405	Võ Huỳnh Anh	Khoa	25/12/2003	Nam	3.08	138	Khá	CN.NLU.2026.2020
6	21122636	Lê Thị Thanh	Ngân	06/11/2003	Nữ	2.90	136	Khá	CN.NLU.2026.2021
7	21120457	Nguyễn Quỳnh	Nhi	27/04/2003	Nữ	2.88	136	Khá	CN.NLU.2026.2022
DH21TM									
1	21122506	Vũ Nguyễn Thu	Diễm	14/05/2003	Nữ	2.77	137	Khá	CN.NLU.2026.2023
2	21122606	Nguyễn Xuân	Lợi	16/07/2003	Nam	3.12	137	Khá	CN.NLU.2026.2024

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21122703	Châu Lý Phương	Thanh	13/05/2003	Nữ	3.04	136	Khá	CN.NLU.2026.2025
4	21122781	Trần Nguyễn Quỳnh	Trang	03/10/2003	Nữ	3.59	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2026
5	21122822	Nguyễn Lê Bảo	Xuyên	13/10/2003	Nữ	3.18	138	Khá	CN.NLU.2026.2027
DH22KE									
1	22123003	Nguyễn Phước	An	25/11/2004	Nam	3.66	141	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2028
2	22123005	Lê Minh	Anh	18/05/2004	Nữ	3.22	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2029
3	22123004	Bùi Thị Thảo	Anh	08/09/2004	Nữ	3.02	142	Khá	CN.NLU.2026.2030
4	22123007	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	02/01/2004	Nữ	3.17	141	Khá	CN.NLU.2026.2031
5	22123008	Nguyễn Long Gia	Bảo	21/08/2004	Nam	2.65	141	Khá	CN.NLU.2026.2032
6	22123009	Nguyễn Văn	Bảo	14/03/2004	Nam	3.14	141	Khá	CN.NLU.2026.2033
7	22123010	Lý Thị Hoài	Bích	06/08/2004	Nữ	3.01	142	Khá	CN.NLU.2026.2034
8	22123011	Trần Nguyễn Khánh	Bình	04/12/2004	Nữ	3.15	142	Khá	CN.NLU.2026.2035
9	22123019	Hoàng Ngọc	Cường	20/07/2004	Nam	2.80	141	Khá	CN.NLU.2026.2036
10	22123014	Phan Minh	Chánh	04/02/2004	Nam	3.02	141	Khá	CN.NLU.2026.2037
11	22123013	Nguyễn Huyền	Chân	15/12/2003	Nữ	3.78	141	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2038
12	22123015	Đặng Thị Trân	Châu	07/03/2004	Nữ	3.11	141	Khá	CN.NLU.2026.2039
13	22123017	Lưu Đinh	Chí	02/08/2004	Nam	3.40	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2040
14	22123018	Lê Thị	Chỉnh	06/05/2004	Nữ	3.24	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2041
15	22123023	Nguyễn Hoàng Bảo	Dung	28/03/2004	Nữ	3.61	140	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2042
16	22123026	Vũ Ngọc Thùy	Dung	18/01/2004	Nữ	3.18	142	Khá	CN.NLU.2026.2043
17	22123027	Bùi Thị Mỹ	Duyên	17/03/2004	Nữ	2.96	141	Khá	CN.NLU.2026.2044
18	22123031	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/02/2004	Nữ	3.18	141	Khá	CN.NLU.2026.2045
19	22123037	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	25/04/2004	Nữ	3.48	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2046
20	22123034	Đỗ Thị Thúy	Hằng	18/07/2004	Nữ	3.69	140	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2047
21	22123036	Vũ Lâm Thanh	Hằng	06/01/2004	Nữ	3.43	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2048
22	22123033	Phạm Nguyễn Khánh	Hân	15/04/2004	Nữ	3.14	141	Khá	CN.NLU.2026.2049
23	22123040	Phạm Thị	Hiền	26/03/2004	Nữ	3.41	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2050
24	22123044	Võ Thị Thúy	Hoa	13/06/2004	Nữ	3.36	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2051

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
25	22123045	Tô Thị Thanh	Hoàng	21/12/2004	Nữ	3.12	140	Khá	CN.NLU.2026.2052
26	22123050	Tưởng Thị Ngọc	Huyền	24/05/2004	Nữ	3.60	140	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2053
27	22123051	Tri	Huyện	29/09/2004	Nam	3.07	142	Khá	CN.NLU.2026.2054
28	22123052	Huỳnh Lê Quốc	Huynh	06/06/2004	Nam	3.46	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2055
29	22123047	Trịnh Ngọc	Hưởng	11/07/2004	Nam	2.98	141	Khá	CN.NLU.2026.2056
30	22123054	Đào Thị Thu	Khương	10/05/2004	Nữ	3.37	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2057
31	22123056	Lê Thị Thanh	Lan	26/01/2004	Nữ	2.93	142	Khá	CN.NLU.2026.2058
32	22123065	Nguyễn Thị Thúy	Linh	24/10/2004	Nữ	3.45	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2059
33	22123061	Hồ Ngọc Trúc	Linh	16/12/2004	Nữ	3.54	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2060
34	22123059	Đinh Thị Thùy	Linh	27/01/2004	Nữ	3.02	142	Khá	CN.NLU.2026.2061
35	22123062	Huỳnh Thị Ánh	Linh	11/09/2004	Nữ	2.51	141	Khá	CN.NLU.2026.2062
36	22123057	Bùi Đoàn Thảo	Linh	23/07/2004	Nữ	2.65	142	Khá	CN.NLU.2026.2063
37	22123072	Lê Thị Kiều	Ly	23/07/2004	Nữ	3.33	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2064
38	22123071	Huỳnh Thị Thảo	Ly	14/12/2003	Nữ	2.76	142	Khá	CN.NLU.2026.2065
39	22123073	Nguyễn Thị Hồng	Lý	31/05/2004	Nữ	2.80	141	Khá	CN.NLU.2026.2066
40	22123074	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	04/02/2004	Nữ	3.61	141	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2067
41	22123075	Trương Phan Thị Xuân	Mai	04/05/2004	Nữ	3.37	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2068
42	22123080	Trương Thị Nhu	Mỹ	16/03/2004	Nữ	3.18	140	Khá	CN.NLU.2026.2069
43	22123081	Huỳnh Thị Ngọc	Ngà	02/09/2004	Nữ	3.26	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2070
44	22123083	Nguyễn Phương	Ngân	25/07/2004	Nữ	3.67	140	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2071
45	22123082	Đoàn Thái	Ngân	11/01/2004	Nữ	3.38	143	Khá	CN.NLU.2026.2072
46	22123085	Phùng Thị Tuyết	Ngân	07/01/2004	Nữ	2.90	141	Khá	CN.NLU.2026.2073
47	22123088	Lâm Mỹ	Ngọc	28/09/2004	Nữ	3.20	142	Khá	CN.NLU.2026.2074
48	22123089	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	30/10/2004	Nữ	3.02	141	Khá	CN.NLU.2026.2075
49	22123090	Phạm Thị	Nhài	27/05/2004	Nữ	3.19	140	Khá	CN.NLU.2026.2076
50	22123091	Đỗ Lê Uyển	Nhi	04/12/2004	Nữ	3.23	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2077
51	22123095	Tô Thị Yến	Nhi	24/10/2004	Nữ	3.51	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2078
52	22123097	Văn Ngọc Tuyết	Nhi	26/07/2004	Nữ	3.39	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2079

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
53	22123094	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19/02/2004	Nữ	2.91	139	Khá	CN.NLU.2026.2080
54	22123100	Hoàng Thị	Nhung	14/09/2004	Nữ	3.70	141	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2081
55	22123101	Nguyễn Thị Phương	Nhung	02/11/2004	Nữ	3.41	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2082
56	22123102	Trần Hồng	Nhung	30/12/2004	Nữ	3.43	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2083
57	22123104	Vũ Thị Tuyết	Nhung	27/05/2004	Nữ	3.15	143	Khá	CN.NLU.2026.2084
58	22123099	Đinh Thị Hồng	Nhung	11/05/2004	Nữ	2.88	142	Khá	CN.NLU.2026.2085
59	22123098	Nguyễn Thị Ánh	Như	16/12/2004	Nữ	2.76	141	Khá	CN.NLU.2026.2086
60	22123107	Ngô Kim	Oanh	09/01/2004	Nữ	2.73	142	Khá	CN.NLU.2026.2087
61	22123109	Ngô Văn	Phát	15/04/2004	Nam	3.63	142	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2088
62	22123111	Đặng Hồng	Phúc	28/12/2004	Nam	3.73	142	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2089
63	22123112	Đỗ Hoàng	Phúc	15/07/2004	Nam	2.76	143	Khá	CN.NLU.2026.2090
64	22123113	Dương Thị Mai	Phương	14/10/2004	Nữ	3.07	141	Khá	CN.NLU.2026.2091
65	22123118	Chau Sóc	Rone	07/10/2004	Nam	2.70	142	Khá	CN.NLU.2026.2092
66	22123120	Nguyễn Thanh	Sơn	31/12/2004	Nam	3.25	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2093
67	22123121	Phan Thị Thu	Sương	11/08/2004	Nữ	3.03	141	Khá	CN.NLU.2026.2094
68	22123171	Phan Ngọc	Tuyền	08/02/2004	Nữ	3.05	142	Khá	CN.NLU.2026.2095
69	22123170	Nguyễn Huỳnh Kim	Tuyến	04/10/2004	Nữ	2.83	140	Khá	CN.NLU.2026.2096
70	22123124	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	10/02/2004	Nữ	3.50	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2097
71	22123126	Hoàng Thị Kim	Thảo	25/07/2004	Nữ	3.48	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2098
72	22123128	Nguyễn Hiếu	Thảo	16/07/2004	Nữ	3.50	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2099
73	22123127	Lê Thị Thu	Thảo	19/08/2004	Nữ	3.08	142	Khá	CN.NLU.2026.2100
74	22123122	Phan Thị Thanh	Thắm	10/05/2004	Nữ	3.27	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2101
75	22123131	Nguyễn Hà Ngân	Thi	24/06/2004	Nữ	3.22	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2102
76	22123132	Nguyễn Lê Anh	Thi	08/09/2004	Nữ	3.19	140	Khá	CN.NLU.2026.2103
77	22123134	Phạm Kim	Thoa	17/03/2004	Nữ	3.38	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2104
78	22123147	Võ Minh	Thùy	25/12/2004	Nữ	3.41	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2105
79	22123145	Nguyễn Thanh	Thúy	27/07/2004	Nữ	3.03	141	Khá	CN.NLU.2026.2106
80	22123146	Nguyễn Thị	Thúy	11/08/2004	Nữ	2.77	141	Khá	CN.NLU.2026.2107

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
81	22123148	Phạm Thị Thu	Thuyền	20/08/2004	Nữ	3.48	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2108
82	22123137	Lương Ngọc Anh	Thư	19/11/2004	Nữ	3.46	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2109
83	22123138	Nguyễn Vũ Minh	Thư	09/05/2004	Nữ	3.38	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2110
84	22123140	Vũ Minh	Thư	09/12/2004	Nữ	3.58	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2111
85	22123144	Trần Thị Kim	Thương	25/05/2004	Nữ	2.91	140	Khá	CN.NLU.2026.2112
86	22123143	Phạm Ngọc Hoài	Thương	07/04/2004	Nữ	3.03	141	Khá	CN.NLU.2026.2113
87	22123142	Nguyễn Thị Hoài	Thương	30/09/2004	Nữ	3.18	142	Khá	CN.NLU.2026.2114
88	22123161	Phan Thị Thùy	Trang	21/01/2004	Nữ	2.98	141	Khá	CN.NLU.2026.2115
89	22123158	Nguyễn Thị Bích	Trâm	28/07/2004	Nữ	3.54	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2116
90	22123155	Lê Thị Bích	Trâm	17/01/2004	Nữ	3.17	141	Khá	CN.NLU.2026.2117
91	22123159	Vũ Ngọc Bích	Trâm	25/01/2004	Nữ	2.69	140	Khá	CN.NLU.2026.2118
92	22123160	Đặng Huỳnh	Trân	19/07/2004	Nữ	3.64	141	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2119
93	22123166	Trần Thị Thu	Trinh	15/10/2004	Nữ	3.74	141	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2120
94	22123167	Võ Ngọc	Trinh	15/07/2004	Nữ	3.37	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2121
95	22123163	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	29/08/2004	Nữ	3.08	141	Khá	CN.NLU.2026.2122
96	22123164	Nguyễn Thị Tú	Trinh	17/02/2004	Nữ	2.87	139	Khá	CN.NLU.2026.2123
97	22123173	Lê Thị Mỹ	Uyên	16/11/2004	Nữ	3.73	142	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2124
98	22123175	Trương Thị Thúy	Vi	24/03/2004	Nữ	3.05	141	Khá	CN.NLU.2026.2125
99	22123176	Phan Thị Mỹ	Vinh	25/01/2004	Nữ	2.89	141	Khá	CN.NLU.2026.2126
100	22123178	Trần Nguyễn Yến	Vy	24/10/2004	Nữ	3.77	142	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2127
101	22123177	Nguyễn Phước Tường	Vy	28/06/2004	Nữ	3.52	141	Giỏi	CN.NLU.2026.2128
DH22KEGL									
1	22122506	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	25/10/2002	Nữ	3.22	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2129
2	22123231	Nguyễn Thị Lan	Hương	18/07/2004	Nữ	2.72	140	Khá	CN.NLU.2026.2130
3	22123234	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	20/08/2001	Nữ	3.05	140	Khá	CN.NLU.2026.2131
4	22130350	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	08/03/2004	Nữ	2.61	140	Khá	CN.NLU.2026.2132
DH22KENT									
1	22123187	Lê Võ Quang	Duy	07/04/2004	Nam	2.79	138	Khá	CN.NLU.2026.2133

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	22123190	Trần Lê Phương	Hân	05/02/2004	Nữ	2.78	138	Khá	CN.NLU.2026.2134
3	22123195	Phan Thị Hồng	Huệ	05/03/2003	Nữ	3.76	138	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2135
4	22123202	Trần Thị Trúc	My	14/09/2004	Nữ	3.35	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2136
5	22123207	Trần Thị Ái	Nhi	24/12/2003	Nữ	3.41	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2137
6	22123205	Nguyễn Thanh Ngọc	Nhi	10/03/2004	Nữ	2.86	138	Khá	CN.NLU.2026.2138
7	22123206	Phạm Thị Ngọc	Nhi	02/06/2004	Nữ	2.95	138	Khá	CN.NLU.2026.2139
8	22123208	Lê Thị Quỳnh	Như	11/06/2004	Nữ	3.35	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2140
9	22123211	Trần Ngọc	Phú	11/02/2004	Nam	3.18	138	Khá	CN.NLU.2026.2141
10	22123214	Trần Thị Nhã	Phương	25/10/2004	Nữ	3.20	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2142
DH22KM									
1	22120006	Huỳnh Thị Lan	Anh	07/11/2004	Nữ	3.23	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2143
2	22120053	Nguyễn Quang	Hiếu	14/02/2004	Nam	3.51	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2144
3	22120100	Chau Thị Kim	Ngân	30/03/2004	Nữ	2.95	137	Khá	CN.NLU.2026.2145
4	22120122	Nguyễn Thanh Thảo	Nhi	02/04/2004	Nữ	3.08	136	Khá	CN.NLU.2026.2146
5	22120133	Phạm Thị Quỳnh	Như	15/02/2004	Nữ	2.69	136	Khá	CN.NLU.2026.2147
6	22120177	Nguyễn Thị Minh	Thư	23/03/2004	Nữ	3.58	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2148
7	22120178	Nguyễn Vũ Minh	Thư	20/09/2004	Nữ	3.17	137	Khá	CN.NLU.2026.2149
8	22120190	Trần Lê Thu	Trâm	09/01/2004	Nữ	3.54	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2150
9	22120212	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	24/01/2004	Nữ	3.58	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2151
10	22120217	Nguyễn Thanh	Vân	01/04/2004	Nữ	3.16	137	Khá	CN.NLU.2026.2152
DH22KN									
1	22155002	Lê Thị Việt	Anh	12/08/2004	Nữ	3.02	137	Khá	CN.NLU.2026.2153
2	22155009	Nguyễn Quốc	Bảo	07/05/2004	Nam	3.57	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2154
3	22155008	Huỳnh Quốc	Bảo	19/07/2004	Nam	3.01	136	Khá	CN.NLU.2026.2155
4	22155010	Trần Thanh	Bình	13/10/2004	Nam	3.37	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2156
5	22155023	Lê Thị Mỹ	Duyên	29/08/2004	Nữ	3.39	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2157
6	22155024	Nguyễn Thị Trúc	Duyên	26/04/2004	Nữ	2.96	136	Khá	CN.NLU.2026.2158
7	22155020	Đào Thùy	Dương	03/08/2004	Nữ	3.69	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2159

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	22155014	Trần Tấn	Đạt	03/02/2004	Nam	3.23	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2160
9	22155015	Lê Tiểu	Đình	19/01/2004	Nữ	3.52	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2161
10	22155017	Nguyễn Trịnh Khánh	Đoan	22/10/2004	Nữ	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.2162
11	22155026	Nguyễn Minh	Hải	01/11/2004	Nam	2.77	137	Khá	CN.NLU.2026.2163
12	22155030	Trương Mỹ	Hân	16/11/2004	Nữ	3.40	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2164
13	22155038	Nguyễn Như	Hoa	25/05/2004	Nữ	2.58	137	Khá	CN.NLU.2026.2165
14	22155037	Đặng Thị	Hoa	17/06/2004	Nữ	3.00	136	Khá	CN.NLU.2026.2166
15	22155039	Dương	Hóa	26/01/2004	Nam	3.78	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2167
16	22155043	Nguyễn Thị Diễm	Hương	05/02/2004	Nữ	3.00	137	Khá	CN.NLU.2026.2168
17	22155045	Phan Kim	Kha	12/08/2004	Nam	2.66	137	Khá	CN.NLU.2026.2169
18	22155053	Lê Thị Trúc	Linh	17/03/2004	Nữ	3.63	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2170
19	22155054	Lưu Nguyễn Phi	Long	07/05/2004	Nam	3.47	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2171
20	22155064	Đinh Thảo	My	27/04/2004	Nữ	3.04	136	Khá	CN.NLU.2026.2172
21	22155068	Tạ Thị Hoàn	Mỹ	23/03/2004	Nữ	3.23	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2173
22	22155070	Võ Thị Hoa	Mỹ	15/01/2004	Nữ	3.24	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2174
23	22155076	Nguyễn Thị Thu	Ngân	20/06/2004	Nữ	2.76	136	Khá	CN.NLU.2026.2175
24	22155078	Nguyễn Hồng	Ngọc	11/10/2004	Nữ	3.34	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2176
25	22155095	Trần Bích	Quyên	04/09/2004	Nữ	3.33	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2177
26	22155096	Huỳnh Ngọc	Sang	04/08/2004	Nam	3.70	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2178
27	22155097	Phạm Tuấn	Sang	23/07/2004	Nam	2.82	137	Khá	CN.NLU.2026.2179
28	22155098	Huỳnh Tấn	Tài	01/09/2004	Nam	2.81	136	Khá	CN.NLU.2026.2180
29	22155099	Lê Nguyễn Hoàng	Tân	19/10/2004	Nam	2.89	136	Khá	CN.NLU.2026.2181
30	22155104	Lưu Thị Ngọc	Thảo	21/04/2004	Nữ	3.36	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2182
31	22155110	Lê Anh	Thư	13/04/2004	Nữ	3.23	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2183
32	22155111	Phạm Anh	Thư	02/09/2004	Nữ	3.32	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2184
33	22155113	Nguyễn Hữu	Thừa	21/09/2004	Nam	2.80	137	Khá	CN.NLU.2026.2185
34	22155124	Trần Thị Huyền	Trang	18/09/2004	Nữ	2.99	137	Khá	CN.NLU.2026.2186
35	22155120	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	11/11/2004	Nữ	3.13	136	Khá	CN.NLU.2026.2187

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
36	22155122	Võ Quyền	Trân	16/11/2004	Nữ	3.07	136	Khá	CN.NLU.2026.2188
37	22155127	Bùi Văn	Trung	22/10/2004	Nam	3.32	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2189
38	22155132	Phạm Thị Tường	Vi	10/12/1993	Nữ	3.46	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2190
39	22155133	Đàm Thị Thu	Viên	31/12/2004	Nữ	3.45	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2191
DH22KT									
1	22120003	Lê Hoàng	An	25/03/2004	Nam	3.55	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2192
2	22120001	Dương Thị Thanh	An	04/11/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2193
3	22120009	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	01/01/2004	Nữ	3.40	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2194
4	22120010	Nguyễn Thị Phương	Anh	25/07/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2195
5	22120012	Đào Thị Hồng	Ánh	23/03/2004	Nữ	3.40	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2196
6	22120004	Phạm Như	Ân	15/07/2004	Nữ	3.35	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2197
7	22120014	Trần Hoàng Gia	Bảo	17/01/2004	Nam	3.24	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2198
8	22120015	Nguyễn Tử	Biên	07/08/2004	Nam	3.60	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2199
9	22120024	Dư Ngọc	Diệu	28/03/2004	Nữ	3.23	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2200
10	22120028	Mai Thị Thùy	Dung	01/09/2004	Nữ	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.2201
11	22120030	Bùi Đình	Dũng	22/08/2004	Nam	3.19	136	Khá	CN.NLU.2026.2202
12	22120039	Trần Thị Ngọc	Duyên	26/07/2004	Nữ	3.69	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2203
13	22120041	Hồ Thị Ngân	Hà	07/12/2004	Nữ	3.00	136	Khá	CN.NLU.2026.2204
14	22120042	Hoàng Nữ Nhật	Hạ	20/06/2004	Nữ	3.01	136	Khá	CN.NLU.2026.2205
15	22120043	Nguyễn Tăng Hoàng	Hải	24/01/2004	Nam	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.2206
16	22120047	Đặng Thanh	Hằng	03/11/2004	Nữ	2.97	136	Khá	CN.NLU.2026.2207
17	22120049	Bùi Nguyễn Duy	Hiếu	15/12/2004	Nam	3.15	136	Khá	CN.NLU.2026.2208
18	22120054	Nguyễn Thị	Hoa	12/11/2004	Nữ	3.28	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2209
19	22120064	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/05/2004	Nữ	3.08	136	Khá	CN.NLU.2026.2210
20	22120059	Hà Nguyên	Hưng	25/07/2004	Nam	3.05	136	Khá	CN.NLU.2026.2211
21	22120069	Cao Thùy Thiên	Kim	09/10/2004	Nữ	2.73	136	Khá	CN.NLU.2026.2212
22	22120083	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	31/01/2004	Nữ	3.64	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2213
23	22120080	Nguyễn Diệu	Linh	10/09/2004	Nữ	3.44	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2214

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
24	22120079	Nguyễn Cảnh	Linh	17/11/2004	Nam	3.24	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2215
25	22120077	Lê Mai Diệu	Linh	13/11/2004	Nữ	2.68	136	Khá	CN.NLU.2026.2216
26	22120085	Phan Thị	Linh	17/01/2003	Nữ	3.11	136	Khá	CN.NLU.2026.2217
27	22120076	Lê Ánh Tuyết	Linh	14/03/2004	Nữ	3.10	136	Khá	CN.NLU.2026.2218
28	22120088	Trần Văn	Lợi	27/12/2004	Nam	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.2219
29	22120093	Huỳnh Nguyễn Xuân	Mai	27/07/2004	Nữ	3.22	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2220
30	22120096	Nguyễn Lê	Minh	18/10/2004	Nam	2.97	136	Khá	CN.NLU.2026.2221
31	22120101	Lâm Thị Thủy	Ngân	17/11/2004	Nữ	3.23	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2222
32	22120109	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	31/03/2004	Nữ	3.27	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2223
33	22120112	Mai Thảo	Nguyên	04/02/2004	Nữ	2.97	136	Khá	CN.NLU.2026.2224
34	22120115	Trần Hoàng	Nhân	04/07/2004	Nam	3.66	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2225
35	22120114	Nguyễn Đức	Nhân	25/07/2004	Nam	2.74	136	Khá	CN.NLU.2026.2226
36	22120116	Trần Phước	Nhật	18/03/2004	Nam	3.34	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2227
37	22120121	Nguyễn Quỳnh	Nhi	13/02/2004	Nữ	3.66	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2228
38	22120118	Ngô Thị Cẩm	Nhi	10/11/2004	Nữ	3.59	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2229
39	22120127	Nguyễn Thị	Nhiên	10/05/2004	Nữ	3.55	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2230
40	22120128	Bùi Thị Tuyết	Như	21/04/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2231
41	22120132	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/01/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2232
42	22120130	Nguyễn Quỳnh	Như	18/04/2004	Nữ	2.73	136	Khá	CN.NLU.2026.2233
43	22120134	Hà Minh	Nhựt	24/11/2004	Nam	2.99	136	Khá	CN.NLU.2026.2234
44	22120138	Nguyễn Kiều	Oanh	12/06/2004	Nữ	3.29	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2235
45	22120139	Nguyễn Hoàng	Phúc	05/04/2004	Nam	2.66	136	Khá	CN.NLU.2026.2236
46	22120144	Cao Thị Kim	Phượng	20/03/2004	Nữ	3.34	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2237
47	22120148	Lê Đông Phương	Quyên	08/12/2004	Nữ	2.91	136	Khá	CN.NLU.2026.2238
48	22120150	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	06/04/2004	Nữ	3.56	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2239
49	22120159	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19/01/2004	Nữ	3.35	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2240
50	22120161	Võ Thị Mỹ	Tâm	01/10/2004	Nữ	3.09	136	Khá	CN.NLU.2026.2241
51	22120202	Nguyễn Trần Quốc	Tuấn	13/11/2004	Nam	3.14	136	Khá	CN.NLU.2026.2242

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
52	22120204	Phạm Minh	Tùng	16/07/2004	Nam	3.64	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2243
53	22120207	Võ Thúy Thu	Tuyền	27/02/2004	Nữ	3.43	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2244
54	22120206	Trần Thị Mộng	Tuyền	29/09/2004	Nữ	3.11	136	Khá	CN.NLU.2026.2245
55	22120166	Nguyễn Hoàng Yến	Thanh	08/02/2004	Nữ	2.62	136	Khá	CN.NLU.2026.2246
56	22120169	Bùi Thị Thu	Thảo	30/05/2004	Nữ	3.22	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2247
57	22120168	Bùi Thị Thanh	Thảo	19/06/2004	Nữ	2.79	136	Khá	CN.NLU.2026.2248
58	22120180	Hoàng Thị Thu	Thủy	01/10/2004	Nữ	2.88	136	Khá	CN.NLU.2026.2249
59	22120179	Trần Thị Thanh	Thúy	09/04/2004	Nữ	3.13	136	Khá	CN.NLU.2026.2250
60	22120176	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/10/2004	Nữ	3.17	136	Khá	CN.NLU.2026.2251
61	22120175	Nguyễn Hoài Anh	Thư	11/05/2004	Nữ	2.71	136	Khá	CN.NLU.2026.2252
62	22120192	Vũ Thị Huyền	Trang	20/04/2004	Nữ	3.51	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2253
63	22120191	Trần Thị Thu	Trang	18/04/2004	Nữ	3.07	136	Khá	CN.NLU.2026.2254
64	22120187	Hà Thị Bích	Trâm	16/05/2004	Nữ	3.05	136	Khá	CN.NLU.2026.2255
65	22120199	Trần Phi	Trường	26/07/2004	Nam	3.42	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2256
66	22120213	Nguyễn Thị Phương	Uyên	03/09/2004	Nữ	3.71	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2257
67	22120211	Nguyễn Ngọc Gia	Uyên	07/10/2004	Nữ	3.39	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2258
68	22120210	Nguyễn Đình Phương	Uyên	09/04/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2259
69	22120214	Phạm Vũ Tố	Uyên	07/12/2004	Nữ	2.93	136	Khá	CN.NLU.2026.2260
70	22120216	Huỳnh Thị Thảo	Vân	10/03/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2261
71	22120218	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	06/03/2004	Nữ	2.95	136	Khá	CN.NLU.2026.2262
72	22120221	Hoàng Thị Hạ	Vy	06/09/2004	Nữ	3.25	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2263
DH22PT									
1	22121008	Phạm Thị Yến	Nhi	14/11/2004	Nữ	3.14	136	Khá	CN.NLU.2026.2264
DH22QT									
1	22120007	Lê Minh	Anh	01/04/2004	Nữ	3.78	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2265
2	22122020	Trần Thị Kim	Anh	10/01/2004	Nữ	2.90	138	Khá	CN.NLU.2026.2266
3	22122010	Lê Thị Kim	Anh	02/03/2004	Nữ	3.06	137	Khá	CN.NLU.2026.2267
4	22122033	Bùi Thị Hồng	Cúc	18/09/2004	Nữ	3.45	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2268

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	22122030	Phạm Minh	Chiến	27/12/2004	Nam	3.21	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2269
6	22123021	Nguyễn Phùng Thuý	Diễm	10/03/2004	Nữ	3.33	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2270
7	22122056	Trần Thị Phương	Dung	04/07/2004	Nữ	3.53	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2271
8	22122061	Ngô Thùy	Duyên	26/08/2004	Nữ	3.63	138	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2272
9	22122058	Lương Võ Thùy	Dương	09/12/2004	Nữ	3.05	138	Khá	CN.NLU.2026.2273
10	22122041	Cao Tấn	Đạt	02/04/2004	Nam	3.23	138	Khá	CN.NLU.2026.2274
11	22122062	Nguyễn Điệu Tân Gô	Em	16/06/2004	Nữ	3.16	139	Khá	CN.NLU.2026.2275
12	22122064	Đặng Hoàng	Gia	21/01/2004	Nam	3.20	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2276
13	22122091	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	23/04/2000	Nữ	2.96	137	Khá	CN.NLU.2026.2277
14	22122084	Hoàng Thị	Hằng	19/04/2004	Nữ	2.92	139	Khá	CN.NLU.2026.2278
15	22122097	Lê Xuân	Hậu	12/01/2004	Nam	3.07	137	Khá	CN.NLU.2026.2279
16	22122098	Nguyễn Văn	Hậu	05/04/2004	Nam	3.11	136	Khá	CN.NLU.2026.2280
17	22122120	Nguyễn Lê Cẩm	Hồng	22/08/2004	Nữ	3.80	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2281
18	22122117	Huỳnh Thị	Hồng	08/04/2004	Nữ	3.00	137	Khá	CN.NLU.2026.2282
19	22122123	Nguyễn Thị Bích	Huệ	11/04/2004	Nữ	2.92	137	Khá	CN.NLU.2026.2283
20	22122125	Nguyễn Thái	Hùng	28/03/2004	Nam	3.34	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2284
21	22122126	Trần Tấn	Hưng	30/06/2004	Nam	2.96	137	Khá	CN.NLU.2026.2285
22	22122130	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	15/05/2004	Nữ	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.2286
23	22122146	Lê Tuấn	Kiệt	06/10/2004	Nam	3.57	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2287
24	22122138	Đặng Huỳnh	Kha	13/04/2004	Nữ	3.08	137	Khá	CN.NLU.2026.2288
25	22122159	Nguyễn Thị Yến	Liên	24/04/2004	Nữ	2.88	138	Khá	CN.NLU.2026.2289
26	22122174	Đặng Thị Kim	Loan	09/04/2004	Nữ	3.53	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2290
27	22122178	Nguyễn Thị Hồng	Luân	23/03/2004	Nữ	2.83	138	Khá	CN.NLU.2026.2291
28	22122194	Lê Hoàng Khánh	Minh	09/06/2004	Nữ	3.38	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2292
29	22122196	Nguyễn Trần Thanh	Minh	10/03/2004	Nam	2.78	139	Khá	CN.NLU.2026.2293
30	22122212	Lưu Thị Thu	Ngân	24/10/2004	Nữ	3.24	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2294
31	22122210	Huỳnh Kim	Ngân	26/09/2004	Nữ	3.02	137	Khá	CN.NLU.2026.2295
32	22122227	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20/12/2004	Nữ	3.24	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2296

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
33	22122235	Lê Thị Thanh	Nhàn	31/03/2004	Nữ	3.74	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2297
34	22122236	Đinh Thành	Nhân	22/11/2004	Nam	3.06	137	Khá	CN.NLU.2026.2298
35	22122248	Nguyễn Thị Linh	Nhi	03/08/2004	Nữ	3.29	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2299
36	22122265	Nguyễn Thị Tuyết	Như	05/12/2004	Nữ	2.71	137	Khá	CN.NLU.2026.2300
37	22122260	Lê Huỳnh	Như	14/08/2004	Nữ	2.70	140	Khá	CN.NLU.2026.2301
38	22122274	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	12/05/2004	Nữ	3.11	137	Khá	CN.NLU.2026.2302
39	22122298	Trần Thị Ái	Quy	27/11/2004	Nữ	3.31	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2303
40	22122315	Tạ Thị Diễm	Quỳnh	14/09/2004	Nữ	3.28	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2304
41	22122321	Mạc Phước	Sang	29/03/2004	Nam	2.92	137	Khá	CN.NLU.2026.2305
42	22122323	Tô Bá	Sáng	20/06/2004	Nam	3.53	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2306
43	22122514	Ta Pố Thị	Tâm	01/12/2002	Nữ	2.57	138	Khá	CN.NLU.2026.2307
44	22122395	Nguyễn Thanh	Tiền	01/01/2004	Nữ	2.98	137	Khá	CN.NLU.2026.2308
45	22122335	Hoàng Thị Cao	Thanh	15/01/2004	Nữ	3.02	138	Khá	CN.NLU.2026.2309
46	22122334	Đào Thị	Thanh	09/04/2004	Nữ	2.70	138	Khá	CN.NLU.2026.2310
47	22122338	Bùi Minh	Thành	13/10/2004	Nam	3.57	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2311
48	22122349	Trần Nguyễn Ngọc	Thảo	10/10/2004	Nữ	2.85	138	Khá	CN.NLU.2026.2312
49	22122358	Trịnh Thị Anh	Thơ	25/08/2004	Nữ	2.98	136	Khá	CN.NLU.2026.2313
50	22122383	Trần Thị	Thùy	18/05/2004	Nữ	3.20	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2314
51	22122382	Phạm Thụy Như	Thùy	29/06/2004	Nữ	2.77	136	Khá	CN.NLU.2026.2315
52	22122369	Phan Thị Huyền	Thư	28/07/2004	Nữ	2.71	137	Khá	CN.NLU.2026.2316
53	22122376	Nguyễn Văn	Thương	07/02/2004	Nam	3.43	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2317
54	22122414	Trần Huyền	Trang	20/01/2003	Nữ	3.09	137	Khá	CN.NLU.2026.2318
55	22122417	Nguyễn Thanh	Trí	31/12/2003	Nam	3.08	138	Khá	CN.NLU.2026.2319
56	22122452	Nguyễn Phương	Uyên	04/11/2004	Nữ	3.15	138	Khá	CN.NLU.2026.2320
57	22122456	Nguyễn Thị Thanh	Vân	27/03/2004	Nữ	3.32	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2321
58	22122459	Trần Nhật Khánh	Vân	19/03/2004	Nữ	2.69	137	Khá	CN.NLU.2026.2322
59	22122461	Chế Thị Tường	Vi	01/07/2004	Nữ	3.26	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2323
60	22122471	Đặng Quốc	Vương	25/04/2004	Nam	2.79	139	Khá	CN.NLU.2026.2324

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
61	22122477	Võ Ngọc Khánh	Vy	03/11/2004	Nữ	2.90	138	Khá	CN.NLU.2026.2325
DH22QTCA									
1	22122035	Võ Hoàng Sĩ	Đan	01/02/2004	Nam	2.91	139	Khá	CN.NLU.2026.2326
2	22122226	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	09/11/2004	Nữ	3.47	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2327
3	22122313	Nguyễn Lê Phương	Quỳnh	24/10/2004	Nữ	3.40	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2328
4	22122328	Phạm Hồ Bảo	Tâm	30/11/2004	Nam	3.43	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2329
5	22122341	Nguyễn Thanh Hồng	Thảo	05/10/2004	Nữ	3.21	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2330
6	22122380	Lê Thị Thanh	Thúy	26/09/2004	Nữ	3.08	139	Khá	CN.NLU.2026.2331
7	22122454	Huỳnh Ngọc Thanh	Vân	22/07/2004	Nữ	2.97	139	Khá	CN.NLU.2026.2332
8	22122463	Nguyễn Hà Thụy	Vi	05/07/2004	Nữ	3.21	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2333
DH22QTCB									
1	22122003	Quách Gia	An	03/07/2004	Nam	2.98	139	Khá	CN.NLU.2026.2334
2	22122032	Bùi Thị	Cúc	04/11/2004	Nữ	3.50	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2335
3	22122050	Đỗ Thị Doãn	Doãn	02/10/2004	Nữ	3.39	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2336
4	22122154	Kiều Ngọc	Lan	04/10/2004	Nữ	3.36	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2337
5	22122182	Nguyễn Hoàng Trúc	Ly	10/04/2003	Nữ	3.14	139	Khá	CN.NLU.2026.2338
6	22122266	Nguyễn Thị Yến	Như	02/03/2004	Nữ	3.66	139	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2339
7	22122288	Ngô Minh	Phương	13/01/2004	Nữ	3.41	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2340
8	22122289	Nguyễn Hoàng Trúc	Phương	15/09/2004	Nữ	3.43	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2341
9	22122306	Phạm Văn	Quyến	24/07/2004	Nam	3.08	139	Khá	CN.NLU.2026.2342
10	22122319	Vũ Như	Quỳnh	20/05/2004	Nữ	2.88	139	Khá	CN.NLU.2026.2343
11	22122443	Phạm Thị Thanh	Tuyền	23/06/2004	Nữ	3.21	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2344
12	22122518	Hứa Triệu Minh	Thy	29/01/2004	Nữ	2.73	139	Khá	CN.NLU.2026.2345
DH22QTNT									
1	22116120	Nguyễn Ngọc Xuân	Hằng	31/10/2004	Nữ	3.05	137	Khá	CN.NLU.2026.2346
2	22122491	Nguyễn Việt	Mãi	22/06/2004	Nữ	2.96	137	Khá	CN.NLU.2026.2347
DH22TC									
1	22120008	Lê Thị Vân	Anh	07/06/2004	Nữ	3.43	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2348

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	22122053	Võ Nhựt	Đông	03/12/2004	Nam	3.45	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2349
3	22122132	Phan Ngọc Anh	Huy	20/02/2004	Nam	3.20	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2350
4	22122156	Đoàn Ngọc	Lân	09/07/2004	Nam	3.33	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2351
5	22122157	Phạm Trịnh Mỹ	Lê	26/06/2004	Nữ	3.41	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2352
6	22122201	Nguyễn Ngọc	My	19/03/2004	Nữ	3.07	139	Khá	CN.NLU.2026.2353
7	22122213	Nguyễn Thị Cẩm	Ngân	16/06/2004	Nữ	3.02	140	Khá	CN.NLU.2026.2354
8	22120149	Lê Như	Quỳnh	12/05/2004	Nữ	3.35	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2355
9	22122343	Lê Ngọc	Thảo	23/03/2004	Nữ	3.45	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2356
10	22122370	Phan Vũ Minh	Thư	05/01/2004	Nữ	3.01	139	Khá	CN.NLU.2026.2357
11	22122415	Trần Thị	Trang	06/03/2004	Nữ	3.48	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2358
12	22122412	Nguyễn Thùy	Trang	09/10/2004	Nữ	3.14	138	Khá	CN.NLU.2026.2359
13	22122474	Phạm Võ Tường	Vy	12/10/2004	Nữ	3.39	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2360
DH22TM									
1	22122013	Nguyễn Thị Kiều	Anh	25/05/2004	Nữ	3.53	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2361
2	22122023	Lê Minh	Ánh	01/04/2004	Nữ	3.71	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2362
3	22122024	Thiên Nhật	Bản	17/03/2004	Nam	2.63	137	Khá	CN.NLU.2026.2363
4	22166005	Bùi Thùy Ngọc	Bích	02/05/2004	Nữ	3.61	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2364
5	22122059	Lê Khải	Duy	10/10/2004	Nam	3.32	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2365
6	22122051	Nguyễn Thị	Đông	10/02/2004	Nữ	3.45	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2366
7	22122073	Tăng Đức Ngọc	Hà	02/09/2004	Nữ	3.81	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2367
8	22122087	Nguyễn Ngọc	Hạnh	02/06/2004	Nữ	3.13	136	Khá	CN.NLU.2026.2368
9	22122078	Huỳnh Thị Thảo	Hân	03/05/2004	Nữ	2.92	138	Khá	CN.NLU.2026.2369
10	22122105	Lý Hồ Phương	Hiệp	06/09/2004	Nữ	3.88	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2370
11	22122118	Huỳnh Thị Ngọc	Hồng	31/03/2003	Nữ	3.50	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2371
12	22122122	Trần Ánh	Hồng	09/06/2004	Nữ	3.45	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2372
13	22122133	Từ Trọng	Huy	21/03/2004	Nam	3.45	139	Giỏi	CN.NLU.2026.2373
14	22122134	Lê Thị	Huyền	27/04/2004	Nữ	3.53	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2374
15	22122140	Trần Duy	Khánh	31/03/2002	Nam	3.29	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2375

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
16	22122158	Trần Thị Mỹ	Lệ	22/04/2004	Nữ	3.69	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2376
17	22122183	Phạm Đỗ Khánh	Ly	28/11/2004	Nữ	3.52	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2377
18	22122189	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/12/2004	Nữ	3.37	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2378
19	22122185	Đặng Xuân	Mai	20/09/2004	Nữ	2.81	137	Khá	CN.NLU.2026.2379
20	22122203	Nguyễn Thị Trà	My	15/11/2004	Nữ	3.67	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2380
21	22122199	Nguyễn Hoàng Trà	My	10/10/2004	Nữ	2.85	136	Khá	CN.NLU.2026.2381
22	22122221	Hà Thị Bích	Ngọc	10/08/2004	Nữ	3.17	136	Khá	CN.NLU.2026.2382
23	22122256	Trần Yến	Nhi	07/10/2004	Nữ	2.98	136	Khá	CN.NLU.2026.2383
24	22122251	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/10/2004	Nữ	3.16	136	Khá	CN.NLU.2026.2384
25	22122258	Nguyễn Thị Tuyết	Nhu	03/09/1998	Nữ	3.51	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2385
26	22122262	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	30/01/2004	Nữ	2.93	137	Khá	CN.NLU.2026.2386
27	22122284	Lương Thiên	Phụng	17/08/2004	Nữ	3.14	137	Khá	CN.NLU.2026.2387
28	22122287	Lê Nguyễn Mai	Phương	19/05/2004	Nữ	3.59	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2388
29	22122293	Phạm Ngọc Hoài	Phương	07/11/2004	Nữ	3.26	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2389
30	22122301	Lê Trần Anh	Quyên	19/03/2004	Nữ	3.02	136	Khá	CN.NLU.2026.2390
31	22122314	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	29/08/2004	Nữ	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.2391
32	22122309	Đường Thị Như	Quỳnh	13/11/2004	Nữ	2.95	136	Khá	CN.NLU.2026.2392
33	22122434	Nguyễn Quốc	Tuấn	22/11/2004	Nam	3.12	137	Khá	CN.NLU.2026.2393
34	22122442	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	24/05/2004	Nữ	3.26	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2394
35	22122441	Nguyễn Tâm Thanh	Tuyền	19/06/2004	Nữ	3.56	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2395
36	22122339	Bùi Văn	Thành	26/05/2004	Nam	2.89	136	Khá	CN.NLU.2026.2396
37	22122384	Trương Thị Lệ	Thùy	10/12/2004	Nữ	3.33	136	Khá	CN.NLU.2026.2397
38	22122379	Hồ Thị	Thúy	04/01/2004	Nữ	2.98	137	Khá	CN.NLU.2026.2398
39	22122371	Thái Điền Minh	Thư	30/06/2004	Nữ	3.36	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2399
40	22122366	Huỳnh Thái Anh	Thư	01/09/2004	Nữ	2.85	137	Khá	CN.NLU.2026.2400
41	22122407	Lê Nguyễn Mai	Trang	31/05/2004	Nữ	2.92	136	Khá	CN.NLU.2026.2401
DH23QT									
1	23122053	Trần Thu	Hà	05/09/2005	Nữ	3.26	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2402

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	23122215	Nguyễn Thị	Phượng	02/09/2005	Nữ	2.62	136	Khá	CN.NLU.2026.2403
3	23122259	Nguyễn Anh	Thư	26/10/2005	Nữ	3.62	138	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2404
DH23TM									
1	23122004	Lê Gia	Ân	21/02/2005	Nữ	3.70	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2405
2	23122176	Nguyễn Lê Yến	Nhi	15/06/2005	Nữ	3.60	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2406
3	23122281	Lê Đình	Tiến	03/01/2005	Nam	3.56	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2407
4	23122261	Nguyễn Ngọc Kiều	Thư	22/07/2005	Nữ	3.44	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2408
5	23122323	Nguyễn Văn	Út	01/03/2004	Nam	3.65	136	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2409
Lâm nghiệp									
DH15GB									
1	15115124	Nguyễn Minh	Phụng	26/08/1995	Nữ	2.33	137	Trung bình	KS.NLU.2026.2410
DH15LN									
1	15114027	Nguyễn Bá Công	Đức	23/04/1997	Nam	2.33	137	Trung bình	KS.NLU.2026.2411
DH16CB									
1	16115199	Phạm Thị Ngọc	Tuyền	05/07/1998	Nữ	2.77	135	Khá	KS.NLU.2026.2412
DH19CB									
1	19115067	Huỳnh Thị	Lý	23/12/2001	Nữ	3.32	137	Giỏi	KS.NLU.2026.2413
DH20LN									
1	20165010	Nguyễn Ngọc	Nhơn	08/08/2002	Nam	2.74	160	Khá	KS.NLU.2026.2414
DH20QR									
1	20164004	Lương Xuân	Lộc	08/04/2002	Nam	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.2415
DH21CB									
1	21115071	Trương Văn	Tài	29/03/2003	Nam	2.60	159	Khá	KS.NLU.2026.2416
2	21115085	Võ Ngọc Thanh	Thùy	22/07/2003	Nữ	3.01	159	Khá	KS.NLU.2026.2417
3	21115246	Đoàn Tạ Anh	Vũ	03/03/2003	Nam	2.67	159	Khá	KS.NLU.2026.2418
DH21GB									
1	21115120	Nguyễn Quốc	Bảo	23/07/2003	Nam	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.2419

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	21115226	Tằng Văn	Tiến	23/12/2003	Nam	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.2420
3	21115216	Nguyễn Kiều Hoàng	Thư	09/06/2003	Nữ	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.2421
DH21LD									
1	21165023	Nguyễn Ngọc Tuyết	Oanh	13/09/2003	Nữ	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.2422
DH21LN									
1	21114015	Vũ Trần Hoài	An	02/09/2003	Nữ	2.71	159	Khá	KS.NLU.2026.2423
2	21114017	Lê Tuấn	Anh	07/08/2003	Nam	2.90	159	Khá	KS.NLU.2026.2424
3	21114045	Cao Thị Anh	Thư	12/10/2003	Nữ	3.05	158	Khá	KS.NLU.2026.2425
DH21QR									
1	21164044	Lê Minh	Quân	30/04/2003	Nam	2.78	159	Khá	KS.NLU.2026.2426
DH22CB									
1	22115020	Phan Đặng Phương	Giang	09/02/2004	Nữ	2.93	159	Khá	KS.NLU.2026.2427
2	22115074	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	14/01/2004	Nữ	2.94	159	Khá	KS.NLU.2026.2428
3	22115086	Hoàng Quốc	Việt	09/11/2004	Nam	3.06	159	Khá	KS.NLU.2026.2429
4	22115088	Phan Văn	Vũ	31/05/2004	Nam	3.22	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2430
DH22GB									
1	22115012	Đinh Thị Phương	Dung	23/01/2004	Nữ	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.2431
2	22115050	Cao Minh	Nhựt	03/11/2004	Nam	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.2432
3	22115073	Nguyễn Hồ	Thúy	26/09/2004	Nữ	3.05	158	Khá	KS.NLU.2026.2433
4	22115069	Nguyễn Hồ Anh	Thư	10/04/2004	Nữ	3.28	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2434
5	22115080	Phan Thị Mỹ	Trinh	20/01/2004	Nữ	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.2435
DH22GN									
1	22115008	Huỳnh Lê Tấn	Đạt	15/01/2004	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2436
2	22115024	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	25/04/2004	Nữ	3.83	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2437
3	22115023	Vũ Thị Thu	Hằng	08/12/2004	Nữ	3.29	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2438
4	22115026	Đỗ Văn	Hiếu	23/12/2004	Nam	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.2439
5	22115049	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/07/2004	Nữ	3.28	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2440

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
6	22115075	Nguyễn Huỳnh Yến	Tiên	15/11/2004	Nữ	3.52	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2441
7	22115065	Trần Anh	Thiện	24/02/2004	Nam	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.2442
8	22115066	Lê Ngọc	Thoại	07/12/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.2443
9	22115067	Huỳnh Lê	Thơm	05/07/2004	Nữ	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2444
10	22115072	Nguyễn Thị Mai	Thuy	19/07/2004	Nữ	3.63	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2445
11	22115081	Nguyễn Thị Mai	Trúc	15/07/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2446
12	22115085	Nguyễn Khả	Vi	04/11/2004	Nữ	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.2447
13	22164022	Lê Thái Tường	Vy	16/09/2004	Nữ	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2448
DH22LD									
1	22165004	Phan Thị Thùy	Dung	14/07/2004	Nữ	3.80	160	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2449
2	22165008	Lê Văn Tuấn	Kiệt	16/08/2004	Nam	3.24	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2450
DH22LN									
1	22114030	Nguyễn Trúc	Linh	09/08/2004	Nữ	3.02	159	Khá	KS.NLU.2026.2451
2	22114018	Huỳnh Tố	Như	06/05/2004	Nữ	2.98	159	Khá	KS.NLU.2026.2452
3	22114024	Đào Thị Thu	Trang	06/08/2004	Nữ	3.21	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2453
4	22114025	Đoàn Thị Bích	Trông	22/02/2004	Nữ	3.01	159	Khá	KS.NLU.2026.2454
DH22QR									
1	22164003	Võ Lê Phương	Giang	27/06/2004	Nữ	3.55	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2455
2	22164021	Hoàng Vân	Khánh	02/09/2004	Nữ	3.00	160	Khá	KS.NLU.2026.2456
Môi trường và Tài nguyên									
DH15QM									
1	15149018	Nguyễn Thành	Đạt	03/01/1997	Nam	2.45	136	Trung bình	KS.NLU.2026.2457
DH17ES									
1	17163082	Nguyễn Tường	Vân	20/12/1999	Nữ	2.42	138	Trung bình	KS.NLU.2026.2458
DH17QM									
1	17149184	Nguyễn Minh	Trực	02/09/1999	Nam	2.58	136	Khá	KS.NLU.2026.2459

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH18MT									
1	18127001	Lê Thành	An	27/01/2000	Nam	2.50	136	Khá	KS.NLU.2026.2460
2	18127008	Nguyễn Huỳnh Quốc	Bảo	10/10/2000	Nam	2.59	136	Khá	KS.NLU.2026.2461
DH18TK									
1	18131009	Nguyễn Ngọc	Duy	23/10/2000	Nam	2.85	137	Khá	KS.NLU.2026.2462
DH19ES									
1	19163034	Hoàng Trần Tố	Quyên	03/12/2001	Nữ	2.77	136	Khá	KS.NLU.2026.2463
DH19MT									
1	19127023	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	17/04/2001	Nữ	2.63	136	Khá	KS.NLU.2026.2464
DH19TK									
1	19131036	Nguyễn Sỹ	Phú	15/11/2001	Nam	3.14	137	Khá	KS.NLU.2026.2465
2	19131046	Hoàng Đức	Thắng	12/02/2001	Nam	3.01	137	Khá	KS.NLU.2026.2466
DH20ES									
1	20163089	Nguyễn Minh	Hải	11/09/2002	Nam	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.2467
2	20163098	Tô Thị Trà	My	01/03/2002	Nữ	2.46	159	Trung bình	KS.NLU.2026.2468
3	20163132	Nguyễn Thị	Thọ	15/11/2002	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.2469
DH20MT									
1	20127094	Nguyễn Dương Nữ Vân	Anh	11/07/2002	Nữ	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.2470
2	20127095	Hoàng Đình	Bình	22/03/2002	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.2471
3	20127006	Nguyễn Tấn	Đạt	15/01/2002	Nam	2.54	159	Khá	KS.NLU.2026.2472
4	20127114	Ngô Thị Thúy	Kiều	06/08/2002	Nữ	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.2473
5	20127145	Lý Châu Gia	Thuận	17/05/2002	Nam	2.30	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2474
DH21DL									
1	21157046	Võ Phan Nhật	Ánh	26/06/2003	Nữ	2.85	160	Khá	KS.NLU.2026.2475
2	21157073	Lê Phương	Linh	27/02/2003	Nữ	2.37	159	Trung bình	KS.NLU.2026.2476
3	21157078	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	05/12/2003	Nữ	3.07	159	Khá	KS.NLU.2026.2477
4	21157116	Đinh Thị Thùy	Trang	09/09/2003	Nữ	2.68	159	Khá	KS.NLU.2026.2478

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	21157111	Phan Hoàng Mỹ	Trâm	18/01/2003	Nữ	2.73	160	Khá	KS.NLU.2026.2479
DH21ES									
1	21163001	Tô Xuân	Ái	24/12/2003	Nữ	2.63	159	Khá	KS.NLU.2026.2480
2	21163076	Nguyễn Vũ Thái	Hiền	18/04/2003	Nữ	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.2481
3	21163081	Đào Mạnh	Khang	22/08/2003	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.2482
4	21163095	Võ Nguyễn Phương	Nhi	04/06/2003	Nữ	2.77	159	Khá	KS.NLU.2026.2483
5	21163099	Lâm Mỹ	Nhung	16/04/2003	Nữ	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.2484
6	21163105	Châu Như	Quỳnh	22/09/2003	Nữ	2.77	158	Khá	KS.NLU.2026.2485
7	21163061	Phạm Thị Thu	Yến	23/03/2003	Nữ	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.2486
DH21HM									
1	21166081	Lê Gia	Tín	19/11/2003	Nam	2.79	158	Khá	KS.NLU.2026.2487
DH21MT									
1	21127089	Hoàng Thuỳ Lệ	Đơn	18/08/2003	Nữ	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2488
2	21127095	Nguyễn	Hoàng	22/11/2003	Nam	2.30	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2489
3	21127098	Nguyễn Văn Vũ	Hưng	13/09/2003	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.2490
4	21127022	Đặng Thị Thúy	Kiều	23/01/2003	Nữ	3.09	159	Khá	KS.NLU.2026.2491
5	21127027	Nguyễn Thị Trúc	Linh	01/05/2003	Nữ	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.2492
6	21127124	Nguyễn An Bảo	Ngọc	10/01/2003	Nữ	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.2493
7	21127134	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	19/02/2003	Nữ	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.2494
8	21127139	Lê Thị Minh	Phương	17/04/2003	Nữ	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.2495
9	21127146	Nguyễn Thái	Sơn	21/10/2003	Nam	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.2496
10	21127067	Nguyễn Phan Trang	Uyên	16/12/2003	Nữ	2.57	158	Khá	KS.NLU.2026.2497
DH21QM									
1	21149120	Vũ Ngọc	Ánh	07/09/2003	Nữ	2.95	159	Khá	KS.NLU.2026.2498
2	21149229	Đỗ Xuân	Phát	04/12/2003	Nam	2.50	159	Khá	KS.NLU.2026.2499
3	21149097	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	29/08/2003	Nữ	2.38	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2500
4	21149304	Nguyễn Thị Tố	Uyên	11/04/2003	Nữ	2.54	159	Khá	KS.NLU.2026.2501
5	21149306	Đỗ Thị Thảo	Vân	01/01/2002	Nữ	2.78	159	Khá	KS.NLU.2026.2502

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22DL									
1	22157018	Nguyễn Thanh	Hoài	04/12/2004	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.2503
DH22ES									
1	22163006	Phạm Ngọc Thụy	Du	06/05/2004	Nữ	2.97	159	Khá	KS.NLU.2026.2504
2	22163008	Đặng Hữu Hồng	Hương	04/06/2004	Nữ	2.94	159	Khá	KS.NLU.2026.2505
3	22163014	Dương Yến	Ngọc	29/03/2004	Nữ	3.16	159	Khá	KS.NLU.2026.2506
4	22163026	Lê Huyền	Vy	09/11/2004	Nữ	2.91	159	Khá	KS.NLU.2026.2507
DH22HM									
1	22166006	Lê Văn	Chương	18/12/2004	Nam	3.30	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2508
2	22166012	Phạm Khắc	Duy	28/02/2004	Nam	2.94	161	Khá	KS.NLU.2026.2509
3	22166008	Vũ Hoàng	Đạt	29/01/2004	Nam	3.15	161	Khá	KS.NLU.2026.2510
4	22166009	Dương Văn	Đức	28/03/2004	Nam	3.19	160	Khá	KS.NLU.2026.2511
5	22166018	Nguyễn Thanh	Giang	14/06/2004	Nam	3.71	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2512
6	22166017	Nguyễn Hoàng	Giang	09/08/2004	Nam	3.82	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2513
7	22166023	Phùng Tô	Hào	23/12/2004	Nam	2.99	161	Khá	KS.NLU.2026.2514
8	22166022	Nguyễn Trần Thu	Hằng	13/07/2004	Nữ	3.33	161	Giỏi	KS.NLU.2026.2515
9	22166024	Lê Đặng Ngọc	Hiếu	05/01/2004	Nữ	3.31	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2516
10	22166025	Bùi Phụ Minh	Hòa	03/12/2004	Nam	3.10	160	Khá	KS.NLU.2026.2517
11	22166026	Bùi Thanh	Hoàng	13/11/2004	Nam	3.34	161	Giỏi	KS.NLU.2026.2518
12	22166036	Nguyễn Duy	Kiệt	05/07/2004	Nam	3.12	161	Khá	KS.NLU.2026.2519
13	22166032	Ngô Ngọc	Khánh	03/03/2004	Nam	3.40	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2520
14	22166033	Lê Ngọc Anh	Khoa	05/09/2004	Nam	3.20	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2521
15	22166049	Nguyễn Thị Khánh	Ly	20/12/2004	Nữ	3.29	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2522
16	22166050	Trương Thị Hoa	Lý	09/08/2004	Nữ	2.82	160	Khá	KS.NLU.2026.2523
17	22166053	Phan Anh Nhật	Minh	20/01/2004	Nam	2.56	159	Khá	KS.NLU.2026.2524
18	22166055	Nguyễn Lê Du	Na	21/11/2004	Nữ	3.23	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2525
19	22166061	Trần Thị Như	Ngọc	26/07/2004	Nữ	3.84	160	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2526
20	22166060	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	01/06/2004	Nữ	3.60	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2527

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
21	22166059	Nguyễn Thị	Ngọc	19/03/2004	Nữ	3.38	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2528
22	22166065	Nguyễn Quỳnh	Nhi	17/04/2004	Nữ	3.46	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2529
23	22166067	Lê Quỳnh	Như	23/02/2003	Nữ	3.27	160	Giỏi	KS.NLU.2026.2530
24	22166074	Phan Nguyễn Như	Quỳnh	08/07/2004	Nữ	3.30	161	Giỏi	KS.NLU.2026.2531
25	22166084	Nguyễn Nhựt	Tiến	17/09/2004	Nam	3.10	160	Khá	KS.NLU.2026.2532
26	22166099	Hồ Mạnh	Tường	03/01/2004	Nam	3.69	160	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2533
27	22166081	Nguyễn Phát	Thịnh	08/09/2004	Nam	3.62	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2534
28	22166088	Phan Thị Quỳnh	Trang	09/03/2004	Nữ	3.11	161	Khá	KS.NLU.2026.2535
29	22166087	Nguyễn Ái	Trân	11/08/2004	Nữ	3.53	161	Giỏi	KS.NLU.2026.2536
30	22166091	Nguyễn Đức	Trọng	30/01/2004	Nam	2.95	161	Khá	KS.NLU.2026.2537
31	22166092	Nguyễn Nhã	Trúc	20/09/2004	Nữ	3.10	160	Khá	KS.NLU.2026.2538
32	22166093	Hồ Võ Minh	Trường	14/09/2004	Nam	3.01	160	Khá	KS.NLU.2026.2539
33	22166095	Trần Xuân	Trường	11/07/2004	Nam	3.19	161	Khá	KS.NLU.2026.2540
34	22166101	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	16/05/2004	Nữ	3.36	161	Giỏi	KS.NLU.2026.2541
35	22166102	Đinh Trúc	Vân	20/01/2004	Nữ	2.76	161	Khá	KS.NLU.2026.2542
36	22166103	Trần Dương	Vinh	08/08/2004	Nam	2.87	161	Khá	KS.NLU.2026.2543
37	22166104	Nguyễn Nhật	Vũ	02/01/2003	Nam	3.02	160	Khá	KS.NLU.2026.2544
38	22166105	Trần Sang	Xuân	22/01/2004	Nam	3.11	160	Khá	KS.NLU.2026.2545
39	22166106	Võ Thị Như	Ý	21/08/2004	Nữ	2.95	161	Khá	KS.NLU.2026.2546
DH22LA									
1	22133001	Nguyễn Trần Tú	Anh	08/01/2004	Nữ	3.59	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2547
2	22133004	Trần Thị Ngân	Giang	02/09/2004	Nữ	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2548
3	22133009	Đinh Quỳnh	Mai	10/02/2004	Nữ	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2549
4	22133022	Phan Dũ	Thuận	04/01/2004	Nam	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2550
5	22133020	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	08/11/2004	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.2551
6	22133028	Bùi Nguyễn Huỳnh	Yến	17/01/2004	Nữ	3.50	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2552
DH22MT									
1	22127013	Võ Trúc	Linh	22/02/2004	Nữ	3.15	159	Khá	KS.NLU.2026.2553

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	22127012	Lê Phan Huyền	Linh	29/10/2004	Nữ	2.95	159	Khá	KS.NLU.2026.2554
3	22127027	Trần Thị Khánh	Tiên	17/10/2004	Nữ	2.81	159	Khá	KS.NLU.2026.2555
4	22127035	Võ Thị Cẩm	Tú	15/12/2004	Nữ	2.99	159	Khá	KS.NLU.2026.2556
5	22127029	Đặng Ngọc Bảo	Trâm	23/05/2004	Nữ	3.05	159	Khá	KS.NLU.2026.2557
6	22127032	Phạm Ngọc	Trinh	07/09/2004	Nữ	2.85	161	Khá	KS.NLU.2026.2558
DH22QM									
1	22149018	Nguyễn Thanh	Hằng	06/10/2004	Nữ	3.10	159	Khá	KS.NLU.2026.2559
2	22149034	Đỗ Đình	Lâm	16/01/2004	Nam	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.2560
3	22149041	Nguyễn Thị Trúc	My	18/09/2004	Nữ	3.16	159	Khá	KS.NLU.2026.2561
4	22149054	Trần Thị Tuyết	Như	25/03/2004	Nữ	3.67	159	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2562
5	22149081	Phan Ngọc	Tiền	16/12/2004	Nam	3.25	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2563
6	22149080	Ngô Trần Thành	Tiến	29/11/2004	Nam	3.19	159	Khá	KS.NLU.2026.2564
7	22149083	Đỗ Thị Kim	Tình	14/01/2004	Nữ	3.30	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2565
8	22149088	Võ Nguyễn Minh	Trí	05/12/2004	Nam	2.99	159	Khá	KS.NLU.2026.2566
9	22149091	Phạm Ngọc Yên	Trinh	20/09/2004	Nữ	3.24	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2567
Nông học									
DH15BV									
1	15145071	Võ Thanh	Thảo	02/04/1997	Nam	3.11	132	Khá	KS.NLU.2026.2656
DH16BV									
1	16145293	Hoàng Thị Ngọc	Kiều	21/11/1997	Nữ	2.78	132	Khá	KS.NLU.2026.2657
DH18BV									
1	18145097	Nguyễn Hoàng	Quân	01/12/1999	Nam	2.68	136	Khá	KS.NLU.2026.2658
DH18NHB									
1	18113149	Hà Thị Thanh	Thảo	11/06/2000	Nữ	3.10	137	Khá	KS.NLU.2026.2659
DH19BV									
1	19145001	Đinh Nguyễn Thủy	An	25/12/2001	Nữ	2.66	136	Khá	KS.NLU.2026.2660

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH19NHA									
1	19113300	Nguyễn Quang	Huy	12/07/2000	Nam	3.14	138	Khá	KS.NLU.2026.2661
2	19113166	Nguyễn Minh	Trí	28/08/2001	Nam	2.89	136	Khá	KS.NLU.2026.2662
DH20BV									
1	20145121	Đỗ Hồng	Khanh	14/09/2002	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.2663
DH20NHB									
1	20113300	Võ Văn	Nhân	14/07/2002	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2664
2	20113304	Dương Thị Kiều	Oanh	09/04/2002	Nữ	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.2665
DH21BVA									
1	21145141	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	08/09/2003	Nữ	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.2666
2	21145032	Giãng Minh	Kha	23/12/2003	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.2667
3	21145157	Lê Thị Bảo	Khanh	08/01/2003	Nữ	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.2668
4	21145160	Huỳnh Ngọc	Lâm	01/08/2003	Nam	2.16	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2669
5	21145039	Đoàn Khánh	Ly	18/11/2003	Nữ	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2670
DH21BVB									
1	21145178	Huỳnh Thanh	Nhân	16/02/2003	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.2671
2	21145185	Đoàn Hữu	Phi	02/12/2003	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.2672
3	21145193	Vũ Phúc Minh	Quân	26/08/2003	Nam	2.82	158	Khá	KS.NLU.2026.2673
4	21145226	Đặng Thành	Trung	26/05/2003	Nam	2.22	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2674
DH21NHA									
1	21113168	Bùi Anh	Đức	29/10/2003	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.2675
2	21113022	Lý Thị Mỹ	Hoa	08/01/2003	Nữ	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.2676
3	21113193	Nguyễn Quốc	Hữu	09/02/2003	Nam	2.82	158	Khá	KS.NLU.2026.2677
DH21NHB									
1	21113043	Trần Thị Trúc	Mi	31/07/2003	Nữ	2.47	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2678
DH21NHC									
1	21113267	Nguyễn Tấn	Phước	06/09/2003	Nam	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.2679

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
2	21113275	Trần Mạnh	Quốc	19/08/2003	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.2680
3	21113282	Võ Tấn	Sang	23/02/2003	Nam	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2681
DH22BVA									
1	22145010	Nguyễn Hữu	Có	04/02/2004	Nam	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2682
2	22145009	Lượng Trường	Chinh	19/05/2004	Nam	3.67	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2683
3	22145017	Bùi Bá	Duy	02/06/2004	Nam	3.23	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2684
4	22145013	Nguyễn Ngọc Anh	Đào	01/11/2004	Nữ	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2685
5	22145012	Nguyễn Hải	Đăng	13/02/2004	Nam	3.71	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2686
6	22145020	Nguyễn Lâm Gia	Hân	19/09/2004	Nữ	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2687
7	22145029	Nguyễn Tuấn	Kiệt	12/11/2004	Nam	3.62	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2688
8	22145039	Huỳnh Ngọc	Ngân	09/01/2004	Nữ	3.50	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2689
9	22145048	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	24/09/2004	Nữ	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.2690
DH22BVB									
1	22145050	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/02/2004	Nữ	3.56	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2691
2	22145054	Phạm Thiên	Phú	24/02/2004	Nam	3.37	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2692
3	22145060	Dương Cao Tuấn	Sơn	12/10/2004	Nam	3.40	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2693
4	22145067	Nguyễn Lê Nhật	Thái	10/10/2004	Nam	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2694
DH22NHA									
1	22113008	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	08/09/2004	Nữ	3.63	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2695
2	22113014	Lê Nguyễn Trường	Duy	04/01/2004	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.2696
3	22113019	Phạm Hoàng	Dỹ	26/06/2004	Nam	3.26	158	Khá	KS.NLU.2026.2697
4	22113020	Lê Ngọc	Giàu	14/12/2004	Nữ	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.2698
5	22113025	Kiều Xuân	Hoàng	09/01/2004	Nam	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.2699
DH22NHB									
1	22113045	Đặng Thanh	Mai	17/06/2004	Nữ	3.29	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2700
2	22113046	Đỗ Thị Diễm	Mi	17/02/2004	Nữ	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.2701
3	22113047	Phạm Diễm	My	29/09/2004	Nữ	3.33	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2702
4	22113050	Phạm Kim	Ngân	07/01/2004	Nữ	3.33	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2703

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	22113053	Huỳnh Văn	Nghĩa	03/08/2004	Nam	3.56	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2704
6	22113063	Lê Hoàng	Phúc	29/06/2004	Nam	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2705
7	22113062	Huỳnh Lê	Phúc	17/09/2004	Nam	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.2706
8	22113067	Trần Thị Kim	Quyên	17/10/2004	Nữ	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.2707
9	22113070	Ngô Minh	Sang	07/04/2004	Nam	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.2708
10	22113072	Nguyễn Văn	Tài	13/12/2004	Nam	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.2709
11	22113079	Lý Kim	Thoa	04/05/2004	Nữ	3.17	158	Khá	KS.NLU.2026.2710
12	22113082	Đỗ Thị	Thương	06/09/2004	Nữ	3.84	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2711
13	22113088	Nguyễn Bảo	Trân	16/12/2004	Nữ	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2712
TC20NHDN									
1	20213036	Nguyễn Tấn	An	27/05/1987	Nam	3.16	150	Khá	KS.NLU.2026.2713
2	20213038	Trần Ngọc	Điệp	23/01/1986	Nam	3.08	150	Khá	KS.NLU.2026.2714
3	20213040	Nguyễn Đức	Hạnh	26/10/1984	Nam	3.09	150	Khá	KS.NLU.2026.2715
4	20213020	Nguyễn Văn	Tài	12/09/1996	Nam	2.95	150	Khá	KS.NLU.2026.2716
5	20213068	Nguyễn Quang	Trực	19/08/1985	Nam	2.90	150	Khá	KS.NLU.2026.2717
Ngoại ngữ - Sư phạm									
DH18AV									
1	18128020	Võ Thị Phương	Đài	03/01/2000	Nữ	2.89	136	Khá	CN.NLU.2026.2568
DH19AV									
1	19128125	Trương Quang	Nhựt	26/11/1999	Nam	2.84	136	Khá	CN.NLU.2026.2569
2	19128124	Nguyễn Minh	Nhựt	17/01/2001	Nam	2.58	136	Khá	CN.NLU.2026.2570
3	19128131	Phan Tấn	Phong	13/08/2001	Nam	2.62	137	Khá	CN.NLU.2026.2571
4	19128151	Vũ Nhật	Tài	02/07/2001	Nam	2.65	136	Khá	CN.NLU.2026.2572
DH20AV									
1	20128111	Lê Thị Minh	Dung	23/07/2002	Nữ	2.08	136	Trung bình	CN.NLU.2026.2573
2	20128166	Lê Tấn	Dũng	12/06/2002	Nam	2.89	137	Khá	CN.NLU.2026.2574
3	20128198	Dương Thị Mai	Linh	25/08/2002	Nữ	2.50	136	Khá	CN.NLU.2026.2575

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	20128121	Lê Bảo	Ngọc	23/11/2002	Nữ	2.76	136	Khá	CN.NLU.2026.2576
5	20128310	Đặng Nguyễn Bảo	Vân	25/10/2002	Nữ	2.56	136	Khá	CN.NLU.2026.2577
DH21AV									
1	21128217	Nguyễn Hải	Đăng	03/12/2003	Nam	2.80	136	Khá	CN.NLU.2026.2578
2	21128046	Trần Thanh Ngọc	Hiền	07/06/2003	Nữ	2.32	136	Trung bình	CN.NLU.2026.2579
3	21128065	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	02/12/2003	Nữ	2.53	137	Khá	CN.NLU.2026.2580
4	21128089	Trần Thị Kim	Ngân	13/05/2003	Nữ	2.86	136	Khá	CN.NLU.2026.2581
5	21128271	Hoàng Quốc	Tuấn	28/01/2003	Nam	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.2582
6	21128274	Nguyễn Thục Tĩnh	Xuyên	15/10/2003	Nữ	2.41	136	Trung bình	CN.NLU.2026.2583
DH21AVNT									
1	21128282	Ngô Quốc	Duy	25/06/2003	Nam	2.79	136	Khá	CN.NLU.2026.2584
2	21128299	Võ Hoàng Phương	Như	22/07/2002	Nữ	2.48	136	Trung bình	CN.NLU.2026.2585
3	21128284	Nguyễn Nhật Anh	Thư	25/09/2003	Nữ	2.52	136	Khá	CN.NLU.2026.2586
4	21128206	Lê Thị Minh	Thy	12/06/2003	Nữ	2.50	136	Khá	CN.NLU.2026.2587
DH21SP									
1	21132030	Võ Nguyễn Khánh	Duy	21/09/2003	Nam	2.74	136	Khá	CN.NLU.2026.2588
2	21132054	Thái Thanh	Phước	16/03/2003	Nam	2.36	136	Trung bình	CN.NLU.2026.2589
DH22AV									
1	22128013	Nguyễn Nhật Lan	Anh	04/11/2004	Nữ	2.75	136	Khá	CN.NLU.2026.2590
2	22128012	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	01/01/2003	Nữ	2.79	136	Khá	CN.NLU.2026.2591
3	22128026	Võ Nguyễn Công	Danh	28/09/2004	Nam	2.68	136	Khá	CN.NLU.2026.2592
4	22128030	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	13/06/2004	Nữ	2.97	139	Khá	CN.NLU.2026.2593
5	22128033	Phạm Nguyễn Việt	Đức	19/05/2004	Nam	3.21	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2594
6	22128042	Lê Phương	Hân	12/04/2004	Nữ	2.87	136	Khá	CN.NLU.2026.2595
7	22128049	Vũ Thị Thanh	Hiền	16/01/2001	Nữ	3.45	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2596
8	22128048	Nguyễn Lê Thanh	Hiền	15/12/2004	Nữ	2.80	136	Khá	CN.NLU.2026.2597
9	22128050	Nguyễn Quang	Hiếu	15/04/2004	Nam	3.14	136	Khá	CN.NLU.2026.2598
10	22128053	Nguyễn Ngọc Mai	Hoa	19/01/2004	Nữ	3.22	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2599

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
11	22128054	Trần Thu	Hoài	22/07/2004	Nữ	3.15	136	Khá	CN.NLU.2026.2600
12	22128055	Trần Diệu	Hoàn	09/03/2004	Nữ	3.58	142	Giỏi	CN.NLU.2026.2601
13	22128069	Đinh Quang	Huy	17/01/2004	Nam	2.91	136	Khá	CN.NLU.2026.2602
14	22128064	Lê Thị Hồng	Hương	08/02/2004	Nữ	3.52	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2603
15	22128078	Nguyễn Đăng	Khoa	03/07/2004	Nam	3.25	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2604
16	22128091	Tôn Phan Thùy	Linh	31/10/2004	Nữ	2.61	142	Khá	CN.NLU.2026.2605
17	22128089	Ngô Triệu Yến	Linh	17/05/2004	Nữ	2.65	136	Khá	CN.NLU.2026.2606
18	22128087	Hoàng Thị Thùy	Linh	10/01/2004	Nữ	2.78	139	Khá	CN.NLU.2026.2607
19	22128088	Lưu Thị Thu	Linh	07/11/2004	Nữ	2.89	136	Khá	CN.NLU.2026.2608
20	22128097	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	07/11/2004	Nữ	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.2609
21	22128098	Lê Minh	Mẫn	10/01/2004	Nam	2.98	136	Khá	CN.NLU.2026.2610
22	22128103	Trần Gia	Minh	03/01/2004	Nam	3.22	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2611
23	22128105	Nguyễn Hảo	My	15/09/2004	Nữ	2.91	136	Khá	CN.NLU.2026.2612
24	22128104	Hầu Tiểu	My	20/01/2004	Nữ	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.2613
25	22128111	Ngô Nhật Uyên	Nghi	03/06/2004	Nữ	2.83	136	Khá	CN.NLU.2026.2614
26	22128112	Trần Gia	Nghi	22/12/2004	Nữ	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.2615
27	22128114	Đào Thị Ánh	Ngọc	12/02/2004	Nữ	3.05	136	Khá	CN.NLU.2026.2616
28	22128119	Phạm Yến	Ngọc	08/05/2004	Nữ	3.04	136	Khá	CN.NLU.2026.2617
29	22128115	Giang Thị Bảo	Ngọc	03/05/2004	Nữ	3.11	136	Khá	CN.NLU.2026.2618
30	22128117	Nguyễn Thanh	Ngọc	26/01/2004	Nữ	2.98	136	Khá	CN.NLU.2026.2619
31	22128129	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	05/12/2004	Nữ	2.37	136	Trung bình	CN.NLU.2026.2620
32	22128133	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	21/06/2004	Nữ	2.84	136	Khá	CN.NLU.2026.2621
33	22128139	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	02/11/2004	Nữ	2.52	136	Khá	CN.NLU.2026.2622
34	22128151	Phạm Ngọc Cát	Phương	01/04/2004	Nữ	2.75	136	Khá	CN.NLU.2026.2623
35	22128150	Nguyễn Thị Trúc	Phương	12/12/2004	Nữ	2.68	136	Khá	CN.NLU.2026.2624
36	22128164	Lại Thị An	Tâm	26/02/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2625
37	22128175	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	21/10/2004	Nữ	3.34	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2626
38	22128176	Phan Thị Thanh	Thảo	11/05/2004	Nữ	2.85	136	Khá	CN.NLU.2026.2627

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
39	22128167	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	11/09/2004	Nữ	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.2628
40	22128181	Nguyễn Hoàng	Thiện	20/04/2004	Nam	3.24	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2629
41	22128197	Hoàng Thị Hồng	Thúy	16/10/2004	Nữ	3.15	136	Khá	CN.NLU.2026.2630
42	22128189	Phạm Minh	Thư	19/04/2004	Nữ	2.68	136	Khá	CN.NLU.2026.2631
43	22128196	Vũ Song	Thương	26/09/2003	Nữ	2.76	136	Khá	CN.NLU.2026.2632
44	22128195	Vũ Nguyễn Hoài	Thương	02/03/2004	Nữ	2.61	136	Khá	CN.NLU.2026.2633
45	22128208	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/01/2003	Nữ	2.96	136	Khá	CN.NLU.2026.2634
46	22128203	Huỳnh Ngọc Quế	Trân	17/07/2004	Nữ	2.94	136	Khá	CN.NLU.2026.2635
47	22128212	Phạm Công Minh	Trí	25/07/2004	Nam	3.40	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2636
48	22128213	Nguyễn Phúc Thiên	Triệu	15/09/2004	Nam	2.78	136	Khá	CN.NLU.2026.2637
49	22128215	Phạm Lê Nguyên	Trinh	14/07/2004	Nữ	3.58	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2638
50	22128214	Đoàn Huỳnh Mai	Trinh	21/05/2004	Nữ	2.65	136	Khá	CN.NLU.2026.2639
51	22128218	Nguyễn Trương Thanh	Trúc	23/10/2004	Nữ	2.87	136	Khá	CN.NLU.2026.2640
52	22128229	Lê Thị Kim	Uyên	04/07/2004	Nữ	2.73	136	Khá	CN.NLU.2026.2641
53	22128233	Trần Phương	Uyên	23/03/2004	Nữ	2.75	136	Khá	CN.NLU.2026.2642
54	22128234	Huỳnh Thị Cẩm	Vân	14/11/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2643
55	22128245	Nguyễn Thị Thúy	Vy	23/09/2004	Nữ	3.19	139	Khá	CN.NLU.2026.2644
56	22128241	Đỗ Ngọc Phương	Vy	16/11/2004	Nữ	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.2645
57	22128247	Võ Thị Nhật	Vy	09/06/2004	Nữ	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.2646
58	22128242	Kiều Hoàng Thúy	Vy	10/11/2004	Nữ	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.2647
59	22128249	Nguyễn Như	Ý	10/03/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2648
DH22AVNT									
1	22128258	Đỗ Gia	Hân	27/01/2004	Nữ	3.38	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2649
2	22128263	Lê Nguyễn Nhật	Long	20/10/2003	Nam	3.10	136	Khá	CN.NLU.2026.2650
3	22128264	Huỳnh Đào Uyển	Nhi	16/08/2002	Nữ	3.35	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2651
4	22128267	Đặng Thị Nhung	Nhớ	18/07/2004	Nữ	2.54	136	Khá	CN.NLU.2026.2652
5	22128276	Lê Hồng Vân	Trinh	21/09/2004	Nữ	3.51	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2653
6	22128282	Ngô Thị Như	Xuân	17/09/2002	Nữ	3.16	136	Khá	CN.NLU.2026.2654

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22SP									
1	22132010	Hoàng Thị Kim	Như	02/06/2004	Nữ	3.32	136	Khá	CN.NLU.2026.2655
Phân hiệu Ninh Thuận									
CD23MNNT									
1	23374001	Nguyễn Thị Thùy	Dung	16/01/2005	Nữ	3.31	108	Giỏi	CD.NLU.2026.2718
2	23374002	Lượng Thị Hồng	Được	01/01/2005	Nữ	2.75	108	Khá	CD.NLU.2026.2719
3	23374003	Nguyễn Thùy	Giang	04/11/2005	Nữ	2.78	108	Khá	CD.NLU.2026.2720
4	23374004	Bùi Gia	Hân	05/03/2005	Nữ	2.91	108	Khá	CD.NLU.2026.2721
5	23374005	Nguyễn Thị	Hoa	05/10/2005	Nữ	3.07	108	Khá	CD.NLU.2026.2722
6	23374006	Hoàng Thị Kim	Liên	01/02/2005	Nữ	2.65	108	Khá	CD.NLU.2026.2723
7	23374007	Thành Thị Trung	Nguyên	23/05/2005	Nữ	3.04	108	Khá	CD.NLU.2026.2724
8	23374008	Trượng Hoàng Thảo	Nguyên	05/03/2004	Nữ	2.95	108	Khá	CD.NLU.2026.2725
9	23374009	Ngô Thị Bích	Nhi	08/09/2005	Nữ	2.99	108	Khá	CD.NLU.2026.2726
10	23374010	Dương Thị Lệ	Quyên	07/11/2004	Nữ	2.69	108	Khá	CD.NLU.2026.2727
11	23374011	Cao Thị	Sương	10/05/2005	Nữ	2.82	108	Khá	CD.NLU.2026.2728
12	23374012	Nguyễn Thị Yến	Thanh	19/05/2004	Nữ	3.19	108	Khá	CD.NLU.2026.2729
13	23374013	Phạm Xuân	Thơ	21/09/2003	Nữ	2.63	114	Khá	CD.NLU.2026.2730
14	23374014	Lê Thị	Thương	24/09/2005	Nữ	2.61	108	Khá	CD.NLU.2026.2731
15	23374015	Nguyễn Phương	Thy	09/09/2005	Nữ	3.23	108	Giỏi	CD.NLU.2026.2732
16	23374017	Phạm Ngọc Đoan	Trang	16/10/2005	Nữ	2.76	108	Khá	CD.NLU.2026.2733
17	23374018	Nguyễn Lê	Vân	14/12/2005	Nữ	3.32	108	Giỏi	CD.NLU.2026.2734
18	23374019	Phùng Lương Phương	Viên	26/11/2004	Nữ	2.82	108	Khá	CD.NLU.2026.2735
19	23374021	Lê Thị Kim	Việt	04/08/2003	Nữ	3.39	108	Giỏi	CD.NLU.2026.2736
20	23374020	Hàng Thị Trung	Việt	14/12/2004	Nữ	2.86	108	Khá	CD.NLU.2026.2737
21	23374023	Mấu Thị	Vy	24/11/2005	Nữ	2.89	108	Khá	CD.NLU.2026.2738
22	23374024	Nguyễn Huỳnh Tường	Vy	03/08/2005	Nữ	2.77	108	Khá	CD.NLU.2026.2739
23	23374022	Đàng Lê	Vy	28/11/2004	Nữ	3.05	108	Khá	CD.NLU.2026.2740
24	23374026	Phan Thị Việt	Ý	22/05/2005	Nữ	2.43	108	Trung bình	CD.NLU.2026.2741

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
25	23374025	Nguyễn Lê Như	Ý	08/08/2005	Nữ	2.76	108	Khá	CD.NLU.2026.2742
DH22MNNT									
1	22175002	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	09/07/2004	Nữ	3.11	140	Khá	CN.NLU.2026.2743
2	22175003	Nguyễn Thị Thúy	Huyền	02/11/2004	Nữ	3.36	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2744
3	22175005	Bạch Thị Thu	Ngân	13/06/2004	Nữ	3.30	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2745
4	22175009	Nguyễn Vân Phương	Quỳnh	07/09/2004	Nữ	3.43	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2746
5	22175011	Lê Phạm Hương	Trà	15/10/2004	Nữ	3.31	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2747
6	22175012	Lê Thị Minh	Trang	13/03/2004	Nữ	3.21	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2748
7	22175014	Hồ Thị Ngọc	Vi	29/10/2004	Nữ	3.59	140	Giỏi	CN.NLU.2026.2749
8	22175015	Nguyễn Thị Như	Yên	03/09/2004	Nữ	3.13	140	Khá	CN.NLU.2026.2750
Quản lý đất đai và Bất động sản									
DH20QL									
1	20124279	Hồ Anh	Đạt	10/09/2002	Nam	2.22	159	Trung bình	KS.NLU.2026.2751
2	20124338	Phạm Thị Minh	Huyền	29/03/2002	Nữ	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.2752
3	20124510	Phan Thị Kim	Tình	31/05/2002	Nữ	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.2753
4	20124199	Lê Trọng	Tính	22/09/2002	Nam	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.2754
5	20124177	Nguyễn Khăm	Thành	14/12/2000	Nam	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2755
6	20124481	Bùi Phùng Phúc	Thịnh	01/10/2002	Nam	2.35	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2756
DH20TB									
1	20135077	Phan Ngọc	Minh	07/07/2002	Nam	2.77	137	Khá	CN.NLU.2026.2757
DH21DC									
1	21124296	Trần Nguyễn Nhật	Anh	16/04/2003	Nữ	3.05	159	Khá	KS.NLU.2026.2758
2	21124361	Phạm Thị Siêu	Hồng	28/07/2003	Nữ	3.05	159	Khá	KS.NLU.2026.2759
3	21124379	A - Bec	Kham	15/01/2003	Nam	2.86	159	Khá	KS.NLU.2026.2760
DH21QD									
1	21124301	Phạm Hoàng	Bảo	16/10/2003	Nam	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.2761
2	21124332	Lâm Quỳnh	Giao	15/11/2002	Nữ	2.50	158	Khá	KS.NLU.2026.2762

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21124396	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/04/2003	Nữ	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.2763
4	21124129	Bùi Hải	Nam	24/11/2003	Nam	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.2764
5	21124430	Nguyễn Trọng	Nghĩa	21/01/2003	Nam	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.2765
6	21124531	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	30/03/2003	Nữ	2.82	158	Khá	KS.NLU.2026.2766
7	21124547	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	04/01/2003	Nữ	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.2767
DH21QL									
1	21124004	Đoàn Thị Mai	Anh	15/07/2003	Nữ	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.2768
2	21124025	Phan Trần Hải	Đăng	20/08/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2769
3	21124319	Trần Phương	Đông	09/01/2003	Nam	2.46	159	Trung bình	KS.NLU.2026.2770
4	21124335	Lê Thị Thu	Hà	29/06/2003	Nữ	2.50	158	Khá	KS.NLU.2026.2771
5	21124339	Nguyễn Huỳnh	Hải	30/11/2003	Nam	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.2772
6	21124065	Lưu Phúc	Hậu	10/07/2003	Nữ	3.23	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2773
7	21124372	Trần Quang	Huy	30/04/2003	Nam	2.68	160	Khá	KS.NLU.2026.2774
8	21124376	Nguyễn Thị Hải	Huyền	30/07/2003	Nữ	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.2775
9	21124103	Ngô Thái Hoàng	Kiệt	19/09/2003	Nam	2.38	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2776
10	21124095	Trần Nhã Vân	Khanh	29/10/2003	Nữ	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.2777
11	21124398	Lê Thị Bích	Loan	30/01/2003	Nữ	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.2778
12	21124453	Bùi Trọng	Phải	26/07/2003	Nam	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.2779
13	21124489	Đỗ Thụy Thu	Thảo	26/02/2003	Nữ	2.73	159	Khá	KS.NLU.2026.2780
14	21124526	Đỗ Thị Thùy	Trang	07/03/2003	Nữ	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.2781
15	21124553	Nguyễn Thảo Trường	Vy	19/02/2003	Nữ	2.62	159	Khá	KS.NLU.2026.2782
DH21QLNT									
1	21124579	Nguyễn Trần Bảo	Vinh	16/07/2003	Nam	2.44	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2783
DH21TB									
1	21135240	Trần Hoài Phương	An	10/10/2003	Nữ	2.49	137	Trung bình	CN.NLU.2026.2784
2	21135244	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	07/08/2003	Nữ	3.31	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2785
3	21135260	Lê Đình	Dũng	28/07/2003	Nam	2.61	137	Khá	CN.NLU.2026.2786
4	21135027	Đỗ Thùy	Dương	03/12/2003	Nữ	3.08	137	Khá	CN.NLU.2026.2787

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	21135254	Nguyễn Trần Hiếu	Đam	18/09/2003	Nữ	2.76	137	Khá	CN.NLU.2026.2788
6	21135023	Nguyễn Thành	Đạt	03/02/2003	Nam	2.65	137	Khá	CN.NLU.2026.2789
7	21135037	Phạm Thị Kim	Giang	01/07/2003	Nữ	2.96	137	Khá	CN.NLU.2026.2790
8	21135286	Lương Đăng	Khoa	20/09/2003	Nam	3.26	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2791
9	21135295	Lê Đặng Thị Huệ	Linh	24/03/2003	Nữ	3.24	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2792
10	21135313	Nguyễn Nhật Thanh	Ngân	15/06/2003	Nữ	2.89	136	Khá	CN.NLU.2026.2793
11	21135112	Nguyễn Quốc	Nhật	30/11/2003	Nam	2.75	137	Khá	CN.NLU.2026.2794
12	21135328	Đoàn Phạm Quỳnh	Như	30/04/2003	Nữ	2.51	136	Khá	CN.NLU.2026.2795
13	21135354	Trần Thị Thu	Thanh	24/02/2003	Nữ	2.75	136	Khá	CN.NLU.2026.2796
14	21135353	Lê Quang	Thanh	01/10/2003	Nam	2.83	136	Khá	CN.NLU.2026.2797
15	21135186	Trần Ngọc Minh	Thy	08/01/2003	Nữ	2.46	137	Trung bình	CN.NLU.2026.2798
16	20135040	Lưu Yến	Vy	03/01/2002	Nữ	3.24	137	Khá	CN.NLU.2026.2799
DH22DC									
1	22124014	Lê Quốc	Bảo	07/12/2004	Nam	3.02	159	Khá	KS.NLU.2026.2800
2	22124017	Phạm Lê Thanh	Bình	16/09/2004	Nam	2.95	159	Khá	KS.NLU.2026.2801
3	22124035	Mai Quang	Dũng	20/05/2004	Nam	2.84	159	Khá	KS.NLU.2026.2802
4	22124037	Lê Hoàng	Duy	07/09/2004	Nam	3.20	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2803
5	22124022	Huỳnh Thị Hồng	Đào	06/10/2004	Nữ	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.2804
6	22124081	Phan Quốc	Huy	28/05/2004	Nam	2.91	159	Khá	KS.NLU.2026.2805
7	22124072	Nguyễn Lê Tiến	Hưng	19/08/2004	Nam	3.04	159	Khá	KS.NLU.2026.2806
8	22124135	Lê Hữu	Nghĩa	26/08/2004	Nam	3.06	160	Khá	KS.NLU.2026.2807
9	22124199	Lê Nguyễn Minh	Thiện	21/09/2004	Nam	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.2808
10	22124200	Võ Phát	Thịnh	23/04/2004	Nam	3.03	159	Khá	KS.NLU.2026.2809
DH22QD									
1	22124019	Mai Lan	Chi	30/09/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2810
2	22124031	Phan Thị Thùy	Đoan	15/08/2004	Nữ	3.29	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2811
3	22124053	Nguyễn Ngọc	Hải	22/05/2004	Nam	3.51	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2812
4	22124054	Trần Ngọc	Hân	15/07/2004	Nữ	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.2813

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
5	22124064	Diệp Ngọc	Hiếu	12/10/2004	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2814
6	22124074	Nguyễn Thị Thanh	Hương	14/07/2004	Nữ	3.33	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2815
7	22124148	Phan Thành	Nhân	14/02/2004	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.2816
8	22124173	Trần Thị Kim	Phương	09/04/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2817
9	22124176	Lưu Nhật	Qui	16/04/2004	Nam	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2818
10	22124214	Tạ Hoàng	Tiến	14/09/2004	Nam	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2819
11	22124193	Nguyễn Trung	Thành	02/11/2004	Nam	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.2820
DH22QL									
1	22124001	Nguyễn Hoài	An	23/03/2004	Nam	3.46	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2821
2	22124003	Nông Thị Thúy	An	18/09/2004	Nữ	2.81	159	Khá	KS.NLU.2026.2822
3	22124004	Trần Phước	An	04/03/2004	Nam	3.15	159	Khá	KS.NLU.2026.2823
4	22124011	Phùng Xuân	Anh	14/05/2004	Nam	2.68	159	Khá	KS.NLU.2026.2824
5	22124005	Phạm Hồng	Ân	26/05/2004	Nam	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.2825
6	22124015	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	29/10/2004	Nam	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.2826
7	22124029	Nguyễn Anh	Diệp	18/09/2004	Nữ	2.99	159	Khá	KS.NLU.2026.2827
8	22124030	Phạm Thị Thanh	Diệu	22/02/2004	Nữ	3.13	159	Khá	KS.NLU.2026.2828
9	22124045	Phạm Thị Mỹ	Duyên	05/09/2004	Nữ	3.32	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2829
10	22124023	Bùi Tấn	Đạt	18/10/2004	Nam	3.34	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2830
11	22124034	Nguyễn Minh	Đức	07/03/2004	Nam	3.05	159	Khá	KS.NLU.2026.2831
12	22124051	Trần Ngọc	Hà	26/09/2004	Nữ	3.24	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2832
13	22124057	Trần Thị Thanh	Hằng	07/05/2004	Nữ	3.34	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2833
14	22124056	Nguyễn Kim	Hằng	03/07/2004	Nữ	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.2834
15	22124059	Nguyễn Ngô Hồng	Hậu	18/11/2004	Nữ	3.07	158	Khá	KS.NLU.2026.2835
16	22124068	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	15/10/2004	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.2836
17	22124069	Huỳnh Tấn	Hoàng	19/12/2004	Nam	3.12	159	Khá	KS.NLU.2026.2837
18	22124070	Phạm Thị Mỹ	Huệ	18/06/2004	Nữ	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.2838
19	22124082	Lê Thị Kim	Huyền	01/05/2004	Nữ	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.2839
20	22124083	Đỗ Thị Như	Huỳnh	29/08/2004	Nữ	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.2840

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
21	22124084	Lâm Thị Ngọc	Huỳnh	11/10/2004	Nữ	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.2841
22	22124073	Dư Quế	Hương	17/09/2004	Nữ	3.23	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2842
23	22124097	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	29/09/2004	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.2843
24	22124093	Huỳnh Duy	Khương	10/02/2004	Nam	2.97	159	Khá	KS.NLU.2026.2844
25	22124100	Nguyễn Thị Bạch	Lan	29/03/2004	Nữ	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.2845
26	22124106	Phan Thị	Linh	05/04/2004	Nữ	3.05	158	Khá	KS.NLU.2026.2846
27	22124107	Nguyễn Hồng	Lĩnh	20/12/2004	Nữ	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.2847
28	22124118	Trần Gia	Mẫn	19/05/2004	Nữ	3.67	159	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2848
29	22124122	Nguyễn Hoàng	Nam	08/03/2004	Nam	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.2849
30	22124127	Lê Thị Bích	Nga	03/01/2004	Nữ	2.83	159	Khá	KS.NLU.2026.2850
31	22124129	Lê Thị Kim	Ngân	07/11/2004	Nữ	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2851
32	22124141	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05/06/2004	Nữ	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.2852
33	22135080	Trần Nguyễn Trọng	Nguyên	03/01/2004	Nam	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.2853
34	22124145	Đào Thúy	Nguyên	15/12/2004	Nữ	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.2854
35	22124150	Phan Anh	Nhật	07/05/2004	Nam	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2855
36	22124152	Nguyễn Thị Oanh	Nhi	07/07/2004	Nữ	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.2856
37	22124151	Lê Hạnh	Nhi	26/09/2004	Nữ	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.2857
38	22124156	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	10/12/2004	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.2858
39	22124153	Châu Ngọc Huỳnh	Như	08/06/2004	Nữ	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.2859
40	22124160	Lê Đại	Phát	25/05/2004	Nam	3.12	158	Khá	KS.NLU.2026.2860
41	22124164	Võ Phi	Phú	11/04/2004	Nam	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.2861
42	22124166	Phạm Hoàng	Phúc	19/04/2004	Nam	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.2862
43	22124167	Trần Hoàng	Phúc	15/03/2003	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.2863
44	22124174	Nguyễn Văn	Quân	15/02/2004	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.2864
45	22124178	Nguyễn Thúy Nhật	Quyên	17/07/2004	Nữ	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2865
46	22124177	Lê Thị Trúc	Quyên	01/10/2004	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.2866
47	22124180	Nguyễn Đặng Mai	Quỳnh	24/09/2004	Nữ	3.56	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2867
48	22124181	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	28/08/2004	Nữ	3.02	158	Khá	KS.NLU.2026.2868

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
49	22124188	Huỳnh Hữu	Tấn	16/06/2004	Nam	3.39	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2869
50	22124210	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	26/06/2004	Nữ	3.25	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2870
51	22124211	Vũ Thị Cẩm	Tiên	02/03/2004	Nữ	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.2871
52	22124244	Huỳnh Thị Mộng	Tuyền	11/03/2004	Nữ	3.48	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2872
53	22124196	Đặng Thị Thu	Thảo	14/12/2004	Nữ	2.98	159	Khá	KS.NLU.2026.2873
54	22124197	Đào Thị Vân	Thảo	27/11/2004	Nữ	3.15	159	Khá	KS.NLU.2026.2874
55	22124189	Mai Lâm Trúc	Thẩm	26/05/2004	Nữ	3.27	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2875
56	22124198	Nguyễn Thị Hạnh	Thi	18/04/2004	Nữ	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.2876
57	22124206	Đoàn Minh	Thuận	16/03/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.2877
58	22124207	Bạch Ngọc	Thùy	31/08/2004	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.2878
59	22124208	Nguyễn Thị Phương	Thùy	17/03/2004	Nữ	3.03	158	Khá	KS.NLU.2026.2879
60	22124203	Trần Minh	Thư	06/02/2004	Nữ	3.43	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2880
61	22124204	Trần Thị Minh	Thư	31/05/2004	Nữ	3.19	158	Khá	KS.NLU.2026.2881
62	22124205	Võ Ngọc Anh	Thư	25/12/2004	Nữ	2.99	159	Khá	KS.NLU.2026.2882
63	22124226	Hoàng Vĩnh Hà	Trang	14/01/2004	Nữ	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.2883
64	22124227	Phạm Thị Huyền	Trang	04/07/2004	Nữ	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.2884
65	22135124	Lê Thị Huyền	Trâm	14/02/2004	Nữ	3.12	159	Khá	KS.NLU.2026.2885
66	22124220	Lê Thị	Trâm	27/05/2004	Nữ	3.12	159	Khá	KS.NLU.2026.2886
67	22124223	Cao Thị Huyền	Trân	22/10/2004	Nữ	2.76	158	Khá	KS.NLU.2026.2887
68	22124230	Lê Thị Anh	Trí	25/06/2004	Nữ	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2888
69	22124232	Châu Minh	Triết	10/12/2004	Nam	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.2889
70	22124233	Đỗ Thị Thanh	Trúc	27/01/2004	Nữ	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.2890
71	22124235	Nguyễn Huỳnh Quốc	Trung	06/04/2004	Nam	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.2891
72	22124236	Nguyễn Thế	Trung	13/05/2004	Nam	2.95	158	Khá	KS.NLU.2026.2892
73	22124237	Lý Nguyễn Minh	Trường	15/08/2004	Nam	3.52	159	Giỏi	KS.NLU.2026.2893
74	22124246	Lưu Trần Hoàng	Uyên	27/10/2004	Nữ	2.88	159	Khá	KS.NLU.2026.2894
75	22124249	Trương Quốc	Việt	01/09/2004	Nam	2.88	159	Khá	KS.NLU.2026.2895
76	22124251	Nguyễn Hoàng	Vũ	22/06/2004	Nam	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2896

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
77	22124255	Nguyễn Phạm Trúc	Vy	21/11/2004	Nữ	3.37	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2897
DH22TB									
1	22135001	Lưu Thị Nguyễn	Ái	12/02/2004	Nữ	3.03	136	Khá	CN.NLU.2026.2898
2	22135016	Trương Thành	Công	06/08/2004	Nam	3.32	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2899
3	22135038	Phạm Thu	Hiền	25/03/2004	Nữ	3.38	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2900
4	22135041	Nguyễn Thị Thu	Hồng	20/10/2004	Nữ	3.00	137	Khá	CN.NLU.2026.2901
5	22135045	Trần Thị Diễm	Hương	20/12/2004	Nữ	3.62	137	Xuất sắc	CN.NLU.2026.2902
6	22135055	Dương Thị Hồng	Lan	28/04/2004	Nữ	2.98	136	Khá	CN.NLU.2026.2903
7	22135057	Phan Ngọc Phương	Linh	30/11/2004	Nữ	2.85	138	Khá	CN.NLU.2026.2904
8	22135058	Đặng Phước	Lộc	25/11/2004	Nam	3.30	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2905
9	22135059	Trịnh Thị Diễm	Lụa	25/07/2004	Nữ	3.18	138	Khá	CN.NLU.2026.2906
10	22135060	Nguyễn Thái	Luân	18/02/2004	Nam	2.98	138	Khá	CN.NLU.2026.2907
11	22135065	Lê Thị Diễm	My	01/01/2004	Nữ	3.16	137	Khá	CN.NLU.2026.2908
12	22135069	Dương Thị Kim	Ngân	16/02/2004	Nữ	3.20	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2909
13	22135070	Lê Thị Kim	Ngân	21/05/2004	Nữ	3.32	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2910
14	22135073	Bùi Trung	Nghĩa	05/10/2004	Nam	3.41	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2911
15	22135078	Lâm Ngọc	Nguyên	04/02/2004	Nữ	2.86	137	Khá	CN.NLU.2026.2912
16	22135079	Phạm Hồ Ngọc	Nguyên	17/08/2004	Nữ	3.00	137	Khá	CN.NLU.2026.2913
17	22135090	Trần Thanh	Nhựt	27/05/2004	Nam	3.23	138	Giỏi	CN.NLU.2026.2914
18	22135091	Nguyễn Thị Kim	Oanh	17/05/2004	Nữ	3.02	137	Khá	CN.NLU.2026.2915
19	22135092	Châu Đại	Phú	25/07/2004	Nam	3.20	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2916
20	22135102	Nguyễn Thị Phương	Sang	02/12/2004	Nữ	3.30	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2917
21	22135121	Đặng Thị Mỹ	Tia	02/04/2004	Nữ	2.82	137	Khá	CN.NLU.2026.2918
22	22135122	Phạm Hồng Thủy	Tiên	10/06/2004	Nữ	3.31	136	Giỏi	CN.NLU.2026.2919
23	22135135	Đặng Thanh	Tùng	10/03/2004	Nam	2.78	137	Khá	CN.NLU.2026.2920
24	22135107	Nguyễn Minh	Thành	18/05/2004	Nam	2.92	137	Khá	CN.NLU.2026.2921
25	22135112	Phan Ngọc	Thi	09/12/2004	Nữ	2.76	137	Khá	CN.NLU.2026.2922
26	22135131	Phạm Mạnh	Trung	03/09/2004	Nam	3.15	137	Khá	CN.NLU.2026.2923

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
27	22135132	Đặng Nhật	Trường	24/06/2004	Nam	3.51	137	Giỏi	CN.NLU.2026.2924
28	22135140	Lê Ngọc Khánh	Vy	08/04/2004	Nữ	3.08	137	Khá	CN.NLU.2026.2925
Khoa học sinh học									
DH19SHD									
1	19126300	Lê Quốc	Bảo	24/10/2001	Nam	2.71	136	Khá	KS.NLU.2026.2926
DH20SHA									
1	20126230	Cao Thị Thanh	Giang	01/11/2002	Nữ	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.2927
2	20126384	Huỳnh Phước	Toàn	06/11/2002	Nam	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.2928
3	20126407	Ngô Thúy	Uyên	25/08/2002	Nữ	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.2929
DH20SHB									
1	20126282	Võ Ngọc Hoàng	Lan	16/08/2002	Nữ	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.2930
2	20126314	Võ Thị Sông	Ngân	21/04/2002	Nữ	2.63	158	Khá	KS.NLU.2026.2931
3	19126229	Nguyễn Lê Quốc	Việt	13/09/2001	Nam	3.23	136	Giỏi	KS.NLU.2026.2932
DH20SHC									
1	20126163	Lương Ngọc Yến	Nhi	28/04/2002	Nữ	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.2933
DH20SM									
1	20126275	Ngô Thị Thiên	Kiều	26/08/2002	Nữ	3.19	158	Khá	KS.NLU.2026.2934
DH21SHA									
1	21126266	Lê Ngọc Tường	An	01/04/2003	Nữ	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.2935
2	21126270	Phạm Nguyễn Vĩ	Ân	11/08/2003	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.2936
3	21126282	Phan Thanh	Bạch	10/04/2003	Nam	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2937
4	21126311	Lê Bùi Thùy	Dương	30/01/2003	Nữ	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.2938
5	21126299	Đỗ Tiến	Đạt	19/01/2003	Nam	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.2939
6	21126343	Nguyễn Thanh	Hiệp	09/11/2002	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.2940
7	21126383	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22/11/2003	Nữ	3.62	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2941
8	21126388	Đinh Quyền	Linh	30/09/2003	Nam	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.2942
9	21126478	Diệp Hoàng	Quân	28/04/2001	Nam	3.63	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.2943

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
10	21126565	Hồ Công	Tùng	17/01/2003	Nam	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.2944
11	21126501	Trương Thị Minh	Thạnh	12/12/2003	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2945
12	21126505	Ngô Thanh	Thảo	28/03/2003	Nữ	3.07	158	Khá	KS.NLU.2026.2946
13	21126583	Nguyễn Lê Thanh	Vy	04/04/2003	Nữ	3.25	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2947
14	21126245	Nguyễn Phan Bảo	Vy	07/01/2003	Nữ	2.95	158	Khá	KS.NLU.2026.2948
15	21126587	Phạm Lê Tường	Vy	12/11/2003	Nữ	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.2949
DH21SHB									
1	21126054	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	12/05/2003	Nữ	3.07	158	Khá	KS.NLU.2026.2950
2	21126325	Lý Gia	Hân	30/09/2003	Nữ	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.2951
3	21126373	Trịnh Ngọc	Khánh	10/02/2003	Nam	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2952
4	21126376	Nguyễn Đạt Tiến	Khoa	24/09/2003	Nam	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.2953
5	21126398	Nguyễn Đức	Lợi	02/09/2003	Nam	2.95	158	Khá	KS.NLU.2026.2954
6	21126405	Ngô Hoàng	Mai	11/12/2003	Nữ	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2955
7	21126525	Võ Linh	Thư	01/01/2003	Nữ	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.2956
DH21SHC									
1	21126279	Trần Quế	Anh	12/07/2003	Nữ	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.2957
2	21126269	Nguyễn Thiên	Ân	05/10/2003	Nam	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2958
3	21126268	Cao Nguyễn Bảo	Ân	09/10/2003	Nữ	2.94	158	Khá	KS.NLU.2026.2959
4	21126362	Đinh Thị Mỹ	Huyền	16/01/2003	Nữ	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.2960
5	21126380	Hoàng Tuấn	Kiệt	18/11/2003	Nam	2.30	158	Trung bình	KS.NLU.2026.2961
6	21126371	Hoàng Yến	Khanh	14/11/2003	Nữ	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.2962
7	21126448	Phạm Thảo	Nhiên	17/09/2003	Nữ	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.2963
8	21126455	Đỗ Thị Cẩm	Nhung	17/05/2003	Nữ	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.2964
9	21126460	Huỳnh Tấn	Phát	20/09/2003	Nam	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2965
10	21126156	Phan Tấn	Phát	18/10/2003	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.2966
DH21SHD									
1	21126314	Lê Hồng	Duy	04/03/2003	Nam	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.2967
2	21126374	Võ Duy	Khánh	24/04/2003	Nam	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.2968

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
3	21126419	Trần Thị Kim	Ngân	02/11/2003	Nữ	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.2969
4	21126507	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24/03/2003	Nữ	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.2970
5	21126545	Trịnh Thị Huyền	Trâm	04/11/2003	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.2971
6	21126220	Phan Thị Mai	Trúc	05/02/2003	Nữ	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.2972
7	21126254	Lê Ngọc Mai	Xuân	12/04/2003	Nữ	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.2973
DH21SM									
1	21126438	Nguyễn Lâm Thanh	Nhi	30/01/2003	Nữ	3.03	158	Khá	KS.NLU.2026.2974
2	21126472	Trần Thị Hồng	Phúc	13/12/2003	Nữ	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.2975
3	21126192	Vi Thị	Thảo	01/01/2003	Nữ	2.63	158	Khá	KS.NLU.2026.2976
4	21126193	Võ Thị Thu	Thảo	09/06/2003	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.2977
DH22SHA									
1	22126002	Ngô Thị Tường	An	03/11/2004	Nữ	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2978
2	22126010	Hàng Ngọc	Anh	29/05/2004	Nữ	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2979
3	22126015	Trần Thị Ngọc	Ánh	01/03/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2980
4	22126052	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/01/2004	Nữ	3.51	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2981
5	22126049	Hồ Thị Ngọc	Hân	18/07/2004	Nữ	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2982
6	22126069	Hồ Bảo	Khang	07/03/2004	Nam	3.42	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2983
7	22126072	Phùng Gia	Khang	02/06/2004	Nam	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.2984
8	22126073	Lê Đặng Bích	Khương	06/09/2004	Nữ	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2985
9	22126080	Nguyễn Chí	Linh	23/08/2004	Nam	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2986
10	22126084	Vũ Thị Thùy	Linh	09/11/2004	Nữ	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.2987
11	22126096	Phan Kim	Lý	22/08/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2988
12	22126102	Nguyễn Hiếu	My	23/03/2004	Nữ	3.45	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2989
13	22126106	Lâm Bảo	Ngân	29/10/2004	Nữ	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2990
14	22126109	Nguyễn Lê Kim	Ngân	23/04/2004	Nữ	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.2991
15	22126132	Trương Thanh Phương	Nhung	02/03/2004	Nữ	3.59	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2992
16	22126133	Võ Hoàng	Nhựt	08/01/2004	Nam	3.37	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2993
17	22126140	Trần Thế	Phú	11/06/2004	Nam	2.89	158	Khá	KS.NLU.2026.2994

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
18	22126145	Huỳnh Hoàng	Phương	08/10/2003	Nam	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2995
19	22126183	Trịnh Thanh	Tình	29/10/2004	Nam	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.2996
20	22126201	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	10/07/2004	Nữ	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2997
21	22126206	Trần Nguyễn Thanh	Tuyền	03/09/2004	Nữ	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2998
22	22126175	Phan Đức	Thuấn	31/10/2004	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.2999
23	22126191	Ngô Nguyễn Phúc	Trí	15/03/2004	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.3000
24	22126193	Nguyễn Minh	Trí	03/05/2004	Nam	2.94	158	Khá	KS.NLU.2026.3001
25	22126196	Lê Ngọc	Trúc	01/12/2004	Nữ	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3002
26	22126197	Nguyễn Huỳnh Minh	Trúc	13/02/2004	Nữ	3.48	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3003
27	22126220	Phạm Thị Tường	Vy	08/03/2004	Nữ	3.62	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3004
28	22126222	Trương Tiểu	Vy	04/02/2004	Nữ	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3005
29	22126226	Văn Hoa	Xuân	07/05/2004	Nữ	3.51	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3006
DH22SHB									
1	22126011	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	08/09/2004	Nữ	3.70	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3007
2	22126020	Lê Ngọc Minh	Châu	16/02/2004	Nữ	3.45	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3008
3	22126021	Phan Thị Lan	Chi	05/01/2004	Nữ	3.36	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3009
4	22126043	Ngô Thị Thảo	Duyên	24/02/2004	Nữ	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.3010
5	22126054	Nguyễn Thúy	Hiền	31/07/2004	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3011
6	22126059	Lê Trọng	Hiếu	02/03/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.3012
7	22126083	Nguyễn Thị Phương	Linh	20/11/2004	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3013
8	22126089	Bùi Nguyễn Phú	Lợi	16/08/2004	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.3014
9	22126103	Trương Phạm Hải	My	29/08/2004	Nữ	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3015
10	22126101	Huỳnh Thị Diễm	My	09/12/2004	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3016
11	22126115	Bùi Xuân	Nghĩa	23/07/2004	Nữ	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3017
12	22126121	Hà Thị	Nhàn	08/04/2004	Nữ	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3018
13	22126126	Nguyễn Trần Uyển	Nhi	23/07/2004	Nữ	3.32	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3019
14	22126131	Nguyễn Minh Tuyết	Nhung	26/06/2004	Nữ	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.3020
15	22126141	Lương Trọng	Phúc	31/12/2004	Nam	2.81	158	Khá	KS.NLU.2026.3021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
16	22126149	Phạm Thị Tường	Quy	23/03/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3022
17	22126160	Đỗ Thị Trúc	Thanh	18/12/2004	Nữ	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3023
18	22126158	Văn Thị Mỹ	Thấm	26/04/2004	Nữ	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.3024
19	22126186	Huỳnh Ngọc	Trân	22/11/2004	Nữ	3.17	158	Khá	KS.NLU.2026.3025
20	22126211	Phan Đức	Việt	18/04/2004	Nam	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.3026
21	22126215	Lý Ngọc Yến	Vy	20/11/2004	Nữ	3.57	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3027
22	22126224	Nguyễn Thị Kim	Xuân	14/09/2004	Nữ	3.27	158	Khá	KS.NLU.2026.3028
23	22126227	Trần Thị Như	Ý	14/01/2004	Nữ	3.24	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3029
DH22SHC									
1	22126042	Trần Quốc Nguyễn	Duy	18/05/2004	Nam	3.25	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3030
2	22126077	Phan Hoàng	Kim	23/06/2004	Nữ	3.15	158	Khá	KS.NLU.2026.3031
3	22126067	Đỗ Minh	Khải	03/05/2004	Nam	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3032
DH22SM									
1	22126097	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Mai	03/07/2004	Nữ	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3033
2	22126151	Phạm Thị Thục	Quyên	12/02/2004	Nữ	2.95	158	Khá	KS.NLU.2026.3034
3	22126204	Lâm Quốc	Tuấn	14/01/2004	Nam	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3035
Công nghệ thông tin									
DH18DTA									
1	18130181	Lê Đình	Phùng	25/08/2000	Nam	2.45	137	Trung bình	KS.NLU.2026.3361
DH18DTB									
1	18130053	Bùi Đoàn Anh	Duy	06/09/2000	Nam	2.00	137	Trung bình	KS.NLU.2026.3362
2	18130101	Nguyễn Đình	Khải	11/07/2000	Nam	2.02	136	Trung bình	KS.NLU.2026.3363
DH19DTA									
1	19130099	Lê Trung	Khánh	28/08/2001	Nam	2.17	136	Trung bình	KS.NLU.2026.3364
DH19DTC									
1	19130113	Trương Huỳnh Anh	Kiệt	17/11/2001	Nam	2.46	136	Trung bình	KS.NLU.2026.3365

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20DTA									
1	20130436	Nguyễn Hoài	Tín	02/02/2002	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.3366
2	20130443	Nguyễn	Tới	01/09/2002	Nam	2.00	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3367
DH20DTB									
1	20130254	Nguyễn Hà Phước	Hậu	04/10/2002	Nam	2.65	159	Khá	KS.NLU.2026.3368
2	20130070	Trần Duy	Luận	10/11/2002	Nam	2.02	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3369
DH20DTC									
1	20130262	Nguyễn Trung	Hiếu	22/10/2002	Nam	2.44	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3370
2	20130344	Đinh Thành	Nhân	23/10/2002	Nam	2.08	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3371
DH21DTA									
1	21130281	Hồng Hoài	Bảo	03/12/2003	Nam	2.33	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3372
2	21130092	Trần Đinh Tuyết	Linh	24/04/2003	Nữ	2.58	158	Khá	KS.NLU.2026.3373
3	21129858	Lê Tuấn	Phát	24/01/2003	Nam	3.66	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3374
4	21130211	Bùi Thị Thùy	Trang	25/11/2003	Nữ	2.58	159	Khá	KS.NLU.2026.3375
5	21130219	Hoàng Thị Việt	Trinh	14/03/2003	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.3376
6	21130220	Đặng Hữu	Trọng	10/02/2003	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.3377
7	21130644	Nguyễn Huy	Vũ	10/01/2003	Nam	2.84	159	Khá	KS.NLU.2026.3378
DH21DTB									
1	21130335	Lê Thị Hạnh	Duyên	03/11/2003	Nữ	2.56	160	Khá	KS.NLU.2026.3379
2	21130329	Nguyễn Quý	Dương	08/02/2003	Nam	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3380
3	21130377	Nguyễn Cường	Huy	13/12/2003	Nam	2.36	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3381
4	21130397	Nguyễn Quốc	Khánh	16/04/2003	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.3382
5	21130402	Nguyễn Đăng	Khoa	03/08/2003	Nam	2.02	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3383
DH21DTC									
1	21130417	Huỳnh Hồ	Lâm	29/04/2003	Nam	2.21	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3384
2	21130428	Nguyễn Hoàng	Lĩnh	30/01/2003	Nam	2.33	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3385
3	21130438	Tô Văn	Luân	12/09/2003	Nam	2.32	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3386

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	21130449	Nguyễn Khải	Nam	12/10/2003	Nam	3.50	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3387
5	21130465	Phan Ái	Nhung	13/03/2003	Nữ	2.31	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3388
6	21130493	Phạm Minh	Quân	12/06/2003	Nam	2.17	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3389
7	21130494	Trần Minh	Quân	21/12/2003	Nam	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.3390
8	21130505	Nguyễn Hoàng	Quý	24/10/2003	Nam	2.23	161	Trung bình	KS.NLU.2026.3391
9	21130512	Nguyễn Văn	Sáng	21/02/2003	Nam	2.33	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3392
DH21DTD									
1	21130524	Võ Tấn	Tài	16/02/2003	Nam	2.56	158	Khá	KS.NLU.2026.3393
2	21130527	Trần Hưng Khánh	Tâm	10/12/2003	Nam	2.35	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3394
3	21130525	Lê Thanh	Tâm	14/04/2003	Nam	2.69	159	Khá	KS.NLU.2026.3395
4	21130530	Phạm Nhựt	Tân	12/06/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.3396
5	21130557	Hồ Hữu	Thức	03/07/2003	Nam	2.17	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3397
6	21130588	Nguyễn Quốc	Trung	16/12/2003	Nam	2.51	159	Khá	KS.NLU.2026.3398
7	21130615	Trần Quang	Vũ	08/01/2003	Nam	2.49	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3399
DH22DTA									
1	22130004	Võ Trần Phước	Ân	09/01/2004	Nam	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3400
2	22130031	Hà Mạnh	Cường	18/09/2004	Nam	2.50	160	Khá	KS.NLU.2026.3401
3	22130038	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	31/07/2004	Nữ	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3402
4	22130082	Thượng Đình	Hiệu	04/06/2004	Nam	3.31	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3403
5	22130088	Phan Văn	Hoàng	04/05/2004	Nam	3.15	158	Khá	KS.NLU.2026.3404
6	22130094	Trần Quốc	Hưng	04/04/2004	Nam	3.28	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3405
7	22130136	Nguyễn Tuấn	Kiệt	22/11/2004	Nam	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.3406
8	22130118	Huỳnh Đăng	Khanh	22/09/2004	Nam	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3407
9	22130124	Trương Quý	Khoa	01/04/2004	Nam	3.42	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3408
10	22130127	Nguyễn Anh	Khôi	27/10/2004	Nam	2.54	160	Khá	KS.NLU.2026.3409
11	22130140	Nguyễn Thị	Lang	06/08/2004	Nữ	3.66	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3410
12	22130148	Nguyễn Bích	Loan	20/05/2004	Nữ	3.50	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3411
13	22130157	Hoàng Quốc	Luật	28/09/2004	Nam	3.12	160	Khá	KS.NLU.2026.3412

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
14	22130175	Phạm Quốc Phương	Nam	02/10/2004	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.3413
15	22130181	Trần Thị Thanh	Ngân	22/02/2004	Nữ	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.3414
16	22130187	Phạm Bích	Ngọc	15/05/2004	Nữ	2.64	158	Khá	KS.NLU.2026.3415
17	22130193	Nguyễn Trọng	Nhân	06/01/2004	Nam	2.93	160	Khá	KS.NLU.2026.3416
18	22130206	Phan Văn	Phát	12/09/2004	Nam	3.18	160	Khá	KS.NLU.2026.3417
19	22130210	Đào Nguyễn Duy	Phong	27/03/2004	Nam	2.08	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3418
20	22130222	Võ Hoàng	Phúc	19/09/2004	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3419
21	22130238	Đỗ Văn Minh	Tài	05/10/2004	Nam	2.72	158	Khá	KS.NLU.2026.3420
22	21130569	Nguyễn Thái	Toàn	30/04/2003	Nam	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.3421
23	22130257	Võ Tấn	Thành	10/01/2004	Nam	3.28	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3422
24	22130251	Huỳnh Minh	Thắng	24/07/2004	Nam	3.12	158	Khá	KS.NLU.2026.3423
25	22130261	Nguyễn	Thiện	10/09/2004	Nam	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3424
26	22130270	Nguyễn Ngọc	Thịnh	23/02/2004	Nam	3.17	158	Khá	KS.NLU.2026.3425
27	22130273	Nguyễn Quang	Thoại	24/08/2004	Nam	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.3426
28	22130283	Nguyễn Thanh	Thủy	17/06/2004	Nữ	3.50	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3427
29	22130276	Trần Minh	Thư	31/10/2004	Nữ	3.76	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3428
30	22130297	Trương Ngọc	Trí	23/02/2004	Nam	3.36	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3429
31	22130303	Nguyễn Minh	Trung	02/01/2004	Nam	3.34	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3430
32	22130321	Nguyễn Văn	Vàng	25/12/2004	Nam	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3431
33	22130333	Hoàng Thị Anh	Xuân	01/04/2004	Nữ	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.3432
DH22DTB									
1	22130029	Từ Quang	Chương	04/04/2004	Nam	2.83	158	Khá	KS.NLU.2026.3433
2	22130039	Võ Nguyễn Thanh	Diệu	31/12/2004	Nữ	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.3434
3	22130062	Phùng Khánh	Duy	27/07/2004	Nam	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3435
4	22130043	Võ Xuân	Đông	14/05/2004	Nam	3.68	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3436
5	22130049	Lê Trí	Đức	11/06/2004	Nam	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.3437
6	22130068	Lê Phước	Hải	11/12/2004	Nam	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.3438
7	22130077	Đỗ Khắc	Hảo	17/08/2004	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.3439

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	22130080	Huỳnh Minh	Hiển	22/09/2004	Nam	3.42	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3440
9	22130086	Lê Đức	Hoàng	02/01/2004	Nam	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.3441
10	22130089	Liêu Văn	Học	12/09/2004	Nam	2.55	160	Khá	KS.NLU.2026.3442
11	22130095	Trần Thị Yến	Hương	25/02/2004	Nữ	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.3443
12	22130137	Lê Thị Thúy	Kiều	13/01/2004	Nữ	3.52	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3444
13	22130110	Phan Huỳnh Vỹ	Khan	29/06/2004	Nam	2.52	158	Khá	KS.NLU.2026.3445
14	22130128	Nguyễn Hoài	Khương	04/12/2004	Nam	3.23	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3446
15	22130141	Trần Đình	Lành	30/11/2004	Nam	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3447
16	22130158	Đặng Trần Tấn	Lực	28/07/2004	Nam	2.77	158	Khá	KS.NLU.2026.3448
17	22130173	Nguyễn Hoàng	Nam	23/03/2004	Nam	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.3449
18	22130188	Đặng Anh	Nguyên	13/05/2004	Nam	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3450
19	22130191	Danh Phương	Nhã	30/10/2004	Nam	2.74	158	Khá	KS.NLU.2026.3451
20	22130207	Phan Văn	Phát	15/02/2004	Nam	2.16	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3452
21	22130217	Lâm Hồng	Phúc	24/04/2004	Nam	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3453
22	22130220	Tạ Hoàng	Phúc	19/01/2004	Nam	2.87	158	Khá	KS.NLU.2026.3454
23	22130242	Phạm Thành	Tài	03/08/2004	Nam	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3455
24	22130245	Nguyễn Đào Khánh	Tâm	28/11/2004	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.3456
25	22130248	Nguyễn Quốc	Tấn	22/02/2004	Nam	3.02	158	Khá	KS.NLU.2026.3457
26	22130259	Nguyễn Phúc	Thạnh	02/11/2004	Nam	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.3458
27	22130262	Phạm Ngọc	Thiện	13/09/2004	Nữ	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3459
28	22130271	Nguyễn Phước	Thịnh	13/07/2004	Nam	2.70	158	Khá	KS.NLU.2026.3460
29	22130274	Nguyễn Tấn	Thông	01/01/2004	Nam	3.59	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3461
30	22130277	Đỗ Khánh	Thuận	27/06/2004	Nam	3.19	160	Khá	KS.NLU.2026.3462
31	22130281	Nguyễn Thanh	Thương	23/05/2004	Nam	3.50	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3463
32	22130304	Tống Xuân	Trung	19/02/2004	Nam	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3464
33	22130322	Phạm Nguyễn Ngọc	Vàng	10/04/2004	Nữ	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3465
34	22130325	Đào Công	Vinh	28/11/2004	Nam	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.3466

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
ĐH22DTC									
1	22130024	Nguyễn Vũ	Bảo	16/01/2004	Nam	2.36	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3467
2	22130027	Trần Thanh	Bình	04/02/2004	Nam	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.3468
3	22130030	Lê Minh	Công	25/09/2004	Nam	2.82	158	Khá	KS.NLU.2026.3469
4	22130054	Lý Tuấn	Dũng	07/12/2004	Nam	2.62	158	Khá	KS.NLU.2026.3470
5	22130057	Lâm Bảo	Duy	18/07/2004	Nam	3.05	160	Khá	KS.NLU.2026.3471
6	22130066	Đào Đức	Hải	31/12/2004	Nam	2.41	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3472
7	22130078	Nguyễn Văn	Hảo	18/08/2004	Nam	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.3473
8	22130099	Lê Anh	Huy	18/01/2004	Nam	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.3474
9	22130093	Lê Đình	Hưng	14/01/2004	Nam	2.74	158	Khá	KS.NLU.2026.3475
10	22130132	Bùi Quang Tấn	Kiệt	17/02/2004	Nam	3.56	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3476
11	22130120	Phạm Quốc	Khánh	08/12/2004	Nam	3.32	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3477
12	22130108	Ngô Trường	Khắc	08/02/2002	Nam	2.99	158	Khá	KS.NLU.2026.3478
13	22130147	Võ Ngọc	Linh	28/08/2004	Nữ	2.74	160	Khá	KS.NLU.2026.3479
14	22130150	Võ Phước	Lộc	10/07/2004	Nam	2.67	158	Khá	KS.NLU.2026.3480
15	22130156	Lê Văn	Luận	09/02/2004	Nam	3.29	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3481
16	22130162	Từ Gia	Mẫn	05/12/2004	Nữ	3.18	160	Khá	KS.NLU.2026.3482
17	22130180	Trần Nguyễn Thu	Ngân	05/08/2004	Nữ	3.14	158	Khá	KS.NLU.2026.3483
18	22130186	Lê Trọng	Nghĩa	24/06/2004	Nam	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3484
19	22130189	Nguyễn Bảo	Nguyên	08/11/2004	Nam	2.33	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3485
20	22130192	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	09/05/2004	Nữ	2.72	158	Khá	KS.NLU.2026.3486
21	22130195	Mai Lâm	Nhật	11/04/2004	Nam	2.77	160	Khá	KS.NLU.2026.3487
22	22130198	Đặng Thị Huyền	Như	12/11/2004	Nữ	2.80	160	Khá	KS.NLU.2026.3488
23	22130218	Nguyễn Hoàng	Phúc	05/11/2004	Nam	3.08	160	Khá	KS.NLU.2026.3489
24	22130237	Nguyễn Thanh	Sơn	18/08/2004	Nam	2.88	160	Khá	KS.NLU.2026.3490
25	22130250	Lê Quốc	Thái	08/05/2004	Nam	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.3491
26	22130253	Trần Ngọc	Thanh	28/02/2004	Nam	2.67	160	Khá	KS.NLU.2026.3492
27	22130260	Nguyễn Văn	Thạnh	04/01/2003	Nam	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.3493

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
28	22130263	Phạm Quốc	Thiện	18/10/2003	Nam	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.3494
29	22130269	Nguyễn Hữu	Thịnh	23/05/2004	Nam	3.30	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3495
30	22130299	Phạm Quang	Trọng	31/05/2004	Nam	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.3496
31	22130320	Trần Quốc	Văn	15/12/2004	Nam	3.12	158	Khá	KS.NLU.2026.3497
32	22130332	Nguyễn Ngọc	Vỹ	31/08/2004	Nam	2.97	160	Khá	KS.NLU.2026.3498
DH22DTNT									
1	22130335	Nguyễn Thị Vân	Cầm	21/06/2004	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.3499
2	22130337	Trần Nam	Hiếu	10/06/2004	Nam	2.43	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3500
3	22130340	Bùi Xuân	Phong	06/01/2004	Nam	2.51	158	Khá	KS.NLU.2026.3501
4	22130341	Nguyễn Phú	Phước	29/12/2004	Nam	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.3502
5	22152045	Lê Thành	Phương	04/11/2004	Nam	2.24	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3503
6	22130346	Nguyễn Phạm	Vinh	30/06/2004	Nam	2.72	158	Khá	KS.NLU.2026.3504
7	22130347	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	21/09/2004	Nam	2.94	158	Khá	KS.NLU.2026.3505
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm									
DH14TP									
1	14125753	Nguyễn Chí	Toàn	21/09/1996	Nam	3.28	144	Giỏi	KS.NLU.2026.3036
2	13125920	Phạm Ngọc Uyên	Trâm	19/02/1995	Nữ	3.01	145	Khá	KS.NLU.2026.3037
DH15BQ									
1	15125269	Liêu Tấn	Triệu	01/09/1997	Nữ	2.59	135	Khá	KS.NLU.2026.3038
DH16BQGL									
1	16125020	Ngô Thị Thanh	Uyên	19/11/1998	Nữ	2.28	136	Trung bình	KS.NLU.2026.3039
DH16DD									
1	16125155	Nguyễn Thị	Giang	04/01/1998	Nữ	2.42	135	Trung bình	KS.NLU.2026.3040
DH17BQC									
1	17125409	Lê Thị Thu	Ngân	21/09/1999	Nữ	2.91	135	Khá	KS.NLU.2026.3041
DH18HD									
1	18139013	Lê Châu Ngọc	Bích	02/08/2000	Nữ	2.84	137	Khá	KS.NLU.2026.3042

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH18HT									
1	18139027	Võ Thị	Điệp	03/05/2000	Nữ	2.39	137	Trung bình	KS.NLU.2026.3043
DH19DD									
1	19125250	Trần Thị Yến	Nhi	26/06/2001	Nữ	2.77	138	Khá	KS.NLU.2026.3044
DH19HD									
1	19139004	Nguyễn Thị Thúy	An	04/05/2001	Nữ	2.44	138	Trung bình	KS.NLU.2026.3045
DH19TP									
1	19125516	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/02/2001	Nữ	3.27	145	Giỏi	KS.NLU.2026.3046
2	19125522	Ngô Thị Mỹ	Nữ	15/01/2001	Nữ	2.90	146	Khá	KS.NLU.2026.3047
DH19VT									
1	19125322	Nguyễn Thi Quang	Thắng	16/08/2001	Nam	2.68	137	Khá	KS.NLU.2026.3048
DH20BQ									
1	20125681	Quan Lệ	Thanh	09/09/2002	Nữ	2.59	158	Khá	KS.NLU.2026.3049
DH20BQC									
1	20125434	Quách Đình Văn	Huy	28/10/2002	Nam	2.37	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3050
2	20125772	Nguyễn Đặng Xuân	Trúc	09/10/2002	Nữ	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.3051
DH20DD									
1	20125735	Nguyễn Nhật	Tiên	04/04/2002	Nữ	2.84	160	Khá	KS.NLU.2026.3052
DH20HD									
1	20139227	Phan Gia	Huy	30/09/2002	Nam	2.04	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3053
2	20139269	Hồ Trọng	Nghĩa	24/04/2000	Nam	2.90	159	Khá	KS.NLU.2026.3054
3	20139272	Nguyễn Thị	Ngọc	10/10/2002	Nữ	2.51	159	Khá	KS.NLU.2026.3055
DH20HS									
1	20139226	Trần Xuân	Hương	04/11/2002	Nữ	2.86	159	Khá	KS.NLU.2026.3056
2	20139185	Ngô Duy	Đăng	25/11/2002	Nam	2.54	160	Khá	KS.NLU.2026.3057
3	20139365	Trần Lâm	Trường	25/12/2002	Nam	2.50	160	Khá	KS.NLU.2026.3058

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20HT									
1	20139180	Nguyễn Văn	Cang	08/02/2002	Nam	2.52	159	Khá	KS.NLU.2026.3059
DH20TP									
1	20125672	Văn Ngọc	Tân	15/09/2002	Nam	2.71	161	Khá	KS.NLU.2026.3060
DH21BQ									
1	21129576	Trần Huỳnh Khánh	Chung	24/02/2003	Nữ	3.24	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3061
2	21129667	Châu Kim	Hồng	22/06/2003	Nữ	2.91	159	Khá	KS.NLU.2026.3062
3	21129859	Nguyễn Nhật	Phát	05/10/2003	Nam	2.51	159	Khá	KS.NLU.2026.3063
4	21125425	Hồng Nguyễn Trúc	Trâm	04/11/2003	Nữ	3.26	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3064
DH21BQC									
1	21125545	Nguyễn Trần Mai	Anh	08/12/2003	Nữ	2.62	159	Khá	KS.NLU.2026.3065
2	21125546	Phan Thị Hồng	Anh	02/05/2003	Nữ	3.09	158	Khá	KS.NLU.2026.3066
3	21125620	Lê Minh	Hải	04/10/2003	Nam	2.88	158	Khá	KS.NLU.2026.3067
4	21125690	Bùi Minh	Khang	17/08/2003	Nam	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.3068
5	21125740	Lê Trần Nhật	Long	13/09/2003	Nam	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.3069
6	21125749	Nguyễn Phước Xuân	Mai	22/10/2003	Nữ	3.27	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3070
7	21125852	Nguyễn Thị Diễm	Ni	23/10/2003	Nữ	2.89	159	Khá	KS.NLU.2026.3071
8	21125828	Ngô Châu Huyền	Nhi	13/07/2003	Nữ	2.71	159	Khá	KS.NLU.2026.3072
9	21125897	Nguyễn Hữu	Tâm	09/06/2003	Nam	2.88	159	Khá	KS.NLU.2026.3073
10	21125964	Nguyễn Thị Minh	Thùy	12/12/2003	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.3074
11	21125982	Lý Ngọc Phương	Trâm	29/03/2003	Nữ	2.92	159	Khá	KS.NLU.2026.3075
DH21DD									
1	21125159	Cao Thiên	Kim	21/05/2003	Nữ	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.3076
2	21129910	Ngô Toàn	Thắng	12/10/2003	Nam	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.3077
3	21129959	Đặng Mạnh	Thường	13/12/2003	Nam	2.58	159	Khá	KS.NLU.2026.3078
4	21125529	Trương Ái	Trâm	28/11/2003	Nữ	2.50	160	Khá	KS.NLU.2026.3079
5	21129991	Trần Bảo	Trân	21/03/2003	Nữ	2.73	158	Khá	KS.NLU.2026.3080

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21HD									
1	21139295	Phạm Ngọc	Hiếu	25/02/2003	Nữ	2.89	159	Khá	KS.NLU.2026.3081
2	21139299	Nguyễn Lâm	Hùng	27/08/2003	Nam	2.56	160	Khá	KS.NLU.2026.3082
3	21139061	Bá Thị Lan	Hương	01/10/2003	Nữ	2.55	159	Khá	KS.NLU.2026.3083
4	21139309	Nguyễn Thị Mai	Kha	09/09/2003	Nữ	2.96	159	Khá	KS.NLU.2026.3084
5	21139319	Trần Thị Hồng	Lam	05/09/2003	Nữ	2.76	159	Khá	KS.NLU.2026.3085
6	21139326	Phạm Thị Thùy	Linh	21/02/2003	Nữ	2.89	159	Khá	KS.NLU.2026.3086
7	21139357	Thái Thị Kim	Ngân	01/03/2003	Nữ	2.90	160	Khá	KS.NLU.2026.3087
8	21139380	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27/10/2002	Nữ	2.72	159	Khá	KS.NLU.2026.3088
9	21139408	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	29/07/2003	Nữ	2.63	158	Khá	KS.NLU.2026.3089
10	21139424	Nguyễn Hoàng	Thái	19/01/2003	Nam	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.3090
11	21139215	Tô Hồng Thanh	Vy	25/04/2003	Nữ	2.77	158	Khá	KS.NLU.2026.3091
DH21HS									
1	21139269	Hồ Thị Mỹ	Duyên	09/05/2003	Nữ	2.94	158	Khá	KS.NLU.2026.3092
2	21139300	Mai Thành	Hưng	01/11/2003	Nam	2.59	159	Khá	KS.NLU.2026.3093
3	21139084	Lê Trần Xuân	Mai	30/01/2003	Nữ	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.3094
4	21139344	Hồng Dương Phương	Nam	17/07/2003	Nam	2.40	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3095
5	21139423	Nguyễn Hoàng Nhựt	Tài	07/04/2003	Nam	2.50	159	Khá	KS.NLU.2026.3096
6	21139491	Trương Thị Ngọc	Tuyền	25/11/2003	Nữ	2.52	159	Khá	KS.NLU.2026.3097
7	21139465	Ngô Ngọc	Trân	04/10/2003	Nữ	2.65	159	Khá	KS.NLU.2026.3098
8	21126560	Phan Trung	Trực	13/05/2003	Nam	2.57	159	Khá	KS.NLU.2026.3099
DH21HT									
1	21139268	Võ Khánh	Duy	05/07/2003	Nam	2.53	158	Khá	KS.NLU.2026.3100
2	21139270	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	21/01/2003	Nữ	2.48	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3101
3	21139257	Đỗ Ngọc Tuyết	Đoan	31/07/2003	Nữ	2.83	160	Khá	KS.NLU.2026.3102
4	21139274	Phạm Thị Thu	Giang	20/10/2003	Nữ	2.95	159	Khá	KS.NLU.2026.3103
5	21139277	Hồng Chí	Hải	27/03/2002	Nam	2.43	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3104
6	21139303	Lê Thị	Hương	29/07/2003	Nữ	3.42	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3105

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	21139321	Phạm Thị Thu	Lan	08/08/2003	Nữ	2.40	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3106
8	21139320	Bùi Tiến	Lâm	07/11/2003	Nam	2.67	160	Khá	KS.NLU.2026.3107
9	21139377	Hoàng Thị Thảo	Nhi	27/11/2003	Nữ	2.48	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3108
10	21139400	Bạch Sơn	Phúc	15/09/2003	Nam	3.20	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3109
DH21TP									
1	21129572	Phạm Bích	Châu	07/08/2003	Nữ	3.48	161	Giỏi	KS.NLU.2026.3110
2	21125054	Trịnh Anh	Đào	18/11/2003	Nữ	3.07	161	Khá	KS.NLU.2026.3111
3	20125284	Ngô Trí	Huy	25/01/2002	Nam	2.77	165	Khá	KS.NLU.2026.3112
4	21125677	Lê Thu	Hương	30/06/2003	Nữ	3.60	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3113
5	21125150	Lê Hoàng Kim	Khánh	12/02/2003	Nữ	3.74	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3114
6	21125248	Nguyễn Huỳnh Phương	Nguyên	10/10/2003	Nữ	2.92	161	Khá	KS.NLU.2026.3115
7	21125624	Lê Bùi Cẩm	Tú	10/04/2003	Nữ	3.08	161	Khá	KS.NLU.2026.3116
8	21125994	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/09/2003	Nữ	3.67	161	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3117
9	21129566	Lê Thị Hồng	Trúc	13/04/2003	Nữ	3.37	161	Giỏi	KS.NLU.2026.3118
DH21VT									
1	21129543	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	14/06/2003	Nữ	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.3119
2	21125524	Lý Thanh	Bình	13/08/2003	Nam	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.3120
3	21129575	Nguyễn Minh	Chiến	30/10/2002	Nam	2.59	159	Khá	KS.NLU.2026.3121
4	21129587	Ngô Nguyễn Thiên	Di	05/05/2003	Nữ	3.00	158	Khá	KS.NLU.2026.3122
5	21125070	Trần Minh	Duy	25/08/2003	Nam	2.80	158	Khá	KS.NLU.2026.3123
6	21129658	Phùng Thanh	Hiếu	01/01/2003	Nam	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.3124
7	21125188	Võ Sỹ Thanh	Long	07/08/2003	Nam	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.3125
8	21129795	Phan Trung	Nghĩa	29/09/2003	Nam	2.74	158	Khá	KS.NLU.2026.3126
9	21125520	Huỳnh Đào Bảo	Ngọc	28/03/2002	Nữ	2.50	159	Khá	KS.NLU.2026.3127
10	21129925	Nguyễn Thị Minh	Thảo	27/01/2003	Nữ	3.06	159	Khá	KS.NLU.2026.3128
11	21129933	Hoàng Đức	Thiện	10/11/2003	Nam	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.3129
12	21129772	Lê Đại	Vĩ	30/08/2003	Nam	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3130

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH22BQ									
1	22129004	Trần Mỹ	An	04/07/2004	Nữ	3.44	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3131
2	22129035	Phạm Mộng	Diệp	14/05/2004	Nữ	3.23	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3132
3	22129037	Đoàn Thị Hiền	Diệu	26/09/2004	Nữ	3.13	160	Khá	KS.NLU.2026.3133
4	22129040	Châu Nguyễn Hoàng	Dinh	04/10/2004	Nam	2.82	160	Khá	KS.NLU.2026.3134
5	22129050	Lê Huỳnh	Duyên	12/05/2004	Nữ	3.02	161	Khá	KS.NLU.2026.3135
6	22129028	Nguyễn Quỳnh Thảo	Đan	10/04/2004	Nữ	2.68	159	Khá	KS.NLU.2026.3136
7	22129077	Đặng Trần Anh	Hảo	27/03/2004	Nam	2.92	160	Khá	KS.NLU.2026.3137
8	22129376	Vi Thị	Hiền	16/09/2003	Nữ	2.87	161	Khá	KS.NLU.2026.3138
9	22129091	Nguyễn Nguyễn Sơn	Hồng	10/10/2004	Nữ	2.99	160	Khá	KS.NLU.2026.3139
10	22129102	Nguyễn Ngọc	Huyền	27/09/2004	Nữ	3.33	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3140
11	22129093	Bùi Nguyên	Hương	15/02/2004	Nữ	2.99	160	Khá	KS.NLU.2026.3141
12	22129125	Hồ Thị Kim	Kông	16/02/2004	Nữ	3.15	160	Khá	KS.NLU.2026.3142
13	22129130	Đinh Châu Hồng	Lê	23/06/2004	Nữ	3.52	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3143
14	22129139	Võ Thị Yến	Linh	01/01/2004	Nữ	3.46	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3144
15	22129155	Nguyễn Ngọc Hoài	Nam	11/10/2004	Nam	2.91	160	Khá	KS.NLU.2026.3145
16	22129171	Trương Thị Tuyết	Ngân	21/08/2004	Nữ	3.58	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3146
17	22129168	Trần Nguyễn Kim	Ngân	20/10/2004	Nữ	3.55	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3147
18	22129166	Phạm Thị Kim	Ngân	27/10/2004	Nữ	3.32	161	Giỏi	KS.NLU.2026.3148
19	22129162	Huỳnh Dương Tuyết	Ngân	22/09/2004	Nữ	3.23	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3149
20	22129178	Phạm Thị Thu	Ngoan	09/05/2004	Nữ	3.18	160	Khá	KS.NLU.2026.3150
21	22129185	Trương Mỹ	Ngọc	08/06/2004	Nữ	3.54	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3151
22	22129179	Hoàng Thị Ánh	Ngọc	20/01/2004	Nữ	3.18	160	Khá	KS.NLU.2026.3152
23	22129204	Mai Thị Yến	Nhi	13/04/2004	Nữ	3.29	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3153
24	22129264	Trần Thu	Thảo	15/06/2004	Nữ	3.61	160	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3154
25	22129267	Lâm Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	Nữ	3.15	160	Khá	KS.NLU.2026.3155
26	22129283	Nguyễn Minh	Thư	01/02/2004	Nữ	3.28	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3156
27	22129330	Nông Đoàn Thảo	Trang	05/09/2004	Nữ	3.47	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3157

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
28	22129320	Huỳnh Ngọc	Trầm	08/06/2004	Nữ	3.25	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3158
29	22129338	Chung Huỳnh Thanh	Trúc	18/03/2004	Nữ	3.15	160	Khá	KS.NLU.2026.3159
30	22129364	Trần Trọng Quốc	Vương	12/02/2004	Nam	3.27	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3160
DH22BQC									
1	22125006	Bùi Trần Lan	Anh	06/11/2004	Nữ	3.76	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3161
2	22125019	Lê Phan Thái	Bình	04/05/2004	Nam	3.12	159	Khá	KS.NLU.2026.3162
3	22125041	Đoàn Nguyễn Khánh	Đoan	24/03/2004	Nữ	3.19	159	Khá	KS.NLU.2026.3163
4	22125081	Phạm Thị	Hiền	02/10/2004	Nữ	3.15	158	Khá	KS.NLU.2026.3164
5	22125110	Nguyễn Mỹ Hoàng	Kha	19/08/2004	Nữ	3.65	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3165
6	22125117	Nguyễn Ngọc Yến	Khoa	24/08/2004	Nữ	2.86	158	Khá	KS.NLU.2026.3166
7	22125137	Thiều Gia	Linh	26/06/2004	Nữ	3.05	158	Khá	KS.NLU.2026.3167
8	22125200	Trần Thế	Nhân	10/09/2004	Nam	2.80	159	Khá	KS.NLU.2026.3168
9	22125212	Trương Yến	Nhi	02/02/2004	Nữ	3.21	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3169
10	22125205	Ngô Võ Ý	Nhi	21/05/2004	Nữ	2.91	158	Khá	KS.NLU.2026.3170
11	22125216	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	09/05/2004	Nữ	3.54	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3171
12	22125229	Đoàn Nữ Hoài	Phương	30/08/2004	Nữ	3.45	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3172
13	22125247	Trần Thị Phương	Quỳnh	18/08/2004	Nữ	2.81	159	Khá	KS.NLU.2026.3173
14	22125253	Nguyễn Thành	Tài	02/04/2004	Nam	3.76	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3174
15	22125327	Lê Thị Thu	Trang	22/09/2004	Nữ	3.19	158	Khá	KS.NLU.2026.3175
16	22125366	Nguyễn Đăng	Vy	04/01/2004	Nữ	3.51	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3176
DH22DD									
1	22129021	Lê Thị	Búp	14/07/2004	Nữ	3.79	159	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3177
2	22129023	Trần Ngọc Hồng	Châu	28/09/2004	Nữ	3.27	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3178
3	22129047	Trần Quốc	Duy	20/12/2004	Nam	3.40	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3179
4	22129051	Trần Mỹ	Duyên	26/05/2004	Nữ	3.42	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3180
5	22129049	Lâm Thị Mỹ	Duyên	09/10/2004	Nữ	3.10	158	Khá	KS.NLU.2026.3181
6	22129052	Trần Thị Mỹ	Duyên	22/11/2004	Nữ	2.71	159	Khá	KS.NLU.2026.3182
7	22129072	Nguyễn Thị	Hạnh	01/12/2004	Nữ	3.48	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3183

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	22129073	Trần Ngọc	Hạnh	17/12/2004	Nữ	2.75	159	Khá	KS.NLU.2026.3184
9	22129067	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	29/03/2004	Nữ	3.41	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3185
10	22129069	Trần Ngọc	Hằng	20/02/2004	Nữ	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.3186
11	22129082	Phan Thị Thu	Hiền	18/07/2004	Nữ	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.3187
12	22129100	Thái Từ	Huy	10/06/2004	Nam	3.50	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3188
13	22129104	Phan Thị Bích	Huyền	12/08/2004	Nữ	2.93	159	Khá	KS.NLU.2026.3189
14	22129107	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	08/04/2004	Nữ	2.75	158	Khá	KS.NLU.2026.3190
15	22129106	Đào Thị Mộng	Huỳnh	21/04/2004	Nữ	2.65	158	Khá	KS.NLU.2026.3191
16	22129095	Trần Hồ Xuân	Hương	22/01/2004	Nữ	2.86	159	Khá	KS.NLU.2026.3192
17	22129096	Phạm Xuân	Hường	29/04/2004	Nữ	3.12	159	Khá	KS.NLU.2026.3193
18	22129109	Đào Thị Minh	Kha	07/11/2004	Nữ	3.35	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3194
19	22129141	Nguyễn Tiểu	Long	22/02/2004	Nam	3.42	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3195
20	22129144	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	29/05/2004	Nữ	2.73	160	Khá	KS.NLU.2026.3196
21	22129150	Võ Thị Diễm	My	08/12/2003	Nữ	3.68	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3197
22	22129156	Trương Văn	Nam	18/06/2004	Nam	3.16	160	Khá	KS.NLU.2026.3198
23	22129167	Phan Thanh	Ngân	09/02/2004	Nữ	3.71	160	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3199
24	22129163	Ngô Thị Kim	Ngân	23/11/2003	Nữ	3.52	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3200
25	22129182	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/07/2004	Nữ	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.3201
26	22129187	Hồ Hạ	Nguyên	03/07/2004	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.3202
27	22129189	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	14/03/2004	Nữ	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.3203
28	22129195	Nguyễn Thị	Nguyệt	06/10/2004	Nữ	3.25	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3204
29	22129199	Nguyễn Ái	Nhân	27/01/2004	Nữ	3.06	159	Khá	KS.NLU.2026.3205
30	22129203	Lê Thị Yến	Nhi	10/04/2004	Nữ	3.18	160	Khá	KS.NLU.2026.3206
31	22129222	Võ Phạm Phi	Nhung	29/11/2004	Nữ	3.17	160	Khá	KS.NLU.2026.3207
32	22129231	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/12/2004	Nữ	3.04	159	Khá	KS.NLU.2026.3208
33	22129245	Nguyễn Xuân	Quỳnh	26/06/2004	Nữ	3.04	159	Khá	KS.NLU.2026.3209
34	22129252	Nguyễn Hữu	Tài	28/10/2004	Nam	2.84	160	Khá	KS.NLU.2026.3210
35	22129305	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	29/10/2004	Nữ	3.54	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3211

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
36	22129309	Đỗ Nguyễn Công	Tiến	18/05/2004	Nam	2.90	159	Khá	KS.NLU.2026.3212
37	22129343	Ngô Văn	Tuấn	06/08/2004	Nam	3.36	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3213
38	22129263	Đoàn Thị Minh	Thành	05/07/2004	Nữ	2.96	158	Khá	KS.NLU.2026.3214
39	22129270	Trần Thị Thanh	Thảo	23/12/2004	Nữ	3.58	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3215
40	22129271	Võ Thị Phương	Thảo	03/06/2004	Nữ	3.56	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3216
41	22129268	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/10/2004	Nữ	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.3217
42	22129258	Lê Thị Hồng	Thắm	25/06/2001	Nữ	3.37	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3218
43	22129259	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	13/04/2004	Nữ	3.24	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3219
44	22129260	Võ Thị Ái	Thân	13/05/2004	Nữ	3.60	159	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3220
45	22129298	Lê Thị Thu	Thuỳ	22/11/2004	Nữ	2.92	159	Khá	KS.NLU.2026.3221
46	22129279	Lê Thị Minh	Thư	03/01/2004	Nữ	3.65	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3222
47	22129287	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/05/2004	Nữ	3.64	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3223
48	22129286	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/01/2004	Nữ	3.35	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3224
49	22129326	Hồ Thị Thùy	Trang	06/08/2004	Nữ	3.85	159	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3225
50	22129329	Ngô Huyền	Trang	13/07/2004	Nữ	3.05	160	Khá	KS.NLU.2026.3226
51	22129313	Đỗ Huyền	Trâm	01/06/2004	Nữ	3.03	160	Khá	KS.NLU.2026.3227
52	22129318	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	10/08/2004	Nữ	3.02	159	Khá	KS.NLU.2026.3228
53	22129323	Nguyễn Thị Bảo	Trân	30/12/2004	Nữ	3.44	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3229
54	22129322	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	03/03/2004	Nữ	2.83	159	Khá	KS.NLU.2026.3230
55	22129337	Mai Hữu	Trọng	06/02/2004	Nam	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3231
56	22129349	Lâm Minh	Uyên	08/12/2004	Nữ	3.39	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3232
57	22129351	Nguyễn Thị Như	Uyên	15/09/2004	Nữ	3.49	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3233
58	22129362	Đồng Thị Mỹ	Vui	28/05/2004	Nữ	3.45	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3234
59	22129363	Nguyễn Thị Xuân	Vui	28/01/2004	Nữ	3.54	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3235
DH22HD									
1	22139002	Lê Quốc	Anh	06/04/2004	Nam	3.05	160	Khá	KS.NLU.2026.3236
2	22139006	Nguyễn Gia	Bảo	25/10/2004	Nam	3.09	160	Khá	KS.NLU.2026.3237
3	22139010	Nguyễn Triệu Ngọc	Diễm	15/11/2004	Nữ	3.15	159	Khá	KS.NLU.2026.3238

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
4	22139017	Nguyễn Thị Thanh	Hân	24/06/2004	Nữ	3.02	159	Khá	KS.NLU.2026.3239
5	22139037	Võ Tuấn	Kiệt	03/06/2004	Nam	3.15	160	Khá	KS.NLU.2026.3240
6	22139029	Đào Minh	Kha	29/09/2004	Nam	3.02	160	Khá	KS.NLU.2026.3241
7	22139068	Trần Lê Mỹ	Nhân	01/09/2004	Nữ	2.84	159	Khá	KS.NLU.2026.3242
8	22139072	Trà Thị Phương	Nhi	16/09/2004	Nữ	3.07	160	Khá	KS.NLU.2026.3243
9	22139076	Trương Lê Quyên	Nhi	15/02/2004	Nữ	2.57	161	Khá	KS.NLU.2026.3244
10	22139082	Trần Phúc Tâm	Như	01/07/2004	Nữ	3.50	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3245
11	22139080	Nguyễn Quỳnh	Như	09/08/2004	Nữ	3.36	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3246
12	22139092	Phan Thị Yến	Quỳnh	02/02/2004	Nữ	3.50	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3247
13	22139091	Hoàng Như	Quỳnh	28/09/2003	Nữ	3.42	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3248
14	22139097	Nguyễn Hồ	Tá	22/07/2003	Nam	3.48	160	Giỏi	KS.NLU.2026.3249
15	22139121	Trần Thị Thuỷ	Tiên	01/12/2004	Nữ	3.27	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3250
16	22139124	Nguyễn Minh	Tốt	02/03/2004	Nam	2.86	160	Khá	KS.NLU.2026.3251
17	22139107	Nguyễn Đức	Thắng	25/08/2004	Nam	2.68	161	Khá	KS.NLU.2026.3252
18	22139111	Lê Ngọc Hiền	Thơ	01/07/2004	Nữ	2.84	161	Khá	KS.NLU.2026.3253
19	22139114	Lê Ngọc Anh	Thư	13/01/2004	Nữ	2.86	160	Khá	KS.NLU.2026.3254
20	22139127	Võ Nguyên Hồng	Trâm	02/03/2004	Nữ	3.14	159	Khá	KS.NLU.2026.3255
21	22139139	Lê Thanh	Vân	24/09/2004	Nữ	3.34	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3256
22	22139140	Nguyễn Trần Khánh	Vân	20/06/2004	Nữ	3.17	160	Khá	KS.NLU.2026.3257
23	22139144	Trần Quốc	Vũ	24/10/2004	Nam	3.06	160	Khá	KS.NLU.2026.3258
DH22HS									
1	22139009	Trần Tiến	Đạt	12/07/2004	Nam	2.75	160	Khá	KS.NLU.2026.3259
2	22139034	Lê Minh	Khôi	31/12/2004	Nam	3.27	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3260
3	22139058	Huỳnh Tuyết	Ngân	27/01/2004	Nữ	2.60	158	Khá	KS.NLU.2026.3261
4	22139075	Trần Thị Nguyệt	Nhi	10/08/2004	Nữ	3.35	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3262
5	22139070	Nguyễn Lê Xuân	Nhi	23/07/2004	Nữ	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.3263
6	22139084	Võ Thị Ánh	Như	20/07/2004	Nữ	2.49	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3264
7	22139081	Phạm Thị Quỳnh	Như	20/04/2004	Nữ	2.71	158	Khá	KS.NLU.2026.3265

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
8	22139078	Huỳnh Thị Yến	Như	12/02/2004	Nữ	3.17	158	Khá	KS.NLU.2026.3266
9	22139089	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	05/01/2004	Nữ	2.88	159	Khá	KS.NLU.2026.3267
10	22139095	Lương Thị Bạch	Sâm	18/05/2004	Nữ	2.85	158	Khá	KS.NLU.2026.3268
11	22139115	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	20/11/2004	Nữ	3.16	158	Khá	KS.NLU.2026.3269
DH22HT									
1	22139040	Nguyễn Thụy Thiên	Kim	23/08/2004	Nữ	2.92	158	Khá	KS.NLU.2026.3270
2	22139035	Nguyễn Minh	Khôi	06/06/2004	Nam	3.03	158	Khá	KS.NLU.2026.3271
3	22139044	Nguyễn Hoàng Thảo	Linh	11/02/2004	Nữ	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.3272
4	22139063	Trần Vĩnh	Nghi	02/08/2004	Nam	2.61	158	Khá	KS.NLU.2026.3273
5	22139073	Trần Ngọc Tuyết	Nhi	30/03/2004	Nữ	2.94	159	Khá	KS.NLU.2026.3274
6	22139100	Nguyễn Phan Minh	Tâm	20/09/2004	Nam	2.97	158	Khá	KS.NLU.2026.3275
7	22139103	Nguyễn Thành	Tân	13/09/2004	Nam	2.83	159	Khá	KS.NLU.2026.3276
DH22VT									
1	22129009	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	31/05/2004	Nữ	3.43	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3277
2	22129022	Trần Kiều	Châu	08/01/2004	Nữ	2.86	159	Khá	KS.NLU.2026.3278
3	22129043	Nguyễn Thị Thu	Dung	17/03/2004	Nữ	2.87	159	Khá	KS.NLU.2026.3279
4	22129048	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	07/08/2004	Nữ	3.14	159	Khá	KS.NLU.2026.3280
5	22129083	Trương Thị Thu	Hiền	23/02/2004	Nữ	3.65	158	Xuất sắc	KS.NLU.2026.3281
6	22129085	Nguyễn Quỳnh	Hoa	25/09/2004	Nữ	3.15	159	Khá	KS.NLU.2026.3282
7	22129090	Lê Thị Mai	Hồng	30/08/2004	Nữ	2.66	158	Khá	KS.NLU.2026.3283
8	22129099	Nguyễn Võ Nam	Huy	14/01/2004	Nam	2.72	159	Khá	KS.NLU.2026.3284
9	22129092	Võ Lê Tuấn	Hưng	11/07/2004	Nam	2.60	159	Khá	KS.NLU.2026.3285
10	22129140	Nguyễn Hữu	Lộc	04/03/2004	Nam	2.66	159	Khá	KS.NLU.2026.3286
11	22129147	Đỗ Hà	My	20/11/2004	Nữ	2.98	158	Khá	KS.NLU.2026.3287
12	22129151	Lâm Thoại	Mỹ	31/07/2004	Nữ	3.48	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3288
13	22129157	Lê Bảo	Năng	05/01/2004	Nam	3.43	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3289
14	22129169	Trần Thị Kim	Ngân	20/10/2004	Nữ	3.28	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3290
15	22129165	Nguyễn Thu	Ngân	11/01/2004	Nữ	2.76	159	Khá	KS.NLU.2026.3291

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
16	22129173	Nguyễn Đông	Nghi	29/11/2004	Nữ	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.3292
17	22129177	Nguyễn Thị Trung	Nghĩa	23/10/2004	Nữ	3.11	158	Khá	KS.NLU.2026.3293
18	22129194	Lê Thị Hồng	Nguyệt	29/04/2004	Nữ	3.10	159	Khá	KS.NLU.2026.3294
19	22129214	Trình Ngọc	Nhỉ	22/07/2004	Nữ	3.23	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3295
20	22129228	Nguyễn Hữu	Phước	15/11/2004	Nam	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.3296
21	22129232	Trương Nhật	Phương	06/02/2004	Nữ	2.77	159	Khá	KS.NLU.2026.3297
22	22129236	Bùi Thị Mỹ	Quy	20/05/2004	Nữ	3.06	159	Khá	KS.NLU.2026.3298
23	22129239	Tất Thị Mỹ	Quyên	14/05/2004	Nữ	3.49	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3299
24	22129255	Đỗ Duy	Tân	03/09/2004	Nam	3.10	159	Khá	KS.NLU.2026.3300
25	22129348	Trần Thanh	Tuyền	12/06/2004	Nữ	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.3301
26	22129347	Lê Thị Kim	Tuyến	12/12/2004	Nữ	3.06	158	Khá	KS.NLU.2026.3302
27	22129346	Đặng Thị Hồng	Tươi	21/11/2004	Nữ	3.36	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3303
28	22129275	Nguyễn Thị Kim	Thoa	24/05/2004	Nữ	3.25	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3304
29	22129293	Lâm Trần Hoài	Thương	10/06/2004	Nữ	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.3305
30	22129302	Nguyễn Bảo	Thy	21/10/2004	Nữ	2.69	158	Khá	KS.NLU.2026.3306
31	22129315	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	02/09/2004	Nữ	2.84	158	Khá	KS.NLU.2026.3307
32	22129353	Đặng Thị Hồng	Vân	29/01/2004	Nữ	3.08	158	Khá	KS.NLU.2026.3308
33	22129359	Nguyễn Trần Đông	Viên	19/01/2004	Nữ	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3309
Thủy sản									
DH19CT									
1	19117051	Phan Hà Ái	Nhân	20/07/2001	Nữ	2.55	136	Khá	KS.NLU.2026.3310
2	19117078	Đặng Thị Như	Thảo	18/04/2001	Nữ	2.74	136	Khá	KS.NLU.2026.3311
3	19117103	Trần Thị Mỹ	Vy	07/04/2001	Nữ	3.14	136	Khá	KS.NLU.2026.3312
DH20CT									
1	20117094	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	06/11/2002	Nữ	2.69	160	Khá	KS.NLU.2026.3313
2	20117103	Lê Thị Ánh	Nguyệt	02/07/2002	Nữ	2.31	160	Trung bình	KS.NLU.2026.3314
DH20KS									
1	20116291	Nguyễn Văn	Vinh	10/03/2002	Nam	2.10	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3315

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH20NT									
1	20116200	Nguyễn Thanh	Hòa	18/10/2002	Nam	2.79	159	Khá	KS.NLU.2026.3316
DH20NTNT									
1	20116164	Nguyễn Chi	Linh	19/03/2001	Nữ	2.74	159	Khá	KS.NLU.2026.3317
2	20116302	Trần Văn	Sang	17/08/2002	Nam	2.37	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3318
DH21CT									
1	21117072	Đào Võ Minh	Hiền	04/03/2003	Nam	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3319
2	21117039	Nguyễn Hoà Mai	Quỳnh	14/02/2003	Nữ	2.82	159	Khá	KS.NLU.2026.3320
3	21117115	Nguyễn Thị Thành	Tính	14/09/2003	Nữ	2.63	159	Khá	KS.NLU.2026.3321
4	21117101	Nguyễn Minh	Thảo	27/11/2003	Nữ	2.47	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3322
5	21117102	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/11/2003	Nữ	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3323
6	21117124	Đặng Minh	Trung	27/07/2003	Nam	2.04	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3324
DH21KS									
1	21116022	Trương Thị Ngọc	Duyên	29/05/2003	Nữ	2.26	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3325
2	21116228	Bùi Hồng	Tín	01/06/2003	Nam	2.73	159	Khá	KS.NLU.2026.3326
DH21NT									
1	21116006	Bạch An	Bình	06/02/2003	Nam	2.54	158	Khá	KS.NLU.2026.3327
2	21116126	Võ Phạm	Công	13/04/2003	Nam	2.55	158	Khá	KS.NLU.2026.3328
3	21116017	Hà Mai Quang	Dũng	13/08/2003	Nam	2.78	158	Khá	KS.NLU.2026.3329
4	21116020	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16/04/2003	Nữ	2.44	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3330
5	21116149	Huỳnh Văn	Hùng	16/10/2003	Nam	2.46	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3331
6	21116191	Nguyễn Lê	Phát	24/10/2003	Nam	2.04	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3332
7	21116056	Trần Duy	Phát	01/04/2003	Nam	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.3333
8	21116064	Nguyễn Duy	Phương	16/01/2003	Nam	2.45	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3334
9	21116209	Nguyễn Minh	Tâm	27/03/2003	Nam	2.47	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3335
10	21116095	Lê Thị Thuý	Vi	30/04/2003	Nữ	2.22	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3336

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
DH21NY									
1	21116114	Phạm Đặng Lan	Anh	05/07/2003	Nữ	2.40	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3337
2	21116151	Đào Nguyễn Quốc	Huy	17/03/2003	Nam	2.28	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3338
3	21116034	Phạm Thị Thúy	Kiều	06/07/2003	Nữ	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.3339
4	21116208	Nguyễn Hoài	Tâm	14/05/2003	Nam	2.00	159	Trung bình	KS.NLU.2026.3340
DH22CT									
1	22117010	Huỳnh Mỹ	Duyên	01/11/2004	Nữ	2.90	159	Khá	KS.NLU.2026.3341
2	22117018	Phạm Yến	Ly	12/06/2004	Nữ	3.01	158	Khá	KS.NLU.2026.3342
3	22117017	Nguyễn Thị Trúc	Ly	09/10/2004	Nữ	2.98	159	Khá	KS.NLU.2026.3343
4	22117024	Hoàng Thị Hồng	Nhung	11/02/2004	Nữ	2.94	159	Khá	KS.NLU.2026.3344
5	22117037	Phạm Huyền	Trâm	25/07/2004	Nữ	2.81	159	Khá	KS.NLU.2026.3345
DH22KS									
1	22116056	Lê Quế	My	10/09/2004	Nữ	3.38	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3346
2	22116071	Võ Đại	Phát	26/10/2004	Nam	2.90	158	Khá	KS.NLU.2026.3347
DH22NT									
1	22116019	Nguyễn Văn	Hảo	13/01/2004	Nam	3.17	158	Khá	KS.NLU.2026.3348
2	22116038	Nguyễn Trần Thiện	Khiêm	16/08/2004	Nam	3.02	158	Khá	KS.NLU.2026.3349
3	22116054	Nguyễn Đức	Minh	05/01/2003	Nam	2.68	158	Khá	KS.NLU.2026.3350
4	22116058	Lê Hoàng	Nam	01/01/2004	Nam	3.54	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3351
5	22116078	Nguyễn Văn	Sông	22/01/2004	Nam	3.18	158	Khá	KS.NLU.2026.3352
DH22NY									
1	22116004	Huỳnh Thị Kim	Ánh	06/08/2004	Nữ	3.13	158	Khá	KS.NLU.2026.3353
2	22116007	Trần Thị Trúc	Đang	16/03/2004	Nữ	2.48	158	Trung bình	KS.NLU.2026.3354
3	22116050	Lê Nguyễn Phương	Lan	14/09/2004	Nữ	2.93	158	Khá	KS.NLU.2026.3355
4	22116053	Lâm Tuấn	Minh	09/03/2004	Nam	2.65	159	Khá	KS.NLU.2026.3356
5	22116059	Tống Nhựt	Nam	08/11/2004	Nam	3.46	159	Giỏi	KS.NLU.2026.3357
6	22116084	Bùi Phú	Thật	09/06/2004	Nam	2.97	159	Khá	KS.NLU.2026.3358

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ
7	22116109	Đặng Quốc	Vinh	31/01/2004	Nam	3.28	158	Giỏi	KS.NLU.2026.3359
8	22116114	Nguyễn Thị Thảo	Vy	06/04/2004	Nữ	3.04	158	Khá	KS.NLU.2026.3360